

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
----- *** -----

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**
Tập II
(1975 - 2000)

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NĂM 2022

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN

Ban chỉ đạo nghiên cứu biên soạn:

LÊ XUÂN HÙNG - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư
Thành ủy Thái Nguyên: Trưởng ban

MAI ĐÔNG KINH - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban
Tuyên giáo Thành ủy: Phó Trưởng ban Thường trực

NGUYỄN ĐỨC HÃNH - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy,
Phó Chủ tịch UBND thành phố: Phó ban

DƯƠNG CÔNG NHUẬN - Phó Trưởng ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy: Ủy viên

DƯƠNG THẮNG - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban
Tổ chức Thành ủy: Ủy viên

VŨ MINH TUẤN - Thành ủy viên, Chánh Văn phòng
Thành ủy: Ủy viên

ĐẶNG TRẦN THỌ - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy:
Ủy viên

Biên soạn:

T.S. NGUYỄN XUÂN MINH (Chủ biên): *Chương III và Kết luận*

PHẠM TẮT QUYNH: *Chương IV và Chương V*

NGUYỄN VĂN THẮNG: *Chương I*

VŨ THANH KHÔI: *Chương II*

Hoàn chỉnh bản thảo:

TS. NGUYỄN XUÂN MINH

Sửa bản in:

NGUYỄN VĂN THẮNG

VŨ THANH KHÔI

Bìa: KHẮC THIÊN

Ảnh: PHÒNG VĂN HÓA - THÔNG TIN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN; BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

Chịu trách nhiệm nội dung chính lý, bổ sung, tái bản:
BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN

Ban Chỉ đạo:

1- DƯƠNG VĂN LƯỢNG - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên: Trưởng ban

2- NGUYỄN HOÀNG MÁC - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Thái Nguyên: Phó Trưởng ban Thường trực

3- NGUYỄN THANH BÌNH - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên (từ tháng 7/2022 là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên): Phó Trưởng ban

4- HÀ HUY HOÀNG - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị thành phố Thái Nguyên: Ủy viên Thường trực

5- HOÀNG THỊ MINH THU - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

6- PHẠM THỊ LÝ - Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

7- NGÔ THỦY - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

8- DƯƠNG THỊ THU HẰNG - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch HĐND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

9- NGUYỄN THỊ TUYẾT - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

10- PHẠM THANH HẢI - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Công an thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

11- NGUYỄN THANH NGÂN - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

12- NGUYỄN QUANG ANH - Ủy viên Ban Thường vụ, Chánh Văn phòng Thành ủy Thái Nguyên: Ủy viên

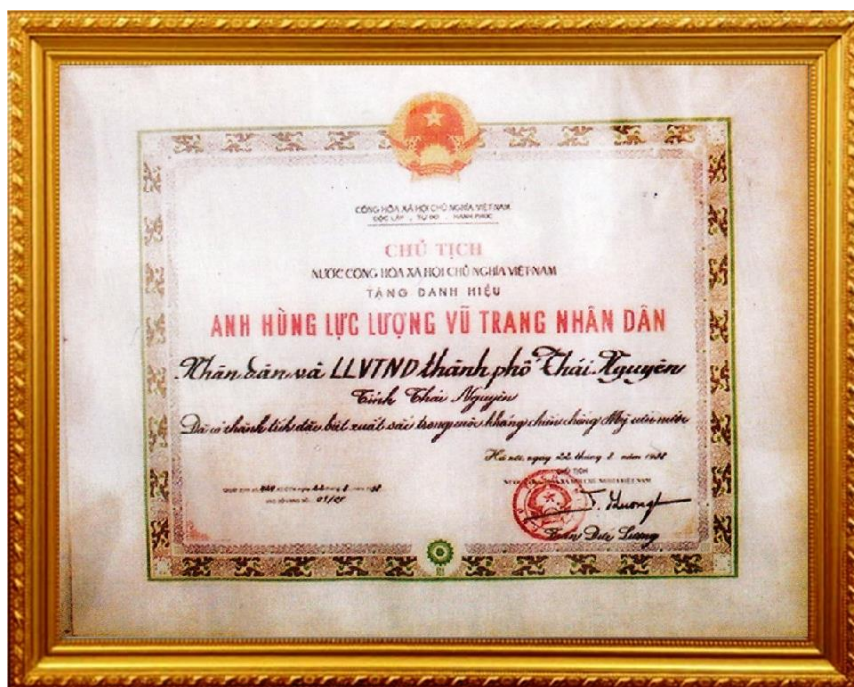
13- MAI HẢI TRUNG - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư Đảng ủy phường Trung Vương: Ủy viên

14- LÊ QUANG MINH - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

15- NGUYỄN VĂN TUỆ - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên: Ủy viên

Chỉnh lý, biên soạn bổ sung: VŨ THANH KHÔI

Biên tập: Tiến sĩ NGUYỄN XUÂN MINH



Ngày 22/8/1998, Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ký Quyết định số 424-KT/CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cho nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên

LỜI GIỚI THIỆU

Tiếp theo cuốn *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1945 - 1975*, xuất bản và phát hành năm 1991, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố quyết định tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản và phát hành cuốn *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập II (1975 - 2000)*

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, Thành ủy đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, tận tình và hết sức quý báu của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh, thành phố và của nhiều đồng chí, đồng bào; đặc biệt là sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng nội dung cuốn sách với tinh thần thẳng thắn, đầy nhiệt tình và trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt tỉnh và thành phố trong các thời kì.

Thay mặt Thành ủy, tôi chân thành cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của các đồng chí và đồng bào.

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập II (1975 - 2000)* đã dựng lại quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ thành phố trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; ghi lại những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa - xã hội mà Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang thành phố đạt được từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước hòa bình, thống nhất đến nay. Cuốn sách cũng phản ánh những mặt chưa thành công của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn; rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong thời kì đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, tập thể Ban Thường vụ Thành ủy, trực tiếp là Ban Chỉ đạo đã có ý kiến chỉ đạo kịp thời. Tổ biên soạn đã làm việc nghiêm túc, công phu và hết sức khẩn trương. Nhờ đó, cuốn sách đã được xuất bản, phát hành vào đúng dịp kỉ niệm 40 năm Ngày thành lập thành phố Thái Nguyên.

Tuy nhiên, do điều kiện và thời gian hạn chế, nên cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí, đồng bào và bạn đọc góp ý kiến phê bình, bổ sung.

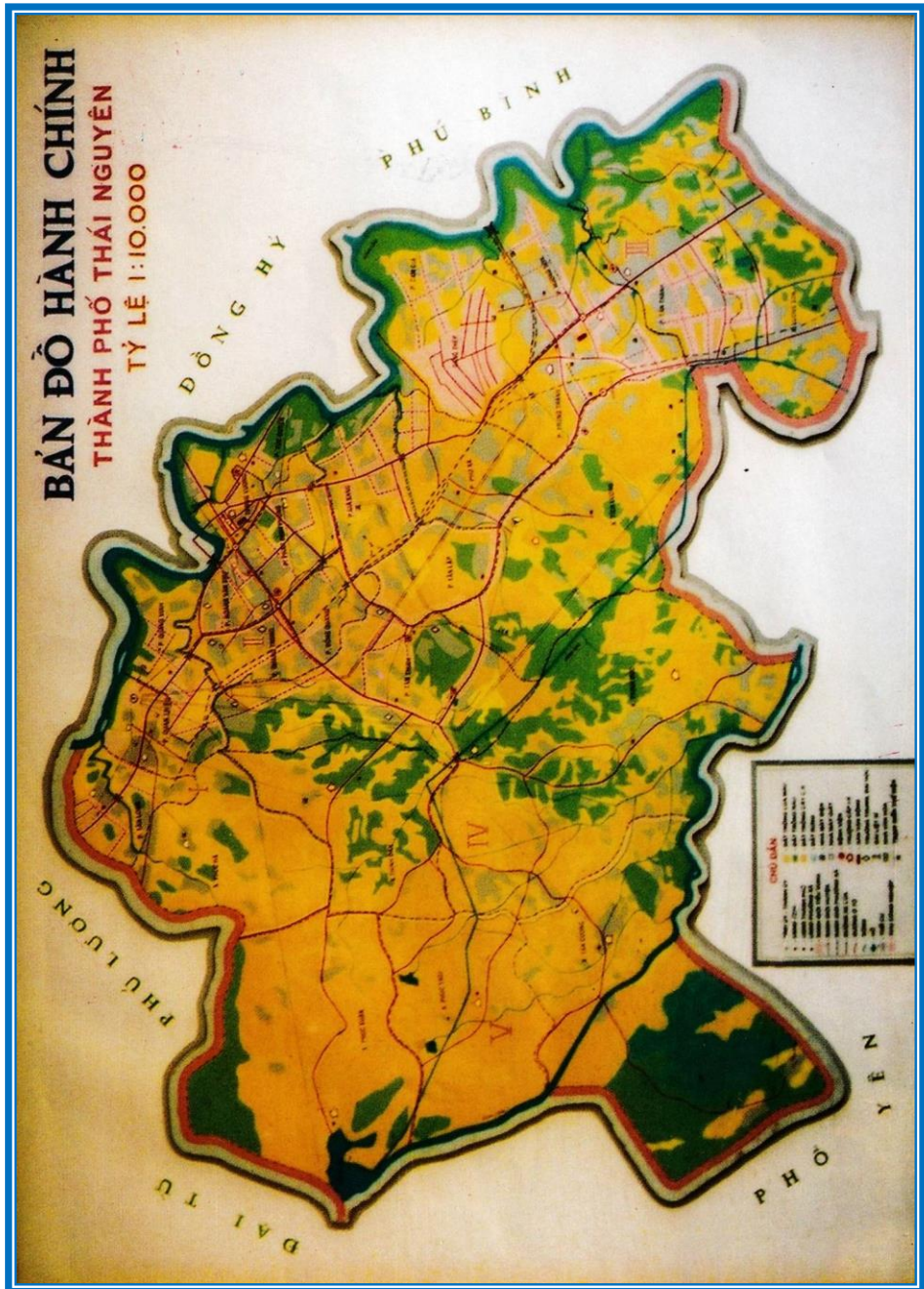
Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập II (1975 - 2000)* với cán bộ, nhân dân và chiến sĩ các lực lượng vũ trang thành phố cùng đông đảo bạn đọc.

LÊ XUÂN HÙNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bí thư Thành ủy Thái Nguyên

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỶ LỆ 1:10.000



Chương I
**ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KÌ
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1975 - 1986)**

I- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, chi viện các tỉnh biên giới chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc (1975 - 1980)

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn và triệt để cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trên 20 năm. Nhân dân cả nước được sống trong hòa bình, thống nhất, độc lập và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hòa chung với niềm vui lớn của cả nước, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên phấn khởi, tự hào bước vào thời kì mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, thành phố Thái Nguyên - trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh, Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc - cơ bản đã được xây dựng và phát triển thành một thành phố công nghiệp luyện kim và cơ khí chế tạo, có Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên là con chim đầu đàn của ngành Luyện kim Việt Nam”. Thành phố là nơi có nhiều trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học với đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân kĩ thuật lành nghề khá đông đảo.

Những đặc điểm cơ bản đó đã quy định vị trí, tầm vóc và nhiệm vụ của thành phố trong thời kì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kì mới, thành phố Thái Nguyên có 18 đơn vị hành chính gồm 6 xã, 2 thị trấn và 10 tiểu khu⁽¹⁾, với số dân là 163.223 người (có 16.000 người ở khu vực nông nghiệp, 76.666 người ở khu vực Nhà nước, 2.203 người là lao động thủ công và 68.364 người ở khu vực phi sản xuất). Đảng bộ thành phố có 85 tổ chức cơ sở đảng, với 2.534 đảng viên, phân bố không đều ở các đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Trong số 2.534 đảng viên của Đảng bộ, có 8,86% đảng viên trẻ (từ 18 đến 30 tuổi), ở các chi bộ, đảng bộ xã, tiểu khu và các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, đảng viên ở độ tuổi từ 51 trở lên chiếm tỉ lệ rất cao và hầu hết có trình độ văn hóa cấp I⁽²⁾.

Cùng với việc phân bố không đều về số lượng, tuổi đời cao và trình độ văn hóa thấp, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ còn nhiều hạn chế; nhiều đảng viên chưa đề cao ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố do Đại hội đại biểu lần thứ VI (6/1974) bầu gồm 25 ủy viên, cơ bản ổn định nhiệm vụ và vị trí công tác. Đây cũng là một trong những thuận lợi của Đảng bộ trong việc lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện Chỉ thị số 220-CT/TW ngày 5/5/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy lãnh đạo tổ chức ngày

(1) * 6 xã: Cam Giá, Túc Duyên, Đồng Quang, Quang Vinh, Gia Sàng và Đồng Bầm.

* 2 thị trấn: Núi Voi và Trại Cau.

* 10 tiểu khu: Tân Long, Quan Triều, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Chiến Thắng, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Hương Sơn, Trung Vương.

(2) Số đảng viên độ tuổi từ 51 trở lên ở xã Quang Vinh 76%, tiểu khu Trung Vương 50%, Hợp tác xã vận tải Cờ Hồng 53%, Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam 30%. Số đảng viên văn hóa cấp I ở xã Quang Vinh: 78%, Hợp tác xã vận tải Cờ Hồng: 80%, Xí nghiệp Cơ khí 3-2: 28,9%.

lễ mừng chiến thắng. Hầu hết các cơ sở xã, thị trấn, tiểu khu, cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn thành phố đều tổ chức rầm rộ các cuộc mít tinh, nói chuyện thời sự, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tạo nên khí thế phấn khởi thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, tiếp tục hoàn thành trách nhiệm đối với đồng bào miền Nam.

Ngày 23/5/1975, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Thông tri số 284-TT/TP, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đoàn thể thành phố phải làm tốt việc quán triệt tinh thần Nghị quyết số 40-NQ/BT ngày 5/5/1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về tổ chức đợt thi đua *Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng*. Ban Vận động ủng hộ đồng bào miền Nam của thành phố được thành lập và triển khai kế hoạch vận động cán bộ, công nhân, nhân dân trên địa bàn tổ chức 11.516 công lao động ngoài giờ, thu 17.252 đồng mua trâu, bò ủng hộ đồng bào miền Nam (trong đó riêng khối Nông nghiệp thu được 10.200 đồng, trị giá bằng 24 con trâu).

Xuất phát từ đặc điểm là một thành phố công nghiệp, Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, là nơi đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị, nhà máy, xí nghiệp, công trường, bệnh viện, trường học của Trung ương và địa phương, Đảng bộ thành phố xác định nhiệm vụ chính là lãnh đạo nhân dân sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, cung cấp cho khu công nghiệp, đảm bảo đời sống cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, Đảng bộ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất theo phương hướng “*Phát triển cây lúa, trồng rau màu, chăn nuôi lợn*”, do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI (6/1974) đề ra. Trước tình hình 261,9 mẫu ruộng đất ở nhiều nơi trong thành phố bị cây cối có tán rộng che khuất ánh sáng, ảnh hưởng xấu tới năng suất lúa, rau và hoa màu, cuối tháng 5/1975, Ủy ban Hành chính thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện chống “*cóm*” theo Nghị quyết số 10 của

Thành ủy. Kết quả, toàn thành phố đã tổ chức chặt 4.370 bụi tre, 5.784 cây có tán rộng, giải phóng 248 mẫu ruộng đất bị “cóm”.

Thực hiện nghị quyết ngày 12/7/1975 của Ban Thường vụ Thành ủy về *Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp vì đồng bào thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) kết nghĩa*, Ủy ban Hành chính thành phố cử 20 cán bộ xuống các hợp tác xã nông nghiệp chỉ đạo nhân dân chống hạn và gieo trồng được 79,5 ha rau xanh, 72,3 ha mạ, 940 ha lúa mùa (vượt chỉ tiêu diện tích 0,17%).

Để góp phần tăng năng suất cây trồng, đoàn viên, thanh niên trong các hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh phong trào làm phân. Trong năm 1975, các cơ sở đoàn đã làm được 5.553,6 tấn phân bón. Các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố tổ chức kết nghĩa với các hợp tác xã nông nghiệp, giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh sản xuất, thâm canh, tăng vụ nhằm đạt được mục tiêu 5 tấn thóc/ha. Năm 1975, sản lượng lúa của thành phố đạt 3.569 tấn (vượt kế hoạch 5,76%), sản lượng lương thực tăng 14% so với năm 1974; đời sống nhân dân thành phố được ổn định và cải thiện từng bước.

Về thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, tính đến ngày 20/8/1975, nhân dân thành phố đã nhập kho 225 tấn thóc (vượt kế hoạch 13,6%), 30.000 kg lợn hơi, 556 kg thịt lợn mót hàm, 3.380 kg thịt trâu, 357 kg cá, gà, vịt và 405.887 kg rau xanh các loại. Cuối tháng 11/1975, các hợp tác xã: Đại Đồng, Tân Long, Xuân Thịnh và các tiểu khu: Phan Đình Phùng, Tân Long đã hoàn thành chỉ tiêu nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước, (riêng hợp tác xã Xuân Thịnh và tiểu khu Tân Long hoàn thành vượt mức chỉ tiêu).

Tuy nhiên, một số cơ sở (các hợp tác xã: Quán Triều, Lương Thành, Cam Giá, tiểu khu Chiến Thắng, Trung Vương...) thực hiện nghĩa vụ thực phẩm so với chỉ tiêu được giao còn thấp. Để khắc phục

tình trạng này, Thành ủy đề ra chủ trương, chỉ đạo Ủy ban Hành chính thành phố triển khai nhiều biện pháp chỉ đạo cụ thể và kiên quyết⁽¹⁾. Nhờ đó, đến cuối tháng 12/1975, nhân dân ở các khu vực tập thể, hộ gia đình xã viên và đường phố đã bán cho Nhà nước được 422.830 kg thịt các loại, chủ yếu là thịt lợn hơi (tăng 38% so với năm 1974), 3.161 tấn rau xanh các loại (tăng 16,6% so với năm 1974).

Năm 1976, cả nước bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) với những nhiệm vụ mới và yêu cầu cao hơn. Ngay từ đầu năm, thực hiện chủ trương của Thành ủy về việc đẩy mạnh công tác thủy lợi, đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, trong 2 ngày (10 - 11/1/1976), Ủy ban Hành chính thành phố đã huy động hơn 14.000 cán bộ, công nhân, thợ thủ công, nhân dân khu vực đường phố, giáo viên, học sinh các trường phổ thông cấp II, cấp III và xã viên các hợp tác xã nông nghiệp nạo vét, tu sửa đào, đắp được 18.635 mét kênh, mương dẫn nước với tổng khối lượng 11.308 m³ đất, đá (riêng 2 hợp tác xã Đông Xuân thuộc Gia Sàng và Tân Ninh thuộc xã Cam Giá đào, đắp được 2 mương dẫn nước dài 700 mét).

Vụ đông - xuân năm 1976 thời tiết khắc nghiệt, rét hại, hạn hán kéo dài làm nhiều diện tích mạ bị chết; các hợp tác xã nông nghiệp của thành phố thiếu mạ cấy trên 100 ha ruộng. Đến trung tuần tháng 2/1976, toàn thành phố mới cấy được 408 ha lúa chiêm xuân (đạt 79% kế hoạch trên giao). Với quyết tâm lãnh đạo cấy hết diện tích, đúng kỹ thuật và kịp thời vụ, ngày 11/2/1976, Ban Thường vụ Thành ủy quyết định huy động lực lượng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể của thành phố thành lập 3 đoàn cán bộ, do các Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy phụ trách, trực tiếp xuống cơ sở chỉ đạo, vận động nhân dân đẩy

⁽¹⁾ Những biện pháp đó là: Điều bớt số thóc dành cho chăn nuôi của những tập thể không đạt chỉ tiêu cho các tập thể vượt chỉ tiêu; đối với những hộ gia đình xã viên cứ thiếu 1 kg lợn hơi thì giữ lại 4 kg thóc; tạm thời không bán lương thực tháng 1/1976 đối với những hộ gia đình đường phố không hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm.

mạnh sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp. Các đoàn cán bộ chỉ đạo, đôn đốc xã viên các hợp tác xã đẩy mạnh công tác chăm sóc mạ, làm thủy lợi, phân bón và thực hiện biện pháp gieo thẳng mạ xuống các chân ruộng cấy. Nhờ đó, đến hết tháng 2/1976, toàn thành phố đã gieo, cấy được trên 540 ha lúa chiêm xuân (đạt 98,2% kế hoạch), trồng được 130 ha rau, thu hoạch gần 1.058 tấn rau xanh (tăng 53% so với cùng kì năm 1975). Thành phố có 12 trại chăn nuôi tập thể với trên 1.700 con lợn. Trại chăn nuôi lợn của các hợp tác xã: Đồng Bầm, Đại Đồng dự trữ đủ thức ăn tinh, duy trì chế độ chăm sóc tốt nên đàn lợn tăng trọng nhanh. Việc chăn nuôi lợn trong các hộ gia đình tiếp tục được triển khai và phát triển tốt. Trong quý 1/1976, thành phố đã bán cho Nhà nước được trên 90 tấn lợn hơi.

Thực hiện Nghị quyết số 61 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 208 của Trung ương, Đảng bộ thành phố tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất. Ủy ban Nông nghiệp thành phố xây dựng các vùng trồng rau chuyên canh, xen canh; hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp nhỏ thành hợp tác xã toàn xã. Đến giữa năm 1976, toàn thành phố có 24 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có các hợp tác xã chuyên trồng rau, có hợp tác xã chuyên trồng lúa và có các hợp tác xã vừa trồng rau, vừa trồng lúa với 3.021 hộ gia đình xã viên. Trong 6 tháng đầu năm 1976, 9 đội thủy lợi với gần 200 đội viên của các hợp tác xã trồng rau đã đào, đắp gần 6.400 m³ đất, xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất. Đội thủy lợi Hợp tác xã Đồng Bầm đào, đắp 9.298 mét nương, dẫn nước tưới 15 ha ruộng chuyển đổi từ cấy lúa sang trồng rau. Đội thủy lợi Hợp tác xã Quang Vinh xây 430 mét nương và 7 bể chìm theo lòng nương để dẫn nước và dự trữ nước tưới cho rau, v.v... Nhờ có những biện pháp tích cực đó nên so với năm 1975, cả 3 chỉ tiêu sản xuất rau của thành phố năm 1976 đều tăng; trong đó, diện tích tăng 15,8%, năng suất tăng 7%, sản lượng

tăng 24%. Thành phố đã bán cho Nhà nước 4.700 tấn rau xanh (tăng 1.538 tấn so với năm 1975).

Cùng với sản xuất rau, các hợp tác xã mạnh dạn đưa giống lúa mới, có năng suất cao vào cấy trên 40% diện tích lúa chiêm xuân và 80% diện tích lúa mùa. Hợp tác xã Tân Long gieo cấy chủ yếu 2 giống lúa mới IR22 và bao thai lùn, áp dụng các biện pháp kỹ thuật cấy dầy; bón phân, làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, nên năng suất bình quân 2 vụ đạt 6,3 tấn/ha (cao nhất thành phố). Các hợp tác xã: Tân Ninh đạt 5,6 tấn/ha, Quang Vinh 5,39 tấn/ha, Tiến Ninh 5,34 tấn/ha, Đồng Bẩm 5,09 tấn/ha, Minh Hòa 5,02 tấn/ha. Toàn thành phố có 48% số hợp tác xã khá và tiên tiến. Tổng sản lượng lúa đạt 3.791 tấn (vượt 6,5% so với kế hoạch), năng suất lúa bình quân đạt 4,81 tấn/ha (vượt 0,11 tấn/ha so với chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI đề ra); so với năm 1975, diện tích trồng hoa màu (ngô, khoai, sắn) tăng 23,4%, sản lượng tăng 10%; chăn nuôi lợn trong 2 khu vực tập thể và gia đình tăng 13% (vượt kế hoạch 3,3%).

Cùng với những thành tựu đạt được trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, thành phố cũng hoàn thành trước thời gian các chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; trong đó, lợn hơi đạt 190 tấn, vượt 21,65% kế hoạch; nhập kho lương thực vượt 9,4% kế hoạch. Năm 1976, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho thành phố Thái Nguyên và các xã: Cam Giá, Túc Duyên, Đồng Quang, Quang Vinh về thành tích phát triển sản xuất, hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Năm 1976, Đảng bộ thành phố còn chỉ đạo tốt việc điều tra ruộng đất ở 4 xã, 1 thị trấn, 4 tiểu khu và 52 cơ quan, đơn vị, phát hiện 1.021 hộ mua bán 56,9 ha ruộng đất trái phép, 115 hộ làm nhà trên 8,7 ha đất canh tác, 143 hộ lấn chiếm 23,7 ha ruộng đất công; các cơ quan, xí nghiệp sử dụng 211,3 ha ruộng đất không có giấy tờ hợp lệ.

Thành ủy chỉ đạo các hợp tác xã thu hồi được 41,84 ha ruộng đất sử dụng sai chính sách.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong những tháng cuối năm 1975, đầu năm 1976 gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu và khách hàng (Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà có 45 lao động không có việc làm vì không có nơi tiêu thụ sản phẩm, 20 thợ gò không có tôn, thiếc sản xuất). Tháng 2/1976, sau khi đoàn cán bộ của thành phố do các đồng chí Trần Tường (Bí thư Thành ủy) và Trần Sinh (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy) dẫn đầu xuống kiểm tra tình hình thực tế tại các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố đã có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở tháo gỡ khó khăn. Các hợp tác xã có nhiều biện pháp tìm kiếm nguyên vật liệu, tìm kiếm khách hàng nên cơ bản đã giải quyết được việc làm, giữ vững và ổn định đời sống cho 2.300 xã viên.

Hợp tác xã Cộng Lực hợp nhất từ 2 hợp tác xã nhỏ Tiến Thành và Vận tải thuyền, chuyên sản xuất các mặt hàng vật liệu xây dựng bằng bê tông (cột nhà, cột điện, gạch ngói không nung, ống cống và khai thác cát, sỏi trên sông Cầu), với quy mô trên 160 xã viên và gần 400.000 đồng tiền vốn. Nhờ tích cực khai thác nguyên, vật liệu và tìm kiếm khách hàng, nên năm 1976 Hợp tác xã không chỉ hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 10 ngày, mà còn sản xuất thêm ngoài kế hoạch 130 vỉ kèo sắt, 50 giường sắt, hàng trăm mét hàng rào sắt, cổng chào sắt của cơ quan Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà khôi phục và lắp đặt hoàn chỉnh máy đột dập 55 tấn, đưa vào sản xuất thành công sản phẩm chậu thau, khay đựng ẩm chén, chao đèn... bằng sắt tráng men. Toàn thành phố có 6 cơ sở tiểu thủ công nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 1976 là các hợp tác xã thủy tinh Dân Chủ đạt 100,34%, giày da Đại Thắng đạt 135%, bò cót Thái Hà đạt 104%. Các hợp tác xã mạnh mẽ xuất khẩu

Chiến Thắng, Thống Nhất, Tiền Phong hoàn thành vượt mức kế hoạch thời gian từ 50 ngày đến 60 ngày.

Ngành Tiểu thủ công nghiệp thành phố đạt giá trị tổng sản lượng 5.715.000 đồng (vượt kế hoạch 3,9%), tăng 6,6% so với năm 1975. Các hợp tác xã: Hồng Hà, Cộng Lực và Chiến Thắng được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Tuy nhiên, năm 1976 vẫn còn một số hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp *“chấn chỉnh lại sản xuất theo chủ trương của Tỉnh ủy và Thành ủy còn chậm; còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ, thiếu chủ động khắc phục khó khăn”*⁽¹⁾.

Trên mặt trận văn hóa, Đảng bộ tập trung lãnh đạo tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; cổ động bầu cử Quốc hội, xây dựng nếp sống mới trong ma chay, cưới xin và chống mê tín dị đoan. Phòng Văn hóa - Thông tin phối hợp với Phòng Y tế tổ chức 28 buổi tuyên truyền về sinh đẻ có kế hoạch. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh ở khắp các xã, tiểu khu, cơ quan, đơn vị. Hội diễn văn nghệ năm 1976 đã có nhiều tiến bộ so với những năm trước, thu hút hàng vạn lượt người xem, phản ánh được những gương người tốt trong lao động sản xuất, công tác và học tập theo phong cách mới, đồng thời đã mạnh dạn phê phán những hiện tượng tiêu cực, lạc hậu còn tồn tại trong đời sống xã hội. Cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa mới đã đạt được kết quả bước đầu; nhiều đám cưới, đám tang được tổ chức theo đúng quy ước nếp sống mới; nhiều tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan đã được ngăn ngừa và giảm đi rõ rệt.

Ngành Giáo dục thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 1975 - 1976 với chất lượng cao và toàn diện so với các năm học trước. Thành phố có 33 lớp học mẫu giáo với 825 cháu (tăng 60% so với

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo chính trị của Thành ủy tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ VII* (vòng 2).

năm học 1974 - 1975); số học sinh vỡ lòng tăng 19% so với năm học trước, tỉ lệ học sinh vỡ lòng lên lớp một đạt 95%, vượt 15% so với chỉ tiêu đề ra. 85% học sinh của các trường phổ thông cấp I, II đạt danh hiệu *Cháu ngoan Bác Hồ*. Tỉ lệ thi tốt nghiệp cấp I đạt 98%, vượt chỉ tiêu 16%, thi tốt nghiệp cấp II đạt 93,9%, vượt chỉ tiêu 3%, thi tốt nghiệp cấp III đạt 86,3%, vượt chỉ tiêu 10,8%; tỉ lệ học sinh lên lớp ở các cấp I, II, III đều đạt từ 90% đến 95%, vượt chỉ tiêu kế hoạch từ 1% đến 5%. Tổ giáo viên bộ môn Xã hội Trường Phổ thông cấp II Nha Trang và Tổ giáo viên bộ môn Tự nhiên Trường Phổ thông cấp II Gia Sàng đạt danh hiệu *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*. Các trường phổ thông cấp I Đội Cấn, cấp I, cấp II Nha Trang, cấp II Gia Sàng đạt danh hiệu *Đơn vị Tiên tiến xuất sắc*.

Thực hiện nghị quyết của Thành ủy, Phòng Giáo dục thành phố chỉ đạo đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa ở khu vực nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, đường phố. Trong năm học 1975 - 1976, thành phố có trên 2.000 học viên theo học các lớp bổ túc văn hóa ban đêm; trong đó có trên 1.000 học viên học bổ túc văn hóa cấp III. Trường bổ túc văn hóa cấp II Trưng Vương mở thêm 2 phân hiệu Nha Trang và Đội Cấn. Các đồng chí lãnh đạo Thành ủy và Ủy ban Hành chính thành phố vừa quan tâm động viên phong trào, vừa gương mẫu theo học các lớp bổ túc văn hóa. Phòng Giáo dục thành phố thường xuyên theo sát chỉ đạo rút kinh nghiệm nên phong trào phát triển mạnh, số học viên tăng 400 người so với năm học trước; tỉ lệ thi tốt nghiệp bổ túc cấp II đạt 96% (vượt chỉ tiêu trên 26%), tỉ lệ lên lớp đạt 75% (vượt chỉ tiêu trên 5%).

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được Đảng bộ thành phố quan tâm lãnh đạo. Ngành Y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh, phòng bệnh; 14 trạm xá trên địa bàn được củng cố, nâng cấp (trong đó 1/3 số trạm xá

được xây dựng kiên cố và bán kiên cố). Mỗi trạm xá có từ 2 đến 5 giường bệnh, có y sĩ phụ trách, làm nhiệm vụ khám, chữa các bệnh thông thường. Phòng Khám bệnh đa khoa thành phố có nhiều cố gắng khám, chữa bệnh cho nhân dân và khám tuyển nghĩa vụ quân sự, khám tuyển lao động. Trong 6 tháng đầu năm 1976, ngoài việc khám, chữa bệnh thường xuyên, Phòng Khám bệnh đa khoa thành phố tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh cho 3.200 trẻ sơ sinh và học sinh, điều trị cho 169 bệnh nhân lao với 1.535 lần khám, bồi dưỡng cách tiêm phòng lao cho 17 vệ sinh viên.

Đến năm 1976, toàn thành phố có gần 50 nhà trẻ với trên 600 cháu, trong đó riêng khối Nông nghiệp có 29 nhà trẻ. Số cháu được gửi trẻ tăng 1,5 lần so với năm 1975, đạt tỉ lệ 13% so với tổng số cháu trong độ tuổi gửi nhà trẻ. Chất lượng nuôi, dạy trẻ đã được nâng lên một bước, tạo điều kiện cho các bà mẹ yên tâm công tác và sản xuất. Công tác tuyên truyền vận động sinh đẻ có kế hoạch được Đảng bộ đẩy mạnh hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, tại các nhà máy, cơ quan, tỉ lệ nữ cán bộ, công nhân, viên chức trong độ tuổi sinh đẻ còn chiếm tới 15,9% (quá chỉ tiêu 3,9%); tỉ lệ sinh đẻ so với dân số thành phố vượt chỉ tiêu 0,14%.

Công tác thể dục, thể thao được Đảng bộ thành phố lãnh đạo sâu sát nên phong trào phát triển mạnh và tương đối toàn diện so với những năm trước. Trong các năm 1975, 1976, thành phố liên tục giữ vững danh hiệu lá cờ đầu của tỉnh về thể dục, thể thao; 15 đơn vị, cơ quan, trường học đã được tỉnh công nhận là đơn vị thể dục, thể thao tiên tiến⁽¹⁾.

Công tác quân sự địa phương luôn được Đảng bộ và chính quyền thành phố coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 1976, thành phố có 65 đơn

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Thành ủy tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VII.

vị dân quân, tự vệ đăng kí thi đua quyết thắng (gấp 3 lần năm 1974); tỉ lệ dân quân, tự vệ so với dân số lên tới 26,68%; số đảng viên tham gia dân quân, tự vệ khối xã đạt tỉ lệ 8,75%; khối cơ quan, xí nghiệp, đường phố đạt 16,6%. Chính sách hậu phương quân đội được Đảng bộ lãnh đạo thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ, đạt kết quả tốt về nhiều mặt, động viên được các gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội phấn khởi tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các đợt tuyển quân trong 2 năm (1975 - 1976), thành phố đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, bảo đảm giao quân chất lượng tốt, đúng thời gian.

Thực hiện các Nghị quyết số 23, 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 45-NQ/BT ngày 30/3/1976 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Đảng và phát triển kinh tế, Đảng bộ thành phố lãnh đạo tổ chức nhiều đợt giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ nội dung bước chuyển biến giai đoạn cách mạng, để từ đó chuyển biến về hành động cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Các Chi, Đảng bộ: Xí nghiệp Gỗ Tháng Tám, Nhà máy Mì sợi Bắc Hải, tiểu khu Hoàng Văn Thụ và các xã: Quang Vinh, Cam Giá... tổ chức học tập nghiêm túc, có chất lượng, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Toàn Đảng bộ có 1.761 đảng viên học xong phần II chương trình lí luận cơ sở, 5/7 chi bộ yếu kém có chuyển biến tích cực, số đảng bộ, chi bộ cơ sở phần đầu tốt từ 38 cơ sở tăng lên 45 cơ sở, đạt tỉ lệ 50,3%. Từ tháng 5/1975 đến hết tháng 8/1976, Đảng bộ đã xét và thi hành kỉ luật 217 đảng viên, trong đó có 82 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Ngày 17/9/1976, Thành ủy mở Hội nghị kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ từ sau ngày thống nhất đất nước. Sau khi phân tích, đánh giá, khẳng định những ưu điểm, Hội nghị chỉ rõ một số thiếu sót,

khuyết điểm cần phải nhanh chóng khắc phục. Đó là việc lãnh đạo, chỉ đạo áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; quy hoạch thủy lợi còn chậm; quản lý lao động, quản lý tài sản của hợp tác xã chưa chặt chẽ, việc phân phối trong một số hợp tác xã chưa công bằng; công tác trật tự, trị an chưa tốt, còn để xảy ra nhiều vụ trộm cắp, tuy không lớn nhưng làm cho nhân dân lo lắng, không an tâm khi đi ra khỏi nhà hoặc đi trên các đường phố vắng. Công tác phát triển Đảng còn chậm (mới kết nạp được 28 đảng viên).

Hội nghị ra nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ quý IV năm 1976 và năm 1977: Ra sức phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 1976, tạo khí thế thi đua sôi nổi bước vào thực hiện kế hoạch năm 1977 và lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII.

Thực hiện nghị quyết của Thành ủy, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên nỗ lực phấn đấu, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Thành phố trở thành lá cờ đầu của tỉnh Bắc Thái trong việc thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch Nhà nước năm 1976.

Từ ngày 14 đến 20/12/1976, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV. Đây là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nói chung, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên nói riêng. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) nhằm xây dựng một bước cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, đầu năm 1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 40-NQ/BT chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải ra sức

phát triển lương thực, thực phẩm một cách toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc để đến năm 1980 có thể trang trải được phần lớn nhu cầu lương thực trong địa phương, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trong đó sản xuất lúa chiếm 50%, cây màu 50%.

Tiếp đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, vòng 2 (4/1977) quyết định tập trung lãnh đạo sản xuất lương thực, thực phẩm để bảo đảm hậu cần tại chỗ cho công nghiệp phát triển và cải thiện đời sống nhân dân. Đại hội Đảng bộ tỉnh xác định thành phố Thái Nguyên cùng với các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ nằm trong tiểu vùng cung cấp thực phẩm cho khu công nghiệp.

Vụ đông - xuân 1976 - 1977, sản xuất nông nghiệp của thành phố gặp nhiều khó khăn do hạn hán và rét đậm kéo dài. Đến giữa tháng 2/1977, toàn thành phố mới cấy được gần 400 ha lúa chiêm xuân (bằng gần 45% kế hoạch). Lương Sơn⁽¹⁾ là xã cấy được nhiều nhất cũng chỉ được gần 177 ha (đạt trên 70% kế hoạch); rét đậm làm chết lụi 6 ha lúa mới cấy. Toàn thành phố thiếu tới 8.000 kg thóc giống.

Nhằm khắc phục khó khăn do thời tiết gây ra, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Nông nghiệp thành phố quyết định hoãn tất cả các cuộc họp chưa cần thiết, huy động trên 50 cán bộ Trưởng, Phó các phòng, ban và cán bộ khoa học kỹ thuật xuống cơ sở chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Các cấp ủy, chi bộ, ban quản trị các hợp tác xã nông nghiệp chủ động tìm mọi biện pháp để giải quyết khó khăn về thóc giống, khăn trương cấy hết diện tích, kịp thời vụ. Ủy ban nhân dân các xã và ban quản trị các hợp tác xã đã điều mạ từ nơi thừa đến nơi thiếu và chỉ đạo tận dụng mạ để cấy. Các đoàn cán bộ của thành phố xuống

(1) Cuối năm 1976 xã Lương Sơn được tách khỏi huyện Phú Bình, sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên, làm nhiệm vụ sản xuất lương thực, thực phẩm (trồng rau và chăn nuôi lợn), cung cấp cho khu công nghiệp Thái Nguyên.

cơ sở chỉ đạo các hợp tác xã tổ chức gieo mạ trên sân và gieo thẳng lúa xuân. Các hợp tác xã thuộc các xã Cam Giá và Gia Sàng gieo thẳng được 55 ha lúa xuân. Đối với các khu ruộng không cấy và gieo thẳng được, thành phố cung cấp giống và vận động nhân dân trồng ngô, lạc, đỗ và rau, màu...

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, cán bộ, xã viên các hợp tác xã nông nghiệp đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, trở ngại do thời tiết, sâu bệnh, vật tư sản xuất, đảm bảo cấy được 86% kế hoạch diện tích lúa chiêm xuân, sản xuất rau, màu và phát triển chăn nuôi. Tuy nhiên, so với kế hoạch, vụ xuân 1977 chưa đạt một số chỉ tiêu về diện tích cấy lúa, trồng rau và hoa màu. Hạn chế đó là do *“Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số cơ sở chưa được chặt chẽ, nhạy bén và linh hoạt; tổ chức quản lý và sử dụng lao động chưa cân đối với yêu cầu sản xuất; các ngành quản lý vật tư và kỹ thuật phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu...”*⁽¹⁾.

Ngày 29/3/1977, Ban Thường vụ Thành ủy ra Chỉ thị mở *Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp*. Ban Thường vụ quyết định chọn xã Cam Giá làm thí điểm tổ chức lại sản xuất thực phẩm (trồng rau, đỗ tương, chăn nuôi gà, lợn) để cung cấp cho Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy, Đại hội đại biểu xã viên 3 hợp tác xã: Đại Đồng, Túc Tiến, Tiến Ninh thuộc xã Túc Duyên đã quyết định hợp nhất lại thành Hợp tác xã Túc Duyên, với 151 ha ruộng đất canh tác, 658 hộ xã viên (gồm 3.166 nhân khẩu, trong đó có 1.107 lao động). Cùng với Túc Duyên, các xã: Cam Giá,

⁽¹⁾ Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy về phát động chiến dịch vụ mùa tháng lớn, đẩy mạnh sản xuất rau và phát triển chăn nuôi, hoàn thành vượt mức kế hoạch thu mua lương thực, thực phẩm năm 1977. Số 18/NQ-TU, ngày 1/6/1977, tr.1.

Đồng Bầm, Gia Sàng, Quang Vinh cũng hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã quy mô toàn xã. Sau khi hợp nhất, các hợp tác xã quy mô toàn xã bước đầu phát huy được tính ưu việt, sản xuất phát triển, đời sống xã viên được cải thiện, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất được tăng cường.

Ngày 15/4/1977, Ban Thường vụ Thành ủy ra Chỉ thị *Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo cho Đại hội nông dân tập thể ở các hợp tác xã đạt kết quả tốt*. Chỉ thị nêu rõ: “*Các cấp ủy đảng, chi bộ phải coi đây là một đợt sinh hoạt chính trị có ý nghĩa lớn. Các ngành, các giới phải phục vụ tốt và phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nông dân tập thể phát triển sản xuất, chấp hành Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, không gây phiền hà cho nông dân tập thể*”.

Quán triệt Nghị quyết 01-NQ/BT ngày 19/5/1977 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 1/6/1977, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 18/NQ-TU về *phát động chiến dịch vụ mùa thắng lớn, đẩy mạnh sản xuất rau và phát triển chăn nuôi, hoàn thành vượt mức kế hoạch thu mua lương thực, thực phẩm năm 1977*, với 2 yêu cầu chủ yếu:

1. Bảo đảm sản xuất vụ mùa gieo, cấy vượt kế hoạch diện tích 1.438 ha, năng suất 27,6 tạ/1 ha sản lượng thóc đạt 3.969 tấn, sản lượng rau đạt kế hoạch 7.764 tấn, chăn nuôi lợn đạt kế hoạch 13.420 con, nuôi cá đạt sản lượng 11 tấn.

2. Thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước vượt các chỉ tiêu 709 tấn thóc, 6.500 tấn rau và 307 tấn thịt.

Từ ngày 2 đến ngày 6/6/1977, Ủy ban nhân dân thành phố mở Hội nghị quán triệt mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn* cho trên 200 cán bộ là Bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, Chủ nhiệm các hợp tác xã và lãnh đạo các ban, ngành, cơ quan, công, nông trường xí nghiệp, đường phố. Ban Chỉ đạo Chiến

dịch *Vụ mùa thắng lớn* được thành lập gồm 12 thành viên, do đồng chí Nguyễn Đức Tân (Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố) làm Trưởng ban.

Mở đầu *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn*, ngày 5/6/1977, thành phố huy động hàng nghìn lao động ra đồng làm thủy lợi chống hạn cho lúa, rau, màu và gieo mạ. Trong giai đoạn đầu Chiến dịch, tại xã Đồng Bầm, gần 200 đoàn viên, thanh niên ra quân làm được hàng trăm tấn phân các loại. Tại xã Quang Vinh, 25 thanh niên trong đội chuyên làm phân bón cùng với bà con xã viên lấy được 1.116 m³ phù sa, hàng trăm tấn phân xanh, bùn ao ủ với phân chuồng chuẩn bị cho *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn*.

Tại các hợp tác xã thủ công nghiệp, các cơ quan, xí nghiệp, trường học, phong trào mỗi người làm 50 kg phân bón các loại ủng hộ các hợp tác xã nông nghiệp cũng diễn ra sôi nổi và đều khắp.

Hưởng ứng *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn*, ngành Bảo vệ bà mẹ và trẻ em thành phố chỉ đạo củng cố được 58 nhà trẻ (trong đó có 40 nhà trẻ nông thôn), thu nhận trên 500 cháu vào nuôi dạy, đảm bảo cho bố mẹ các cháu yên tâm sản xuất. Các hợp tác xã: Đồng Quang, Quán Triều, Thống Nhất, Lương Sơn, Trung Thành cũng lập thêm nhà trẻ. Nhà trẻ các hợp tác xã: Tân Hương (xã Cam Giá), Túc Tiến (xã Túc Duyên) đã thu nhận và nuôi dạy tốt các cháu, đóng góp tích cực vào thắng lợi của *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn* ở cơ sở.

Phòng Thủy lợi thành phố ngoài việc xây dựng 8 trạm bơm điện, còn giúp Ban Chỉ đạo Chiến dịch huy động hàng nghìn cán bộ, công nhân, nhân dân các tiểu khu, xã viên các hợp tác xã thủ công nghiệp và học sinh các trường tham gia xây dựng hệ thống mương, máng đảm bảo cung cấp nước cho cấy lúa và trồng rau. Thành phố đầu tư kinh phí 423.277 đồng, các hợp tác xã đầu tư 124.146 công,

đào đắp 164.857 m³ đất, đá, hoàn thành xây dựng 11 công trình tưới tiêu, phục vụ sản xuất.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và sự phối hợp kịp thời, hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể, nên ngay trong đợt I *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn*, thành phố Thái Nguyên đã gieo cấy được 1.463,2 ha lúa mùa (vượt kế hoạch 25,2 ha), trong đó 90% diện tích được cấy vào thời vụ tốt nhất, nên lúa phát triển nhanh hơn so với các vụ trước. Đến ngày 6/9/1977, khoảng 2/3 diện tích lúa mùa đã được làm cỏ đợt 2, nhiều hợp tác xã đã làm cỏ đợt 3.

Thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, đến ngày 5/9/1977, trung bình mỗi tháng các hợp tác xã đã giao nộp trên 500 tấn rau. Riêng Hợp tác xã Đồng Bầm đã giao nộp được 1.100 tấn rau, đạt 70% kế hoạch cả năm.

Cùng với việc hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm, sau khi thu hoạch xong lúa chiêm xuân, các hợp tác xã tổ chức phơi khô, quạt sạch, dành thóc tốt làm nghĩa vụ lương thực. Toàn thành phố nhập kho được 127 tấn thóc, căn bản hoàn thành nghĩa vụ lương thực. Đặc biệt, Hợp tác xã Tân Long ngoài giao nộp vượt mức chỉ tiêu lương thực vụ hạ, còn bán thêm cho Nhà nước 2 tấn thóc, dẫn đầu các hợp tác xã trong thành phố. Các hợp tác xã: Tiến Thành, Minh Hòa (xã Đồng Quang), Quang Vinh, Phú Xá đều hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực vụ hạ.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố, các hợp tác xã nuôi thả cá được trên 34,6 ha mặt nước (tăng 10% so với năm 1976) sản xuất 10 vạn con cá giống (bằng 200% năm 1976). Tuy nhiên, do thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp nên chăn nuôi cá gặp nhiều khó khăn. Con bão số 3 kèm theo mưa lớn (tháng 8/1977) không những gây ngập úng 218 ha lúa, 53 ha rau,

31 ha màu, mà còn làm ngập một số ao, hồ nuôi cá. Do đó, sản lượng cá thu hoạch chỉ được 9,4 tấn cá thịt (trong đó có 3 tấn làm nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước). Tuy không đạt được chỉ tiêu 11 tấn cá thịt của *Chiến dịch vụ mùa thắng lớn*, nhưng đây là một thành tích vượt xa so với các năm trước.

Thực hiện kế hoạch năm 1977, ngành Tiểu thủ công nghiệp thành phố bước đầu tổ chức lại sản xuất, phân theo nhóm sản phẩm, giảm đầu mỗi từ 33 hợp tác xã xuống còn 25 hợp tác xã và 2 tổ sản xuất. Được thành phố đầu tư trên 100.000 đồng, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã làm thêm được 900 m² nhà xưởng bán kiên cố, mua sắm thêm 18 máy công cụ, sản xuất được 377 mặt hàng, trong đó có 37 mặt hàng mới. Tuy nhiên, trong thời kì này, ngành Tiểu thủ công nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nguyên, nhiên, vật liệu. Hai hợp tác xã cơ khí Hồng Hà và Bắc Nam thiếu nguyên, nhiên, vật liệu gay gắt, nên đến hết tháng 9/1977 mới thực hiện được khoảng 60% kế hoạch. Để khắc phục tình trạng này, chi bộ và ban quản lí các hợp tác xã tích cực tìm biện pháp tháo gỡ. Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam tự liên hệ mua được 10 tấn gang, Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà tự khai thác, mua được 10 tấn tôn lá. Ban Quản lí Hợp tác xã Cộng Lực cử người về Hải Phòng liên hệ mua xi măng, điều động công nhân đưa thuyền về tận nơi vận chuyển, kịp thời đảm bảo vật liệu cho sản xuất. Các hợp tác xã: Mạnh cộ Chiến Thắng, Tân Thành, Thông Nhất; Cốt Đông Thái, Thái Hà; Vận tải Thái Nguyên, Sản xuất đồ gỗ 1-5... vừa tận dụng nguyên liệu được cung cấp, vừa tích cực tìm kiếm các nguồn nguyên liệu khác, tổ chức làm thêm ca kíp, sử dụng lao động sản xuất một cách hợp lí nhất. Nhờ đó, sản xuất tiểu thủ công nghiệp của thành phố năm 1977 đạt giá trị tổng sản lượng hơn 7 triệu đồng, vượt 3,15% so với kế hoạch, tăng 17,26% so với năm 1976; trong đó các ngành phục vụ công nghiệp, kiến thiết cơ bản vượt 9,9%, phục vụ nông

nghiệp vượt 21,9%. Các chỉ tiêu về thuế, tích lũy, phân phối có nhiều tiến bộ, hạn chế và loại trừ được nhiều thiếu sót, khuyết điểm trong việc chấp hành chính sách, đặc biệt là chính sách lương thực. Toàn thành phố có 12 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đạt danh hiệu *Đơn vị tiên tiến*, trong đó Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng Cộng Lực tiếp tục giữ vững danh hiệu lá cờ đầu.

Do nhu cầu khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, dân số thành phố ngày càng tăng, nên sự nghiệp giáo dục cũng phát triển nhanh, nhất là ở các khu công nghiệp. Năm học 1976 - 1977, thành phố có 34.857 học sinh, tăng 3.403 học sinh so với năm học trước, trong đó tỉ lệ học sinh phổ thông tăng 11,1%, học sinh bổ túc văn hóa tăng 60%.

Trước tình hình đó, việc lãnh đạo xây dựng trường lớp, đầu tư thêm trang thiết bị dạy và học, đáp ứng yêu cầu học tập của cán bộ và con em nhân dân là nhiệm vụ nặng nề và cấp thiết của Đảng bộ thành phố. Vì vậy, ngày 8/9/1976 Thành ủy ra Nghị quyết số 15/NQ-TP *Tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục, phát động cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng trường sở*. Ban Chỉ đạo cuộc vận động được thành lập, do đồng chí Trần Tường - Bí thư Thành ủy, làm Trưởng ban. Tiếp đó, ngày 26/3/1977, Thành ủy ra Nghị quyết *Đẩy mạnh lãnh đạo thực hiện cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng trường sở*.

Thực hiện 2 nghị quyết trên của Thành ủy, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau, Công ty Xây dựng số 10 đã giúp đỡ thi công các nhà tầng làm phòng học cho các trường Độc Lập, Nha Trang, Trại Cau. Công ty Xây dựng số I đóng góp vật liệu giúp trường Đồng Quang xây dựng 15 phòng học. Công ty Xây dựng dân dụng Gang thép, Nhà máy Điện Thái Nguyên, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Xí nghiệp đá Núi Voi... tích cực đóng góp công sức, vật liệu xây

dựng trường, lớp. Tổng giá trị đóng góp công, vốn, vật tư các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp lên trên 400.000 đồng. Mặt trận và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ trong thành phố ủng hộ 1.000 m³ cát, 1 vạn cây tre. Nhân dân và phụ huynh học sinh đóng góp trên 800.000 đồng. Cán bộ, giáo viên, học sinh các trường phổ thông cấp I, cấp II lao động san nền. Giáo viên và học sinh Trường Phổ thông cấp I Phú Xá, Trường Phổ thông cấp II Đồng Bẩm lao động tự xây dựng được 2 phòng học trị giá 6.000 đồng. Học sinh Trường Phổ thông cấp II Đồng Quang làm được 1.500 viên gạch xi, đủ xây 1 phòng học, v.v...

Ngày 22/10/1977, Thành ủy tổ chức Hội nghị tổng kết *Cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng trường sở*. Hội nghị khẳng định: Trong cuộc vận động, toàn thành phố đã xây dựng và đưa vào sử dụng 171 phòng học kiên cố và bán kiên cố, vượt 23 phòng học so với kế hoạch đề ra; phân phối 3.527 bộ bàn ghế cho các trường, chấm dứt tình trạng một số nơi phải học 3 ca trong ngày. Hội nghị rút ra nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát động tư tưởng quần chúng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tham gia vào sự nghiệp giáo dục.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV: Phải kết hợp đúng đắn kinh tế với quốc phòng, xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước, xây dựng đất nước về mọi mặt phải ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh..., năm 1977, Đảng bộ thành phố lãnh đạo cơ quan quân sự các cấp xây dựng hoàn chỉnh hệ thống sổ sách, thống kê, biểu đồ theo dõi; chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng bán vũ trang địa phương, các đảng bộ, chi bộ cơ sở đã cử 716 đồng chí cấp ủy viên trực tiếp làm cán bộ lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ, đưa số đơn vị dân quân, tự vệ có cấp ủy viên trực tiếp lãnh đạo

chỉ huy lên 96,7%. Trong đó, 100% xã đội trưởng, 91,2% xã đội phó, 85,6% cán bộ chỉ huy đại đội tự vệ, 68,5% cán bộ chỉ huy trung đội và 21,54% cán bộ chỉ huy tiểu đội dân quân, tự vệ là đảng viên; 100% đơn vị, 85% cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã được huấn luyện quân sự đảm bảo đủ thời gian, hết nội dung; kết quả kiểm tra đạt 87% khá, giỏi.

Phát huy truyền thống đơn vị 12 năm liên tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, chỉ 2 ngày sau khi nhận được chỉ tiêu tuyển quân năm 1977 do Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự thành phố đã họp bàn chủ trương, biện pháp triển khai xuống cơ sở. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự thành phố giao chỉ tiêu tuyển quân cho 7 xã, 2 thị trấn và 10 tiểu khu. Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy quân sự thành phố cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở nắm tình hình và chỉ đạo sát sao tất cả các bước khám sức khỏe, xây dựng hồ sơ, xét duyệt tiêu chuẩn chính trị. Nhờ đó, ngày 12/7/1977, thành phố giao quân vượt chỉ tiêu 1%, đảm bảo nhanh, gọn. Trong đó, xã Đồng Bầm giao quân vượt chỉ tiêu 35%, Quang Vinh vượt 12%; các tiểu khu: Tân Thành, Hương Sơn, Hoàng Văn Thụ, Tân Long, Trung Thành, Trung Vương, Chiến Thắng giao quân vượt chỉ tiêu từ 1% đến 5%. Tuy nhiên, thành phố cũng còn 7 đơn vị, gồm 2 xã (Đồng Quang, Lương Sơn), 2 thị trấn (Trại Cau, Núi Voi) và 3 tiểu khu (Quán Triều, Phú Xá, Phan Đình Phùng) giao quân không đạt chỉ tiêu (trong đó xã Lương Sơn giao quân chỉ đạt 60,28%).

Trong năm 1977, Đảng bộ thành phố còn lãnh đạo tốt 2 đợt huy động dân quân, tự vệ và nhân dân tham gia chiến dịch thủy lợi xây dựng kênh, mương hồ Núi Cốc. Quán triệt nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy đã ra nghị quyết yêu cầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp từ thành phố

xuống cơ sở phải lãnh đạo, chỉ đạo và động viên tốt việc huy động lực lượng lao động, vật tư, kỹ thuật phục vụ cho công trường xây dựng kênh mương hồ Núi Cốc.

Thực hiện nghị quyết của Thành ủy, đầu năm 1977, Ủy ban nhân dân thành phố huy động 356 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và đoàn viên, thanh niên đường phố có sức khỏe tốt, có nhiệt tình cao, biên chế thành 1 tiểu đoàn làm nhiệm vụ thi công hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc. Với khối lượng được giao đào, đắp 7.150 m³ đất, đá (bằng 25.000 công), tiểu đoàn đã hạ quyết tâm hoàn thành khối lượng trên với 20.000 công, còn 5.000 công sẽ chuyển sang nhận thêm công việc khác. Nhờ tổ chức sinh hoạt và làm việc theo nếp sống quân sự hóa, nên trong 20 ngày lao động đầu tiên, năng suất của tiểu đoàn tăng từ 23% lên 36%. Hưởng ứng phong trào *Giành cờ đỏ, bỏ cờ xanh* do Ban Chỉ huy tiểu đoàn phát động, các trung đội Gia Sàng, Đồng Quang, tiểu khu Trung Thành quản lý lao động chặt chẽ phát huy dân chủ bàn bạc, nên năng suất lao động tăng từ 35% lên 95%. Cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc huy động 1 vạn lao động tham gia *Chiến dịch làm thủy lợi phục vụ sản xuất đông - xuân 1977 - 1978*, trong thời gian 3 tháng, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định huy động lực lượng thành lập 1 trung đoàn dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ thi công hệ thống kênh, mương Núi Cốc do đồng chí Nguyễn Đức Tân - Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, trực tiếp làm Trung đoàn trưởng kiêm Chính trị viên, đồng chí Đỗ Thắng (Đại úy, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự thành phố) làm Trung đoàn phó.

Đầu tháng 10/1977, 817 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn dân quân, tự vệ thành phố ra quân tham gia *Chiến dịch làm thủy lợi phục vụ sản*

xuất đông - xuân 1977 - 1978 (trong đó đại đội dân quân xã Túc Duyên ra quân vượt chỉ tiêu quân số 97 người; đại đội dân quân, tự vệ tiểu khu Tân Long ra quân vượt gần 100% chỉ tiêu quân số). Sau hơn 1 tháng lao động tích cực, đến ngày 15/11/1977, Trung đoàn đã hoàn thành chỉ tiêu đào, đắp và trồng cỏ 3 km kênh Tây và kênh Giữa, về đích trước thời gian 45 ngày. Năng suất lao động bình quân toàn Trung đoàn đạt 126,3%. Riêng đại đội tiểu khu Tân Long đạt năng suất bình quân 220%, dẫn đầu các đại đội trên công trường. Các đại đội Gia Sàng, Cam Giá, Trung Thành đạt năng suất bình quân từ 180% đến 200%.

Qua 2 đợt huy động lực lượng tham gia xây dựng kênh, mương Núi Cốc năm 1977, thành phố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá là đơn vị đạt năng suất lao động cao nhất toàn công trường và là đơn vị hoàn thành khối lượng được giao sớm nhất, có quân số lên công trường cao nhất⁽¹⁾. Với thành tích đó, thành phố đã vinh dự được nhận *Cờ Đơn vị khá nhất* cùng tiền thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội quốc phòng, an ninh, Đảng bộ thành phố rất coi trọng công tác xây dựng Đảng. Trong năm 1977, Đảng bộ đã tổ chức học tập chương trình lý luận cơ sở cho 1.671 đảng viên (đạt tỉ lệ 98,7% số đảng viên đăng kí theo học); 95% số chi bộ, đảng bộ cơ sở học xong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua học tập, nhận thức của đảng viên về lý luận và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được nâng lên.

Thành ủy lãnh đạo chặt chẽ việc sắp xếp tổ chức, chỉ đạo đưa vào cấp ủy cơ sở một số cán bộ trẻ hăng hái, nhiệt tình, nhạy bén với

⁽¹⁾ Báo cáo của UBND tỉnh Bắc Thái tại Hội nghị Tổng kết chiến dịch thủy lợi hệ thống kênh mương Núi Cốc ngày 7/1/1978.

cái mới, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước quần chúng, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của đảng bộ cơ sở đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Sau khi học tập Nghị quyết số 23-NQ/TW, chế độ sinh hoạt của các cấp ủy, chi bộ đã đi vào nền nếp, nội dung sinh hoạt được cấp ủy chuẩn bị kỹ, phát huy được trí tuệ của tập thể; tinh thần đoàn kết nhất trí trong các đảng bộ, chi bộ được tăng cường; sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên. Sự chuyển biến đó đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ thành phố lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ mà các Nghị quyết số 24 và Nghị quyết số 25 của Trung ương Đảng và Chỉ thị 61/CP của Hội đồng Chính phủ đề ra.

Cuối năm 1977, Đảng bộ thành phố có 70% chi bộ, đảng bộ cơ sở làm tốt công tác cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, tiêu biểu là các Đảng bộ: Xí nghiệp Gỗ Tháng Tám, Nhà máy Mì sợi Bắc Hải, Tiểu khu Hoàng Văn Thụ và các xã Quang Vinh, Cam Giá.

Song song với công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, Đảng bộ thành phố chú trọng công tác rèn luyện, giáo dục đội ngũ đảng viên. Thông qua việc thực hiện các Nghị quyết 11, Nghị quyết 12 của Thành ủy, việc tự phê bình và phê bình trong các chi bộ, đảng bộ được tiến hành một cách nghiêm túc. Các hiện tượng thiếu tự giác, che giấu sai lầm, khuyết điểm của bản thân, nể nang với khuyết điểm của đồng chí hoặc thiếu tinh thần xây dựng đã giảm so với trước. Số đảng viên tích cực đạt tỉ lệ 77,1% (tăng 19,1% so với năm 1976).

Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ đảng viên chưa đều, số đảng viên trung bình và kém còn chiếm 22,9%. Biểu hiện của số đảng viên này là không nhận nhiệm vụ do chi bộ phân công, không gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tự tư tự lợi, thu vén cá nhân, chưa thực sự gương mẫu trong lao động, công tác.

Công tác phát triển đảng viên được Đảng bộ chú trọng hơn so với những năm trước. Số đảng viên mới được kết nạp trong năm 1977 tăng 20% so với năm 1975 và tăng 70% so với năm 1976, hầu hết là trẻ, khỏe, hăng hái, nhiệt tình, có trình độ văn hóa và kỹ thuật, có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Cuối năm 1977, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và theo sự phân cấp quản lý của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Bắc Thái từng bước phân cấp và bàn giao các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn về sinh hoạt với Đảng bộ thành phố. Vì vậy, Đảng bộ thành phố từ 85 tổ chức cơ sở đảng, với 2.534 đảng viên (năm 1976), đã tăng lên gần 150 tổ chức cơ sở đảng và 9.960 đảng viên⁽¹⁾. Địa bàn rộng và nhiều tổ chức cơ sở đảng của thành phố xen kẽ với các huyện: Đồng Hỷ, Phở Yên, Phú Bình, Đại Từ, trong đó bao gồm nhiều tổ chức cơ sở đảng có chức năng, nhiệm vụ khác nhau, số đảng viên phân bổ không đều (Đảng bộ Công ty Gang thép Thái Nguyên có 2.944 đảng viên, Đảng bộ Công ty Xây lắp Luyện kim có 1.456 đảng viên; ngược lại, một số chi bộ chỉ có 4 hoặc 5 đảng viên). Đặc điểm này đã chi phối đến sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố, trực tiếp là chi phối sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.

Tuy có những biến động về tổ chức cơ sở đảng, nhưng Thành ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tổng sản lượng thủ công nghiệp vượt chỉ tiêu 1,65%, tăng 15,6% so với năm 1976. Sản xuất nông nghiệp vụ mùa vượt 16,5% so với kế hoạch, tăng 3,97% so với vụ mùa năm 1976; năng suất rau xanh tăng 5,69% so với năm 1976.

Từ ngày 27 đến 31/1/1978, tại Hội trường Công ty Gang thép Thái Nguyên, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VII (vòng

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII.

2) được tổ chức. Tham dự Đại hội, có 291 đại biểu chính thức, 18 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 9.960 đảng viên trong toàn Đảng bộ⁽¹⁾.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI nhiệm kỳ 1974 - 1977, Đại hội khẳng định: “... Đảng bộ đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân thành phố tích cực chủ động khắc phục khó khăn để giành thắng lợi, đưa giá trị tổng sản lượng năm sau cao hơn năm trước, nhất là sản xuất rau và thủ công nghiệp... Đảng bộ đã đẩy mạnh việc lãnh đạo đưa quy mô hợp tác xã ngày càng lớn, gắn với việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ...; đã tiến hành sắp xếp các hợp tác xã thủ công nghiệp theo ngành nghề, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật từng bước được chú ý, đời sống của xã viên hằng năm đều được cải thiện tốt hơn... Đảng bộ lãnh đạo hoàn thành xuất sắc việc xây dựng trường sở kiên cố, nửa kiên cố, đảm bảo đủ chỗ ngồi học cho con em nhân dân, chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được nâng lên... Y tế được phát triển đảm bảo chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân...”.

Đại hội cũng chỉ ra các thiếu sót, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ, đó là “Lãnh đạo sản xuất chưa toàn diện, tính toán chưa kỹ, xây dựng kế hoạch chưa đầy đủ và chưa sát thực tế... Đầu tư trang, thiết bị kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Lãnh đạo quản lý vật tư, tiền vốn còn yếu... Công tác quản lý thị trường, sắp xếp cải tạo công thương nghiệp làm chưa dứt điểm. Công tác xây dựng và giáo dục chính trị chưa đi vào bề sâu, chưa kịp thời phê phán và ngăn chặn các

(1) Trong số 309 đại biểu chính thức và dự khuyết có 260 nam, 49 nữ, 260 đại biểu là cấp ủy viên từ Chi ủy đến Tỉnh ủy; 74 đại biểu nông nghiệp, 62 đại biểu công nghiệp; 41 đại biểu trường học - bệnh viện - cơ quan, còn lại là đại biểu hoạt động chuyên trách công tác Đảng và chính quyền; 52 đại biểu có trình độ đại học và sau đại học; 115 đại biểu là đảng viên từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp; 5 đại biểu theo đạo Thiên chúa; 91,4% đại biểu là dân tộc Kinh, 16% Sán Dìu, 1,2% Nùng, 5,8% Tày.

tiêu cực mới xuất hiện... Công tác quản lý đảng viên có mặt còn buông lỏng; ý thức tổ chức kỉ luật của một số đảng viên ở cơ sở còn lỏng lẻo, gây nên sự mất đoàn kết nội bộ, giảm uy tín của chi bộ...". Nguyên nhân dẫn đến các thiếu sót, khuyết điểm là do trình độ, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ thành phố còn hạn chế, việc phân cấp quản lý còn nhiều việc chưa rõ, chưa cụ thể... Một số tổ chức cơ sở đảng thiếu chủ động, sáng tạo, còn trông chờ, ỷ lại; một số đảng viên thiếu tính tiên phong, gương mẫu; trong số đảng viên yếu, kém có tới 50% là tham ô, mất đoàn kết; sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm chưa kịp thời...

Trên cơ sở đánh giá kết quả lãnh đạo các mặt công tác; chỉ ra những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong nhiệm kỳ 1974 - 1977, Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ nhiệm kỳ 1978 - 1980: *“Nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh tổng hợp, xây dựng thành phố Thái Nguyên nhanh chóng trở thành thành phố công nghiệp, gắn liền với quá trình xây dựng công nghiệp Trung ương, đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp để đảm bảo cung cấp được phần lớn nhu cầu về thực phẩm của thành phố; đẩy mạnh xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, cải thiện từng bước vững chắc đời sống của công nhân và nhân dân thành phố”*.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VII (nhiệm kỳ 1978 - 1980) gồm 31 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ngày 4/2/1978, tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư và Ban Kiểm tra Thành ủy. Theo đó, Ban Thường vụ gồm 11 ủy viên; đồng chí Nguyễn Duy An - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, được bầu giữ chức vụ Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Đình Hình, Dương Kim Uyên và Hoàng Từ được bầu giữ

chức vụ Phó Bí thư; Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 7 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Quang Đạo làm Trưởng ban.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII, Thành ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm nhằm đảm bảo đời sống nhân dân và cung cấp cho công nghiệp. Ban Thường vụ Thành ủy ra nghị quyết thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng xã Cam Giá theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa kết hợp xây dựng nông thôn mới, gồm 12 thành viên do đồng chí Nguyễn Quốc Tuấn (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách nông nghiệp) làm Trưởng ban. Tiếp đó, Thành ủy phát động phong trào *Đồng khởi thi đua, đẩy mạnh lao động sản xuất nông nghiệp* nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu năm 1978.

Hưởng ứng phong trào *Đồng khởi thi đua đẩy mạnh lao động sản xuất nông nghiệp*, các cấp ủy đảng và ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp các xã: Cam Giá, Gia Sàng, Đồng Bẩm, Túc Duyên, Đồng Quang, Quang Vinh, Lương Sơn tập trung nuôi lợn tập thể; mỗi xã nuôi từ 400 đến 700 con. Các xã trên dành 245 ha ruộng đất cho chăn nuôi tập thể, hầu hết là ruộng tốt. Mỗi hợp tác xã lập một phân xưởng chăn nuôi, do 1 ủy viên ban quản trị có kỹ thuật, có kinh nghiệm chăn nuôi làm Phân xưởng trưởng.

Ủy ban Nông nghiệp thành phố cử cán bộ kỹ thuật về giúp các hợp tác xã chấn chỉnh, bổ sung bộ máy điều hành phát triển chăn nuôi. Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp thành phố trực tiếp xuống từng cơ sở kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch, giải quyết tại chỗ những khó khăn, vướng mắc.

Để hoàn thành kế hoạch trồng 204 ha rau xanh, Phòng Thủy lợi thành phố đã cử nhiều cán bộ xuống chỉ đạo các hợp tác xã tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi, cung cấp nước cho các vùng chuyên

canh và xen canh rau. Các hợp tác xã đã huy động 2.000 công, tu sửa 80 km mương dẫn nước tưới (tăng 4 km so với vụ trước). Hợp tác xã Đồng Bẩm hoàn thành hệ thống mương dẫn nước cho 40 ha rau; Hợp tác xã Đại Đồng hoàn thành hệ thống mương, máng đảm bảo dẫn nước tưới tiêu cho 36 ha rau. Cán bộ, công nhân Phòng Thủy lợi thành phố đã hoàn thành việc tu sửa 22 trạm bơm cung cấp nước cho sản xuất rau; trong đó có các trạm bơm lớn đảm bảo nước tưới cho 21 ha rau ở Gia Sàng, 15 ha rau ở Túc Duyên, 20 ha rau ở Lương Sơn.

Đánh giá kết quả lãnh đạo sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 1978, Hội nghị Thành ủy (từ ngày 27 - 29/7/1978) khẳng định: Tuy thời tiết không thuận lợi, tổ chức lại sản xuất chưa kịp thời, nhưng diện tích gieo cấy lúa chiêm xuân vẫn vượt kế hoạch, trồng và quản lý rau, màu ngày càng hiệu quả hơn.

Trong 6 tháng cuối năm 1978, sản xuất nông nghiệp của thành phố gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường. Từ ngày 3 đến ngày 6/10/1978, bão và mưa lớn trên diện rộng đã làm ngập trên 950 ha lúa của thành phố, 84% diện tích hoa màu, 100% diện tích rau các loại bị hư hỏng nặng. Một số ao của các hợp tác xã bị nước lũ tràn bờ, mất cá; hàng chục vạn viên gạch, ngói bị hư hại. Để nhanh chóng khắc phục hậu quả do bão lụt gây ra, ngày 7/10/1978, Ban Thường vụ Thành ủy họp ban hành Nghị quyết số 152/NQ-TP phát động phong trào *Thi đua nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục hậu quả lũ lụt nhằm hoàn thành Kế hoạch Nhà nước năm 1978*.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy, ngay sau khi nước rút, Ủy ban nhân dân thành phố đã có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, huy động cán bộ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, thành lập các đoàn xuống chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở khắc phục hậu quả lũ lụt. Tại các hợp tác xã: Quang Vinh, Đồng Bẩm, Túc Duyên, Gia

Sàng, Cam Giá, Lương Sơn - những nơi có diện tích lúa, rau, màu bị ngập lụt, thiệt hại nhiều, ngay sau khi nước vừa rút, cấp ủy đảng, chính quyền và ban quản trị hợp tác xã đã huy động xã viên ra đồng thu hoạch lúa mùa sớm, rửa bùn đất bám trên lúa mùa muộn, làm đất gieo trồng cây vụ đông; mở rộng diện tích trồng rau, màu, ngăn ngày, giải quyết khó khăn về lương thực cho người và cho chăn nuôi. Các hợp tác xã còn huy động lực lượng tu sửa hàng chục kilômét mương dẫn nước bị đất, cát bồi lấp; sửa chữa các trạm bơm điện, máy bơm dầu để phục vụ sản xuất vụ đông. Các chuồng, trại chăn nuôi, nhà kho, sân phơi, nhà trẻ, trường học cũng được nhanh chóng tu sửa...

Nhằm đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, rau màu, Chi hội Phụ nữ các xã: Gia Sàng, Quang Vinh, Đồng Bầm, Đồng Quang phát động hội viên làm được trên 9.600 tấn phân, mỗi chi hội nuôi thêm từ 70 đến 80 con lợn, phấn đấu hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Đoàn Thanh niên phát động phong trào thi đua giải quyết hậu quả lũ lụt, góp phần ổn định đời sống nhân dân, thực hiện vụ đông - xuân thắng lợi. Đoàn viên, thanh niên thành phố đi đầu trong việc khắc phục khó khăn, đảm nhận những việc khó, đột xuất, làm đất trồng màu, chăm bón và thu hoạch lúa mùa, gây giống rau các loại, sửa chữa chuồng trại chăn nuôi. Mỗi đoàn viên, thanh niên các hợp tác xã nông nghiệp phấn đấu làm 3 tấn phân, nhận chăm bón những khu ruộng tăng sản. Mỗi đoàn viên ở khu vực phi nông nghiệp làm 100 kg phân bón cho sản xuất đông - xuân.

Năm 1978, nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể, nên các hợp tác xã nông nghiệp của thành phố đã khắc phục tốt hậu quả lũ lụt, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân và làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Toàn thành phố giao nộp cho Nhà nước 559 tấn thóc, vượt chỉ tiêu kế hoạch trên

giao 29 tấn. Hợp tác xã toàn xã Lương Sơn đã hoàn thành 100% chỉ tiêu giao nộp 215 tấn thóc (cao nhất trong các hợp tác xã nông nghiệp của thành phố).

Về thực phẩm, thành phố cơ bản hoàn thành kế hoạch được giao. Hợp tác xã Quang Vinh bán 21.528 kg lợn hơi (vượt chỉ tiêu 1.009 kg), hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm năm 1978 trước 78 ngày, dẫn đầu thành phố về thời gian. Hợp tác xã Đồng Bầm - chuyên sản xuất rau, đã bán được 43.569 kg thịt lợn hơi, vượt kế hoạch 2.033 kg, vượt thời gian 36 ngày. Hợp tác xã Lương Sơn, chỉ trong một ngày mở Hội chợ thu mua, các xã viên đã bán cho Nhà nước vượt kế hoạch 1.200 kg thịt lợn hơi. Hợp tác xã toàn xã Túc Duyên chuyên sản xuất rau, mặc dù bị trận lụt tháng 10/1978 gây thiệt hại nặng, nhưng vẫn đảm bảo sản xuất đạt 45 tấn rau/ha, tăng 3 tấn/ha so với năm 1977.

Ngành Tiểu thủ công nghiệp thành phố đã thu hút thêm 200 lao động là những người buôn bán nhỏ ở các khu phố, thị trấn vào làm ở các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đúc gang, kim khí, đồ gỗ, giả da và sản xuất tạp phẩm theo phương pháp vừa học, vừa làm. Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà, sau khi được bổ sung thêm 60 lao động, đã đưa 50 người trẻ, khỏe về Hải Phòng học nghề dập hàng sắt và tráng men. Thành phố mở lớp dạy nghề dệt thảm cho trên 100 lao động (hầu hết là phụ nữ), cung cấp lao động cho các hợp tác xã dệt thảm xuất khẩu.

Trong 6 tháng đầu năm 1978, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp thành phố đã sản xuất vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch được giao. Giá trị tổng sản lượng gấp 1,5 lần cùng kì năm 1977, tạo tiền đề cho việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 1978 và phát triển sản xuất trong những năm sau. Các cơ sở cơ khí đã mở thêm các lò đúc nồi, chảo, kiềng gang; tận dụng sắt phế phẩm của Nhà máy Cán thép Gia Sàng sản xuất các loại giường, ghế, giá sách cho thư viện, trường học. Hợp tác xã Cộng Lực (lá cờ đầu của ngành Tiểu thủ công nghiệp

thành phố) đã mua sắm thêm 1 máy hàn, 2 máy trộn bê tông; khai thác được 4.800 m³ cát sỏi, 150 tấn sắt phế phẩm; sản xuất 1.900 cột nhà bằng bê tông, 106 vì kèo thép, 950 ống cống các loại.

Hưởng ứng phong trào thi đua “3 nhất”, “5 tốt” do Liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp thành phố phát động, trong 6 tháng cuối năm 1978, cán bộ, xã viên các hợp tác xã đã cố gắng khắc phục khó khăn thiếu thốn về vật tư, lao động; tận dụng phế liệu, phế phẩm của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, sản xuất được nhiều mặt hàng phục vụ quốc phòng, giao thông, thủy lợi, nông nghiệp và tiêu dùng. Năm 1978, 14 trong tổng số 24 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm từ 0,1% đến 7,5% giá trị tổng sản phẩm, về trước thời gian từ 1 ngày đến 10 ngày. Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà hoàn thành kế hoạch năm 1978 trước 15 ngày, vượt chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng 8%, v.v...

Từ cuối năm 1977, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, các đảng bộ, chi bộ cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học, bệnh viện của Trung ương, khu và tỉnh đóng trên địa bàn chuyển về sinh hoạt ở Đảng bộ thành phố. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình, Thành ủy đã có nhiều cố gắng phối hợp với các cơ quan Trung ương; các ty, ban, ngành của tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo các nhà máy, xí nghiệp khắc phục khó khăn, đưa sản xuất phát triển.

Được sự phối hợp lãnh đạo của Thành ủy, Công ty Gang thép Thái Nguyên sớm vượt qua khó khăn do Trung Quốc cắt viện trợ và rút chuyên gia về nước, giữ vững nhịp độ sản xuất. Năm 1978, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng trước thời hạn 1 tháng. Các xưởng: Hợp kim sắt, Vật liệu chịu lửa, Luyện cốc hoàn thành kế hoạch trước thời hạn từ 36 đến 47 ngày; giá trị tổng sản lượng vượt từ 0,46 đến 0,95%. Cán bộ, công nhân Công ty đã nghiên cứu, đúc thành công trục cán thép đường kính 840 mm, sản xuất thành công thép dẹt

10 mm x 200 mm..., gạch chịu lửa Samốt A đạt chất lượng cao hoàn toàn bằng nguyên liệu trong nước; thiết kế và chế tạo thành công hệ thống phun dầu nặng vào Lò cao số I.

Ngoài ra, Công ty Gang thép Thái Nguyên đã dành một phần sản phẩm gạch tráng men, xi măng, đá vôi, gang, thép... giúp các ngành xây dựng cơ bản, cơ khí của địa phương khắc phục khó khăn, thiếu thốn về nguyên, vật liệu để duy trì sản xuất và xây dựng. Xưởng Cơ khí của Công ty đã cử cán bộ, công nhân kỹ thuật xuống giúp Xí nghiệp Cơ khí 3-2 bố trí lại dây chuyền sản xuất hợp lý, phát huy năng lực sản xuất.

Công ty Xây lắp cơ khí mở chiến dịch sản xuất 20 vạn cuộc bàn phục vụ sản xuất nông nghiệp; huy động trên 3.000 công nhân tham gia xây dựng kênh mương Núi Cốc. Xí nghiệp Cơ khí 3-2 hoàn thành vượt mức 4,44% kế hoạch năm 1978; trong đó các sản phẩm chủ yếu phục vụ nông nghiệp gồm máy xát màu, máy tuốt lúa, cuốc, xẻng... đều đạt từ 100% đến 124% kế hoạch, năng suất lao động tăng 4,5%.

Công ty Xây lắp luyện kim đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, làm lợi gần 350.000 đồng, trong đó có 50 sáng kiến được xét thưởng. Năm 1978, lãnh đạo Công ty tập trung chỉ đạo thi công hoàn thành 14 công trình trọng điểm, vượt kế hoạch 3%.

Cán bộ, công nhân Nhà máy Mì sợi Bắc Hải ngày đêm bám máy, bám lò, rút ngắn thời gian sửa chữa máy móc, sản xuất được 8.014 tấn bột mì thành mì sợi (vượt kế hoạch 14 tấn), v.v...

Ngành Giáo dục thành phố cũng có bước tiến mới. Trong năm học 1978 - 1979, tổng số học sinh phổ thông các cấp lên tới 41.000 em, tăng hơn 3.000 học sinh so với năm học trước. Các trường đã khắc phục khó khăn, xây dựng được 90 phòng học bán kiên cố và kiên cố. Các trường phổ thông cấp I + II Tân Long, Quán Triều, Hoàng Văn Thụ, Nha Trang, Hương Sơn, Núi Voi, Trại Cau, Gia Sàng, Túc

Duyên tổ chức cho học sinh lao động sửa chữa trường, lớp, bàn, ghế hư hỏng. Phòng Giáo dục thành phố trang bị thêm cho các trường trên 2.000 bộ bàn, ghế; cử 350 giáo viên theo học các hệ tại chức. Chất lượng dạy và học trong các trường được nâng lên. Số giờ dạy có chất lượng khá và giỏi tăng 50% so với năm học trước. Trong năm học này, thành phố có 3 học sinh đoạt giải Nhất, 1 học sinh đoạt giải Nhì trong kì thi chọn học sinh giỏi Toán và Văn lớp 4, lớp 7 của tỉnh... Thành phố Thái Nguyên là 1 trong 2 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng trường (1976 - 1978). Trong số 18 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, thành phố Thái Nguyên có 4 đơn vị (gồm các xã: Túc Duyên, Đồng Bẩm, Tiểu khu Tân Long và Hợp tác xã Cộng Lực).

Công tác văn hóa, văn nghệ quần chúng được phát huy. Công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động được đẩy mạnh. Sự nghiệp y tế phát triển tốt và đúng hướng, mạng lưới y tế từ thành phố xuống cơ sở được tăng cường, có nhiều cố gắng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Phong trào thể dục, thể thao được phát triển mạnh, nhất là trong thanh niên ở các khu vực trường học, nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang. Công tác bảo vệ bà mẹ - trẻ em tiếp tục phát triển⁽¹⁾.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng thường xuyên được Đảng bộ coi trọng. Sau khi phía Trung Quốc dựng lên sự kiện “*Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa*”, 31 hộ (gồm 198 nhân khẩu, có cả cán bộ, đảng viên) trong tổng số 103 hộ (440 nhân khẩu) người Hoa ở thành phố, đã nhẹ dạ, cả tin, nghe theo kẻ xấu tuyên truyền, bỏ sang Trung Quốc. Trước tình hình đó, Đảng bộ thành phố tăng cường lãnh đạo, kịp thời ổn định tư tưởng, làm cho cán bộ đảng viên và nhân

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII.

dân nói chung, người Hoa nói riêng hiểu, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tổ chức tọa đàm về nội dung bản Tuyên bố ngày 24/5/1978 của Trung Quốc về việc “*Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa*”. Hơn 30 đại biểu người Hoa là cán bộ, bác sĩ, công nhân, thợ thủ công, học sinh, sinh viên và nhân dân sinh sống ở thành phố Thái Nguyên nhiều năm (có người gần 50 năm) đã đến dự tọa đàm. Tại cuộc tọa đàm, các đại biểu đã khẳng định: “*Hoàn toàn không có chuyện Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa*”; đồng thời nhiệt liệt ủng hộ các bản Tuyên bố ngày 27/5 và 5/6/1978 của Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đảng bộ thành phố tiếp tục lãnh đạo tốt việc thực hiện Nghị quyết 228-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động khôi phục và phát triển kinh tế, phục vụ tốt đời sống nhân dân*. Thành phố xây dựng được hơn 100 tổ, tiểu đội, trung đội, đại đội dân phòng, với 1.193 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an.

Công an thành phố gọi 50 đối tượng hình sự lên giáo dục, đưa 2 đối tượng ra kiểm điểm trước dân, tổ chức 3 lớp cải huấn giáo dục 158 đối tượng vi phạm pháp luật, góp phần hạn chế và ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật.

Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể, ngay từ đầu năm 1978, Thành ủy ra nghị quyết chỉ rõ: “*Tăng cường giáo dục nền quốc phòng toàn dân cho nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên, nhất là trong thanh niên, học sinh và trong các cơ quan Nhà nước; lãnh đạo tốt công tác tuyển quân, thường xuyên quản lý nắm chắc quân dự bị các hạng I và*

II, phục vụ tốt cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Tiếp tục lãnh đạo làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội. Đẩy mạnh phong trào “Thi đua Quyết thắng”, hoàn thành vượt mức kế hoạch các nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1978”.

Từ khi tình hình biên giới Việt - Trung căng thẳng, Thành ủy chủ trương: Xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ với chất lượng tốt, số lượng đông; mỗi xã xây dựng từ 1 đến 3 đại đội dân quân, du kích; mỗi tiểu khu xây dựng 1 đại đội tự vệ; các nhà máy, xí nghiệp tổ chức quy mô từ tiểu đoàn đến trung đoàn tự vệ; Bí thư các đảng bộ, chi bộ trực tiếp làm Chính trị viên đơn vị dân quân, tự vệ cùng cấp.

Thực hiện chủ trương của Thành ủy, các đảng bộ, chi bộ cơ sở lãnh đạo cùng cố được 60% cơ sở dân quân, tự vệ; 90% cơ sở dân quân, tự vệ có cấp ủy viên phụ trách (trong đó có 49% là Bí thư các chi bộ, đảng bộ); 47% đảng viên của Đảng bộ tham gia dân quân, du kích và tự vệ. Công tác huấn luyện cán bộ dân quân, du kích vượt kế hoạch 3%, huấn luyện cán bộ tự vệ vượt 10%; 98,7% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành tốt chương trình, nội dung huấn luyện quân sự. Dân quân, tự vệ khối Dân - Đảng của thành phố huấn luyện quân sự 7 ngày đạt chất lượng cao; trong đó bắn súng 100% đạt yêu cầu, 71,5% khá giỏi; mang súng, ném lựu đạn 100% đạt yêu cầu, có 87,7% khá. Công tác tuyển quân của thành phố trong năm 1978 đảm bảo đủ số lượng, chất lượng tốt và đúng chính sách, giao quân vượt chỉ tiêu 0,95%.

Từ ngày 27/2 đến ngày 31/5/1978, thành phố huy động lực lượng dân quân, du kích, tự vệ ở 6 xã (Quang Vinh, Đồng Quang, Đồng Bầm, Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá) và 3 tiểu khu (Tân Long, Phú Xá, Trung Thành), lập thành 1 tiểu đoàn tham gia *Chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã*, vượt các chỉ tiêu về quân số, năng suất, thời gian, khối lượng công việc. Kết thúc Chiến dịch, cán bộ, chiến sĩ

Tiểu đoàn thành phố và Đại đội dân quân xã Đồng Bầm được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Giấy khen; 71% cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn được khen thưởng.

Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết về tình hình an ninh lãnh thổ của đất nước, thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TW của Bộ Chính trị và quyết định ngày 5/8/1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy Thái Nguyên thành lập Ban Chỉ huy quân sự thống nhất thành phố và Ban Chỉ huy quân sự thống nhất các xã, tiểu khu, cơ quan, đơn vị... làm nhiệm vụ thống nhất, chỉ đạo các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huy động sức người, sức của chi viện các tỉnh biên giới phía Bắc.

Nhằm phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31/7/1978, Thành ủy ban hành Nghị quyết số 90/NQ-TN thành lập Tổng đội Thanh niên xung kích, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, làm nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện, động viên và tổ chức đoàn viên, thanh niên xung kích lao động và bảo vệ Tổ quốc.

Trước tình hình địch tăng cường các hoạt động xâm lấn biên giới, Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân thành phố sản xuất được hàng chục vạn chông tre, chông sắt (trong đó Công ty Xây lắp luyện kim, Cơ khí 3-2, Hợp tác xã Cộng Lực đã sản xuất hàng ngàn bàn chông sắt, 100 chông quả dứa) giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chuyển lên chi viện cho 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Tiếp tục làm tốt công tác thương binh - xã hội, Phòng Thương binh - Xã hội phối hợp với Phòng Y tế tổ chức khám sức khỏe cho thương binh và thân nhân liệt sĩ; phối hợp với Phòng Thương nghiệp giải quyết tốt việc phân phối hàng tiêu dùng cho thương binh, gia đình liệt sĩ; phối hợp với Ty và Phòng Lương thực giải quyết việc nâng định mức lương thực cho bố, mẹ liệt sĩ già yếu ở khu vực phi nông

nghiệp, vùng sản xuất rau; cho vợ liệt sĩ đông con gặp khó khăn. Xã Quang Vinh là một trong những đơn vị làm tốt mặt công tác này. Hầu hết các gia đình thương binh, liệt sĩ trong xã đều có mức sống từ trung bình (so với mức sống của người dân trong xã) trở lên; mức sống của bố, mẹ liệt sĩ đạt bình quân 20 kg thóc 1 tháng, con liệt sĩ đạt từ 10 kg đến 13 kg thóc 1 tháng. Các thầy, cô giáo Trường Phổ thông cấp I + II của xã đã chăm lo kèm cặp đảm bảo 100% con em liệt sĩ, thương binh được lên lớp hoặc thi đỗ tốt nghiệp. Với thành tích đó, cán bộ và nhân dân xã Quang Vinh được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen.

Đầu năm 1978, Đảng bộ thành phố tiếp nhận thêm một số cơ sở đảng của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp trung ương và tỉnh về sinh hoạt. Vì vậy, số đảng viên của Đảng bộ lên tới 15.301 đồng chí, sinh hoạt trong 186 đảng bộ, chi bộ cơ sở. Trước tình hình số lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng tăng cao, Thành ủy chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ cơ sở giữ vững chế độ, nền nếp sinh hoạt, học tập, công tác.

Nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng kết hợp với nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho cán bộ đảng viên được Thành ủy đặc biệt chú trọng. Trong 6 tháng đầu năm 1978, 100% tổ chức cơ sở đảng và trên 90% cán bộ, đảng viên được học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII một cách nghiêm túc. Đợt học tập đã góp phần *“nâng cao nhận thức, củng cố được lập trường, quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên; kịp thời uốn nắn được những lệch lạc trong nhận thức tư tưởng về bản chất của kẻ thù mới, mài sắc được ý chí chiến đấu, nâng cao được năng lực, trình độ lãnh đạo cho cán bộ, đảng viên và do đó các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng đã được thực hiện thắng lợi”*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VIII, tr.13.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ do Trung ương và Tỉnh ủy giao, trực tiếp là các nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII đề ra, Đảng bộ tập trung lãnh đạo khắc phục một số khuyết điểm, đó là: “*Nhận thức và hành động của một số không ít cán bộ, đảng viên chưa có chuyển biến thật sự đối với tính chất, vị trí và nhiệm vụ của thành phố... Chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng bộ còn nhiều hạn chế. Ngoài số đảng viên tích cực..., còn một số khá đông đảng viên ở loại trung bình (thực chất là kém)... kém nhiệt tình, thiếu ý chí cách mạng tiến công; không mạnh dạn đấu tranh với những sai trái trong nội bộ và những tiêu cực trong cơ quan cũng như ngoài xã hội, ngại va chạm, ngại khó khăn, lười học tập và học tập qua loa, chiếu lệ*”⁽¹⁾.

Thực hiện Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 8/6/1978 của Thành ủy về thi hành Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, cùng với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên, từ đầu năm 1978 đến hết năm 1979, Đảng bộ đã đưa 169 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, xóa tên 96 đảng viên. Công tác phát triển đảng cũng được chú ý. Trong 9 tháng đầu năm 1978, Thành ủy và một số đảng bộ cơ sở đã mở các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng cho hơn 700 quần chúng ưu tú (riêng Thành ủy mở được 3 lớp, bồi dưỡng được 358 quần chúng ưu tú). Kết quả này có tác dụng thúc đẩy công tác phát triển Đảng trong toàn Đảng bộ. Mặc dù vậy, nhiều đảng bộ, chi bộ cơ sở chưa nhận thức đầy đủ vị trí công tác phát triển đảng. Đảng bộ tiểu khu Trung Vương trong suốt 10 năm không kết nạp được một đảng viên nào.

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Kế hoạch thi hành Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng*. Số 63-KH/TU, ngày 8/6/1978.

Tình trạng yếu, kém, trì trệ trong công tác phát triển Đảng ở một số đảng bộ, chi bộ cơ sở đã hạn chế sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, gây trở ngại cho công tác xây dựng, quy hoạch cán bộ và đội ngũ đảng viên của Đảng bộ thành phố.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 8/10/1978, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết số 153-NQ/TU *về công tác phát triển Đảng*. Trên cơ sở phân tích, đánh giá sự yếu kém, trì trệ trong công tác phát triển đảng của Đảng bộ trong những năm trước, Nghị quyết chỉ rõ trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy, chi bộ đối với công tác phát triển Đảng; giao nhiệm vụ cho Đoàn Thanh niên giáo dục, lựa chọn, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú giới thiệu cho các cấp ủy đảng, để xem xét kết nạp.

Sau gần 3 tháng thực hiện Nghị quyết 153 của Ban Thường vụ Thành ủy, Thành Đoàn đã tích cực, chủ động tổ chức bồi dưỡng, rèn luyện đoàn viên, giới thiệu cho Đảng được gần 1.800 đoàn viên ưu tú (trong đó có 285 đoàn viên ưu tú đã được các cơ sở đảng xem xét, cử đi học các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng). Các tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng kế hoạch phát triển Đảng một cách cụ thể, tỉ mỉ; phân công trách nhiệm làm công tác phát triển Đảng cho từng tổ đảng, đảng viên giao nhiệm vụ để thử thách, giáo dục, rèn luyện quần chúng. Nhờ đó, trong quý IV/1978, Đảng bộ thành phố đã kết nạp được 68 đảng viên, nâng số đảng viên mới được kết nạp năm 1978 lên 171 đồng chí (trong đó có 68% là đoàn viên).

Cùng với việc đẩy mạnh công tác phát triển đảng, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng. Đầu năm 1978, Đảng bộ thành phố tiếp nhận thêm một số cơ sở đảng của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp của Trung ương và tỉnh về sinh hoạt,

nâng số đảng viên trong Đảng bộ lên 15.301 đồng chí, sinh hoạt tại 186 đảng bộ, chi bộ cơ sở. Cũng trong năm này, Thành ủy quyết định tách một số chi bộ tiểu khu và một số chi bộ các cơ quan thành các chi bộ nhỏ để thành lập các chi bộ, đảng bộ cơ sở mới⁽¹⁾; củng cố, kiện toàn các cấp ủy đảm bảo đủ số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng.

Ngoài ra, Thành ủy còn tập trung lãnh đạo kiện toàn các phòng, ban, các cơ quan Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố⁽²⁾, đặc biệt là các cơ quan kinh tế, quản lý xã hội có đủ cán bộ cần thiết theo cơ chế đã được xác định. Nhờ vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố được triển khai kịp thời, thực hiện có hiệu quả hơn so với năm 1977.

Bước sang năm 1979, tình hình biên giới phía Bắc có nhiều diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, ngày 6/1/1979, Ban Bí thư Trung

⁽¹⁾ Ngày 12/1/1978, Thành ủy quyết định tách Chi bộ tiểu khu Hương Sơn thành 4 chi bộ, thành lập Đảng bộ tiểu khu Hương Sơn; chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 9 ủy viên, do các đồng chí: Nguyễn Đông làm Bí thư, Nguyễn Xuân Bảng làm Phó Bí thư, Nguyễn Văn Long làm Ủy viên Thường vụ.

- Ngày 23/2/1978, Thành ủy quyết định tách Chi bộ khối Dân - Đảng (Mặt trận) thành 8 chi bộ, thành lập Đảng bộ Dân Đảng; chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 9 ủy viên, do các đồng chí: Cao Huy Dĩnh làm Bí thư, Dương Văn Bầy làm Phó Bí thư, Lương Chấn Hải làm Ủy viên Thường vụ.

- Ngày 16/6/1978, Thành ủy quyết định tách Chi bộ Công ty Xây dựng thành 6 chi bộ, thành lập Đảng bộ Công ty Xây dựng dân dụng; chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 7 ủy viên, do các đồng chí: Nguyễn Văn Đức làm Bí thư, Nguyễn Điện làm Phó Bí thư.

- Ngày 19/8/1978, Thành ủy quyết định tách Chi bộ Liên hiệp Công đoàn tỉnh thành 3 chi bộ, thành lập Đảng bộ Văn phòng Liên hiệp Công đoàn tỉnh.

- Ngày 28/9/1978, Thành ủy ra Nghị quyết số 151-NQ/TP tách Chi bộ tiểu khu Quán Triều thành 7 chi bộ, thành lập Đảng bộ tiểu khu Quán Triều; chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 7 ủy viên, do các đồng chí: Đặng Bá Phụ làm Bí thư, Nguyễn Ngọc Thanh làm Phó Bí thư.

⁽²⁾ Đầu năm 1978, Thành ủy quyết định thành lập thêm các cơ quan: Ban Kiến thiết, Công ty Xây dựng, Công ty Vật tư, Phòng Công nghiệp, Trạm rau, Trạm Thú y và giống lợn trực thuộc UBND thành phố, tách Phòng Giao thông - Thị chính thành 2 phòng: Phòng Quản lý nhà đất + công trình công cộng và Phòng Giao thông.

ương Đảng chỉ thị: *“Tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc,... khẩn trương nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động lấn chiếm, xâm phạm biên giới của địch”*.

Ngày 8/1/1979, Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh hợp bất thường, quyết định: 1- Chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu; 2- Chuẩn bị tuyển quân xây dựng 2 trung đoàn bộ đội địa phương, thành lập 3 trung đoàn dự nhiệm; 3- Sẵn sàng làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm và lực lượng vũ trang chi viện cho các tỉnh phía trước.

Ngày 12/1/1979, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố nhận được chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh *“phải triển khai ngay công tác chuẩn bị, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương và các lực lượng cơ động chiến đấu của Quân khu và Bộ trên địa bàn thành phố. Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, sẵn sàng chi viện phía trước khi có lệnh”*.

Chấp hành nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định của Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất và chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy hợp quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, bàn phương hướng, nội dung, biện pháp thực hiện.

Sáng 17/2/1979, quân Trung Quốc nổ súng tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Tối 17/2/1979, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất thành phố họp, quyết định chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu; đồng thời chỉ thị cho các xã, tiểu khu, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp sẵn sàng phục vụ chiến đấu; mỗi đơn vị chuẩn bị lực lượng từ 1 đại đội đến 1 tiểu đoàn dân quân, tự vệ, sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước.

Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân và các lực lượng vũ trang thành phố thực hiện tốt bản Tuyên bố ngày 17/2/1979 của Chính phủ và Thông báo ngày 18/2/1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh: *“Bình tĩnh, sẵn sàng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, đảm bảo công tác, sản xuất bình thường. Nhanh chóng triển khai các lực lượng trực chiến, sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức tốt công tác phòng không nhân dân, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho các tỉnh phía trước chiến đấu thắng lợi”*.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nên Đảng bộ đã động viên được cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân thành phố quyết tâm sẵn sàng lên đường chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống quân xâm lược. Chỉ một ngày sau khi Trung Quốc phát động chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta, nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, giáo viên và học sinh đã viết đơn tình nguyện đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Ban Chỉ huy quân sự thành phố đã xây dựng được 1 đại đội dân quân, du kích gồm 70 cán bộ, chiến sĩ trang bị đầy đủ vũ khí, bổ sung cho Tiểu đoàn 736 dân quân, du kích của tỉnh⁽¹⁾ đi làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở khu vực phía Bắc huyện Ngân Sơn (tỉnh Cao Bằng).

Từ ngày 18 đến ngày 28/2/1979, Đảng bộ thành phố lãnh đạo các công ty: Gang thép Thái Nguyên, Xây lắp luyện kim, Xây lắp cơ khí xây dựng xong các tiểu đoàn tự vệ 734, 735, 737.

⁽¹⁾ Tiểu đoàn dân quân, du kích của tỉnh gồm: Đại đội 1 (Đồng Hỷ): 98 cán bộ, chiến sĩ; Đại đội 2 (Phổ Yên): 84 cán bộ, chiến sĩ; Đại đội 3 (thành phố): 70 cán bộ, chiến sĩ; Đại đội 4 (Phủ Bình): 104 cán bộ, chiến sĩ.

Trung đội Vận tải (Đồng Hỷ): 10 cán bộ, chiến sĩ; Trung đội Thông tin và Tiểu đội Trinh sát (Phủ Bình): 29 cán bộ, chiến sĩ; Đoàn bộ (Phủ Bình): 17 cán bộ, chiến sĩ, chỉ huy tiểu đoàn: 4 cán bộ.

Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, từ ngày 26/2 đến ngày 3/3/1979, các tiểu đoàn tự vệ 734, 735, 737 lần lượt cơ động lên Mặt trận Cao Bằng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong số đó, Tiểu đoàn 735 (tự vệ Công ty Xây lắp luyện kim) là một đơn vị tự vệ mới được thành lập, dù đang trên đường vừa hành quân vừa huấn luyện thì gặp địch, nhưng cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn đã kịp thời triển khai chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Thực hiện Chỉ thị ngày 3/3/1979 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc *Phát động tổ chức toàn dân chuẩn bị chiến đấu và tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*, Ban Thường vụ Thành ủy và Ban Chỉ huy quân sự thống nhất thành phố lãnh đạo, chỉ đạo huy động gần 10.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ các xã, thị trấn, tiểu khu, cơ quan, các trường trung, đại học đi xây dựng công trình chiến đấu ở các tỉnh biên giới phía Bắc; đồng thời huy động 46.341 công của dân quân, tự vệ xây dựng phòng tuyến chiến đấu tại chỗ; đào, đắp được 22.000 mét chiến hào, 10.000 hố chiến đấu cá nhân và hàng chục trận địa chiến đấu.

Hưởng ứng phong trào *Cây chuối quốc phòng, sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ vững chắc địa phương* do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố phát động trong giới phụ lão, thành phố đã xây dựng được 9 đơn vị lão dân quân, với 571 cụ tham gia. Các cụ lão dân quân tiểu khu Trung Vương và xã Gia Sàng đã tự trang bị vũ khí bằng gươm, giáo, mác, gậy gộc, cùng dân quân, tự vệ, ngày đêm luyện tập và tuần tra canh gác.

Hướng về các cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đang chiến đấu bảo vệ từng tấc đất biên cương của Tổ quốc, các chi hội phụ nữ thành phố đã quyên góp lương thực, thực phẩm trị giá 3.800 đồng ủng hộ bộ đội Biên giới. Bà Lưu Thị Mai (Phân chi trưởng Chi hội Phụ nữ tiểu

khu Tân Long có 2 con đi bộ đội) đã ủng hộ các chiến sĩ biên giới 1 con lợn 70 kg⁽¹⁾, v.v...

Hưởng ứng chiến dịch *Trần Quốc Toản ra quân đánh thắng quân xâm lược* do Phòng Giáo dục thành phố phát động, Liên đội Thiếu niên tiên phong Trường Phổ thông cấp I + II Đồng Quang quyên góp được 794 kg đậu xanh, 806 quả trứng và 38 kg đường ủng hộ bộ đội và thương binh...

Ngay sau khi quân xâm lược rút về nước, Đảng bộ thành phố lãnh đạo các cơ quan, xí nghiệp, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân quyên góp, ủng hộ đồng bào Cao Bằng nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất.

Thực hiện chủ trương của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Đài Truyền thanh thành phố Thái Nguyên đã san sẻ thiết bị, vật tư, loa, máy và cử 4 cán bộ, công nhân kỹ thuật lên giúp khôi phục Đài Truyền thanh thị xã Cao Bằng. Nhờ sự giúp đỡ kịp thời và tinh thần làm việc khẩn trương của cán bộ, công nhân Đài Truyền thanh thành phố Thái Nguyên, chỉ trong 3 ngày, Đài Truyền thanh thị xã Cao Bằng đã hoạt động trở lại. Ủy ban nhân dân thành phố huy động hàng ngàn công nhân các Công ty Xây dựng nhà ở, Xây dựng dân dụng, Xây lắp Luyện kim và xã viên Hợp tác xã Cộng Lực tập trung phương tiện, lao động, gia công và vận chuyển 500 bộ vì kèo thép, cột bê tông, hàng vạn cây tre, nứa lên giúp thị xã Cao Bằng xây dựng 10.000 m² nhà ở.

Trường Đại học Y khoa Việt Bắc cử hơn 100 giáo viên bộ môn Dịch tễ và sinh viên năm thứ 6 chia làm nhiều đoàn lên các tỉnh biên giới làm công tác vệ sinh, phòng dịch; đồng thời điều một kíp mổ và hàng trăm sinh viên về các quân y viện tham gia cứu, chữa thương binh.

⁽¹⁾ Báo Bắc Thái ngày 3/4/1979.

Thiếu nhi thành phố đóng góp ủng hộ thiếu nhi Cao Bằng 26 mặt hàng (trong đó có 6.500 bút chì, 2.300 thép giấy, 7.500 thước kẻ, 5.000 nhãn vở, 3.576 ê ke, thước đo độ và nhiều quần, áo, khăn mặt, mũ, tất...). Cán bộ, công nhân, viên chức Công ty Gang thép Thái Nguyên quyên góp, ủng hộ đồng bào Cao Bằng 7.000 đồng và nhiều quần áo, xà phòng, thuốc đánh răng. Cán bộ, công nhân viên chức Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ ủng hộ đồng bào Cao Bằng 375 mét phiếu vải và 3.000 đồng; giúp Xí nghiệp Giấy Kim Đồng (Cao Bằng) khôi phục mặt bằng, ủng hộ máy xeo giấy công suất 500 KW, lắp đặt toàn bộ hệ thống sản xuất gồm lò hơi, máy chắt nguyên liệu, nồi nấu bột, máy nghiền bột và máy xeo giấy, đưa Xí nghiệp nhanh chóng trở lại sản xuất. Nhà máy Điện Thái Nguyên ủng hộ 376 mét phiếu vải và 3.600 đồng, v.v...

Sau hơn 2 tháng hưởng ứng *Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng* do Mặt trận Tổ quốc tỉnh phát động, đến ngày 30/5/1979, cán bộ, nhân dân, các cơ quan, đoàn thể thành phố Thái Nguyên đã ủng hộ đồng bào Cao Bằng được 177.065,23 đồng và 23.552 mét phiếu vải. Thành phố Thái Nguyên là 1 trong 2 đơn vị của tỉnh Bắc Thái ủng hộ Cao Bằng tích cực nhất và được nhiều nhất, góp phần quan trọng giúp đồng bào Cao Bằng nhanh chóng khắc phục hậu quả nặng nề do quân xâm lược gây ra.

Nhờ Đảng bộ lãnh đạo tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nên trong đợt tuyển quân chống quân Trung Quốc xâm lược đầu năm 1979, hàng ngàn người (hầu hết là thanh niên) hăng hái viết đơn xin đi chiến đấu. Trong đó, có 280 đơn kí tên bằng máu, 123 chi đoàn viết quyết tâm thư gửi lên Thành đoàn với 100% đoàn viên, thanh niên kí tên sẵn sàng nhận nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Qua 3 đợt tuyển quân năm 1979, thành phố đã tuyển được 666 người vào bộ đội,

vượt 0,9% chỉ tiêu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao. Riêng đợt tuyển quân thứ 3 (tháng 6/1979), thành phố vượt chỉ tiêu 7,1%.

Trong 6 tháng đầu năm 1979, Đảng bộ thành phố lãnh đạo thành lập thêm nhiều đơn vị dân quân, tự vệ. Tỷ lệ dân quân, tự vệ chiếm 33,6% so với tổng dân số thành phố (trong đó lực lượng chiến đấu chiếm 40,8% so với tổng số dân quân, tự vệ, vượt chỉ tiêu từ 1% đến 10%). Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng các trung đoàn, sư đoàn tự vệ trong các nhà máy, xí nghiệp; chỉ đạo các cơ sở đảng cử thêm đảng viên vào các đơn vị bán vũ trang; giao nhiệm vụ cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền ở cơ sở trực tiếp chỉ huy các đơn vị dân quân, tự vệ.

Đến giữa năm 1979, thành phố có 86 đơn vị dân quân, tự vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện. Ban Chỉ huy quân sự thành phố kiểm tra huấn luyện ở 24 đơn vị, có 14 đơn vị đạt giỏi, 7 đơn vị đạt khá. Để chỉ đạo huấn luyện quân sự sát với thực tế chiến đấu Ban Chỉ huy quân sự thành phố cử cán bộ lên các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn học tập kinh nghiệm đánh quân xâm lược trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương của Tổ quốc, kịp thời bổ sung vào nội dung huấn luyện; đồng thời mở 25 lớp tập huấn cho 2.656 cán bộ dân quân, tự vệ từ tiểu đội đến đại đội về các khoa, mục sử dụng súng bộ binh, súng chống tăng, các loại pháo và kỹ thuật chiến đấu cá nhân; bồi dưỡng cho 500 cán bộ từ cấp tiểu đoàn đến cấp sư đoàn nội dung lý luận về đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, về phương thức chỉ huy tác chiến trên địa bàn rộng.

Trên mặt trận xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhà máy xí nghiệp phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất.

Đảng bộ Công ty Gang thép Thái Nguyên giáo dục cán bộ, công nhân phát huy tinh thần tự lực tự cường, nghiên cứu đúc thành công các loại trục cán thép 530 mm, 680 mm, 840 mm có chất lượng tốt; sử dụng 100% than mỡ Phấn Mễ để luyện than cốc giữ vững sản xuất, tạo ra nhiều mặt hàng mới phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Toàn Công ty đã hoàn thành toàn diện vượt mức Kế hoạch Nhà nước năm 1979 trước 5 ngày, vượt giá trị tổng sản lượng 1,51% so với kế hoạch.

Đảng bộ Nhà máy Điện Thái Nguyên lãnh đạo rút ngắn được thời gian đại tu, tiểu tu lò máy 11 ngày, sản lượng điện phát ra tăng 2.808.000 KW/giờ, hoàn thành toàn diện vượt mức Kế hoạch Nhà nước năm 1979 trước 14 ngày, nâng giá trị tổng sản lượng lên 62,4% so với kế hoạch.

Đảng bộ Xí nghiệp 19/5 lãnh đạo đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, tiết kiệm, tự thiết kế chế tạo thành công máy bào gỗ, tăng năng suất từ 300% đến 400% so với bào bằng tay, về trước kế hoạch 16 ngày, vượt giá trị tổng sản lượng 4%, năng suất lao động tăng 18%.

Năm 1979 là năm Đảng bộ tập trung lãnh đạo giải quyết những mặt yếu kém của ngành Tiểu thủ công nghiệp từ nhiều năm trước để lại. Thành ủy lãnh đạo củng cố tổ chức, kiện toàn bộ máy lãnh đạo ngành Tiểu thủ công nghiệp từ thành phố xuống cơ sở; chỉ đạo sản xuất bung ra đúng hướng, khai thác nguồn lao động, cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguyên liệu, phế liệu sẵn có để sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. 25 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp của thành phố được tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước công tác quản lý, đưa năng lực sản xuất tăng 38,5% so với năm 1978.

Trong điều kiện vật tư, nguyên liệu không đáp ứng yêu cầu của sản xuất, các hợp tác xã thủ công nghiệp đã mở rộng quan hệ với các huyện trong tỉnh, các công ty, xí nghiệp của Trung ương, tiếp tục tổ

chức lực lượng khai thác thu mua than, sắt thép phế liệu, giữ vững sản xuất cho hơn 4.000 cán bộ, xã viên. Hợp tác xã mạnh cộ Thống Nhất mua được 17 tấn cuộng cộ, sản xuất được 60.000 m² mảnh cộ xuất khẩu. Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam thu mua được 100 tấn mũi cày, diệp cày cũ, 67 tấn than cốc qua lửa, sản xuất được 10.000 mũi cày, diệp cày, 10.000 cào cỏ lúa và 10.000 cào lồng 4 răng phục vụ sản xuất nông nghiệp... Hợp tác xã Cộng Lực mua được 180 tấn sắt, thép phế liệu, đưa vào sản xuất được 6.000 cột bê tông, phục vụ cho kế hoạch xây dựng 60.000 m² nhà ở, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất năm 1979, tiếp tục giữ vững danh hiệu *Đơn vị tiêu biểu xuất sắc toàn diện của ngành Tiểu thủ công nghiệp thành phố năm 1979*, v.v...

Năm 1979, mặc dù đời sống của xã viên gặp nhiều khó khăn lại phải tập trung sức người, sức của chi viện cho các tỉnh biên giới phía Bắc đánh địch bảo vệ lãnh thổ của Tổ quốc, nhưng nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ, nên sản xuất nông nghiệp của thành phố năm 1979 đạt được một số thành tích đáng kể. Vụ chiêm xuân cày vượt kế hoạch diện tích 11,13%, trong đó diện tích lúa xuân đạt 43%, cao hơn tất cả các năm trước.

Hưởng ứng *Chiến dịch sản xuất 5 vạn tấn phân bón* do Thành Đoàn phát động, từ ngày 19/4 đến ngày 19/5/1979, đoàn viên, thanh niên thành phố đã làm được 3.000 tấn phân xanh, 1.800 tấn phân bùn. Chi đoàn thanh niên Phòng Thiết kế xây dựng (Công ty Xây dựng) làm vượt mức 100% chỉ tiêu phân xanh được giao. Đoàn viên, thanh niên Nhà máy Xay Mỏ Bạch thu vét trấu phế phẩm làm phân đạt bình quân 500 kg/người. Ban Chấp hành Đoàn các trường đại học, trung học chuyên nghiệp huy động đoàn viên, thanh niên tham gia 2 ngày *Lao động cộng sản* làm gần 2.300 tấn phân giúp các hợp tác xã: Tân Long, Quang Vinh, Phú Xá. Đoàn Thanh niên các xã: Lương Sơn, Cam Giá nhân giống bèo hoa dâu đảm bảo cung cấp đủ giống cho toàn thành phố.

Giữa tháng 6/1979, Ủy ban Nông nghiệp thành phố mở lớp tập huấn kỹ thuật ủ giống và tổ chức *Hội thi cấy* nhằm tuyển lựa các kiện tướng cấy giỏi đi tham gia *Hội thi cấy* của tỉnh.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và sâu sát của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, xã viên các hợp tác xã nông nghiệp, vụ mùa năm 1979, thành phố đã cấy được 1.493,6 ha, vượt chỉ tiêu tỉnh giao 6,6%.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, các hợp tác xã đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về nguồn thức ăn, giữ vững và phát triển đàn lợn tập thể và gia đình. Hợp tác xã Quang Vinh dành 15% ruộng đất cho chăn nuôi lợn tăng sản; cử một ủy viên Ban Quản trị có kinh nghiệm làm Trại trưởng chăn nuôi. Ủy ban Nông nghiệp thành phố cử 1 kỹ sư chăn nuôi xuống phụ trách kỹ thuật giúp Hợp tác xã. Nhờ đó, chăn nuôi lợn tăng sản ở Hợp tác xã Quang Vinh bước đầu cho kết quả tốt: Bình quân tăng trọng 17 kg/tháng/con và sau 6 tháng chăn nuôi, lợn xuất chuồng bình quân mỗi con đạt trên 100 kg. Năm 1979, nhân dân xã Quang Vinh đã bán cho Nhà nước 35.676 kg lợn hơi. Từ kinh nghiệm nuôi lợn tăng sản của Hợp tác xã Quang Vinh, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo phát triển rộng sang các hợp tác xã khác. Vì vậy, đến hết tháng 12/1979, thành phố đã bán cho Nhà nước 293 tấn lợn hơi (tăng 53 tấn so với năm 1978).

Bên cạnh các thành tựu trên, sản xuất nông nghiệp của thành phố trong năm 1979 cũng còn nhiều mặt yếu: Năng suất lúa chưa cao, chưa dành đủ đất cho chăn nuôi, sản lượng rau còn đạt thấp. Nguyên nhân của những mặt yếu kém này là do bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp còn chậm được tăng cường; một số chính sách để đẩy mạnh

sản xuất rau chưa hợp lí nhưng chậm được giải quyết; mặt khác, thời tiết trong năm cũng không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp⁽¹⁾.

Mặc dù điều kiện kinh tế, xã hội có nhiều khó khăn, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân thành phố, chất lượng giáo dục trong các trường phổ thông vẫn được giữ vững. Trong năm học 1978 - 1979, số học sinh được lên lớp ở các cấp đạt tỉ lệ từ 95% đến 98% (vượt kế hoạch từ 1% đến 3%), thi tốt nghiệp cấp II phổ thông đạt từ 89% đến 97% (vượt chỉ tiêu từ 7,8% đến 9%), thi tốt nghiệp cấp III phổ thông đạt từ 76% đến 78% (vượt chỉ tiêu từ 0,3% đến 1,3%).

Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được phát huy. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới được duy trì. Hai khu vực văn hóa của thành phố được hình thành⁽²⁾ và từng bước xây dựng hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân. Công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động được đẩy mạnh, phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Phong trào thể dục - thể thao tiếp tục phát triển, ngày càng mang tính chất quần chúng sâu rộng. Các cụ phụ lão ở tiểu khu Hoàng Văn Thụ thành lập câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe ngoài trời, góp phần cổ vũ phong trào rèn luyện sức khỏe trong các tầng lớp nhân dân thành phố.

Các đoàn thể quần chúng có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Các phong trào: *Tòng quân giết giặc, Làm phân bón chi viện nông nghiệp* trong thanh niên; *Cấy đòng kĩ thuật, Ủng hộ thương binh, bộ đội* trong phụ nữ; *Luồng rau cây chuối quốc phòng* trong các cụ phụ lão; *Trần Quốc Toản ra quân* trong các cháu thiếu niên, nhi đồng thành phố, đã góp phần tạo ra khí thế thi đua sôi nổi trong sản xuất,

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1979 của Thành ủy Thái Nguyên.

(2) Khu Văn hóa công nhân gang thép và Khu Văn hóa Công viên Sông Cầu.

giữ gìn trật tự, trị an, xây dựng nếp sống văn hóa và giải quyết được nhiều vấn đề cụ thể về thực hiện chính sách xã hội.

Những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội chính là kết quả công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ theo tinh thần Chỉ thị 72-CT/TW ngày 8/5/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn củng cố tổ chức Đảng*.

Ngày 28/7/1979, các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy họp với các đồng chí Trưởng các ban: Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra để đánh giá tình hình triển khai và bàn một số nội dung, biện pháp tiếp tục thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trên cơ sở đánh giá ưu, khuyết điểm trong việc thực hiện Chỉ thị 72, Hội nghị đi đến một số quyết định cụ thể:

1- Tăng cường hơn nữa việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chỉ thị 72 và đại hội đảng bộ các cấp.

2- Chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời rút kinh nghiệm các cơ sở chỉ đạo điểm gồm các xã: Cam Giá, Đồng Quang, Lương Sơn; các hợp tác xã thủ công nghiệp: Bắc Nam, Hồng Hà; các Xí nghiệp 19-5, Cơ khí 3-2 và các tiểu khu: Hoàng Văn Thụ, Tân Long, Trung Vương.

3- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các ban: Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra. Các ban trên cần có hướng dẫn ngắn, gọn, chỉ ra công việc cụ thể của từng giai đoạn, yêu cầu mức độ và thời gian hoàn thành.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của Thường trực Thành ủy, công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến vượt bậc. Trong năm 1979, toàn Đảng bộ đã bồi dưỡng, kết nạp được 409 đảng viên; trong đó, 81,2% có trình độ văn hóa từ cấp III trở lên, 67,55% tuổi đời từ 18 đến 30. Nhiều đảng viên mới kết nạp đã được các tổ chức cơ sở đảng tin tưởng, giao trách nhiệm, được đề bạt giữ các chức

vụ lãnh đạo trong các cơ quan, đoàn thể. Sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phát triển Đảng năm 1979 đã tạo cho Đảng bộ thành phố có thêm sức mạnh và năng lực lãnh đạo mới.

Nhìn lại chặng đường 5 năm (1975 - 1980), Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên đã đoàn kết một lòng, thực hiện tốt 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân thành phố hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh; kịp thời chi viện sức người, sức của cho các tỉnh biên giới chiến đấu đánh bại quân xâm lược.

Tuy còn có những thiếu sót, khuyết điểm, nhưng những thành tựu đạt được trong 5 năm (1975 - 1980) là tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân thành phố vững vàng bước sang thời kì mới với khí thế và quyết tâm xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành một thành phố công nghiệp giàu đẹp.

II- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân (1980 - 1986)

Sau gần 5 năm đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội (1976 - 1980), bên cạnh những thành tựu đạt được, đất nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn ngày càng lớn. *“Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế trong 5 năm... chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi số dân tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội, một phần tiêu dùng xã hội phải dựa vào nguồn vay và viện trợ, nền kinh tế chưa tạo được tích lũy. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu...”*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đảng CSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*. Nxb. Sự thật, Hà Nội 1982, tr.35.

Thành phố Thái Nguyên cũng nằm trong tình hình chung của đất nước; thị trường và vật giá không ổn định, số người lao động chưa có việc làm còn đông, đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn... Trong hoàn cảnh ấy, được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII (từ ngày 4 đến ngày 7/2/1980), với sự tham gia của 260 đại biểu thay mặt cho 15.000 đảng viên sinh hoạt ở 180 chi, đảng bộ cơ sở. Đồng chí Vũ Ngọc Linh - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái, đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần nghiêm túc, khách quan, Đại hội phân tích, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 2 năm 1978 - 1979. Phát biểu tại Đại hội, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy khẳng định: 2 năm (1978 - 1979), Đảng bộ thành phố đã biết vận dụng những quan điểm đúng đắn của Trung ương, định ra được những hình thức, phương pháp liên kết kinh tế, bước đầu đạt kết quả tốt. Về phương hướng phát triển kinh tế 2 năm 1980 - 1981 và các năm tiếp theo, đồng chí nhấn mạnh: Cần làm cho mọi hoạt động kinh tế - văn hóa trên địa bàn thành phố thành một cơ cấu hài hòa; phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong nhân dân, làm cho mọi người thấy rõ trách nhiệm xây dựng kinh tế địa phương.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 1978 - 1980), căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng và quán triệt ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị trong nhiệm kỳ 1980 - 1982.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VIII gồm 31 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết; bầu Đoàn đại biểu gồm 130

đồng chí chính thức, 4 đồng chí dự khuyết dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

Sau Đại hội, ngày 8/2/1980, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư và Phó Bí thư. Theo đó, Ban Thường vụ gồm 7 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Duy An được bầu giữ chức vụ Bí thư Thành ủy; các đồng chí: Nguyễn Quang Đạo, Hoàng Từ, Dương Kim Uyên được bầu giữ chức Phó Bí thư. Ngày 25/4/1980, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố họp phiên thứ hai, bầu Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 7 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Văn Lạc làm Trưởng ban.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, thành phố gặp muôn vàn khó khăn, phức tạp.

Năm trong hoàn cảnh chung của đất nước, thành phố Thái Nguyên vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chưa được bao lâu, nền kinh tế đang trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng, lại phải đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế bằng việc từng bước xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp chưa phát huy được tác dụng, lại nảy sinh nhiều vấn đề đòi hỏi phải giải quyết. Mặt khác, thành phố chưa có quy hoạch ổn định; việc phân cấp quản lý giữa tỉnh với thành phố và thành phố với các cơ sở cũng chưa được xác định rõ ràng. Các hiện tượng tiêu cực xã hội nảy sinh và phát triển, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đời sống của mọi tầng lớp nhân dân.

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Thành ủy tập trung lãnh đạo quân và dân thành phố quyết tâm khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội đã được Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII đề ra.

Đứng trước những khó khăn về vật tư, thiết bị phụ tùng thay thế, nguyên liệu, một số xí nghiệp công nghiệp trung ương và tỉnh nằm trên địa bàn đã kịp thời chuyển hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các chi, đảng bộ cơ sở tăng cường giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên và công nhân viên nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, giữ vững sản xuất; đồng thời vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, từng bước xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp, phân đầu làm ăn có lãi.

Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép Thái Nguyên⁽¹⁾, trong điều kiện khó khăn gay gắt, vẫn thực hiện được nhiều chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch, đồng thời sản xuất thêm một số mặt hàng tiêu dùng. Công ty Xây lắp I sau khi chuyển hướng hoạt động, ngoài nhiệm vụ xây lắp như trước, còn tổ chức một số xí nghiệp sản xuất, tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống, giữ vững đội ngũ công nhân.

Nhà máy Điện Thái Nguyên, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Xí nghiệp Cơ khí 3-2, Mỏ than Khánh Hòa... tích cực tháo gỡ khó khăn, vừa đảm bảo kế hoạch sản xuất chính, vừa làm thêm kế hoạch sản xuất phụ (B, C), góp phần cải thiện đời sống công nhân. Mỏ than Quang Vinh, tuy mới đi vào hoạt động, nhưng vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất và bước đầu có lãi.

Là một trong những thành phần kinh tế chủ yếu của thành phố, ngành Tiểu thủ công nghiệp gặp khó khăn lớn về vật tư, nguyên liệu. Trong 3 năm (1980 - 1982), giá trị hàng hóa vật tư cấp cho tiểu thủ công nghiệp chỉ đạt từ 30% đến 40% kế hoạch. Đặc biệt, từ giữa năm 1981, khi thực hiện quy định mới về chế độ cung cấp lương thực trong ngành Tiểu thủ công nghiệp, thì vấn đề cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp càng khó khăn hơn.

⁽¹⁾ Từ ngày 1/1/1980, Công ty Gang thép Thái Nguyên đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên. Theo sách: *Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên 50 năm xây dựng và phát triển (1959 - 2009)*, tr.252.

Trong điều kiện ấy, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp chủ động tìm kiếm khai thác nguồn nguyên liệu, sắp xếp lại lực lượng sản xuất cho phù hợp, thu xếp công ăn việc làm cho xã viên. Nhờ đó, hầu hết cơ sở vẫn giữ được nhịp độ sản xuất. Các cơ sở sản xuất mạnh mẽ, thâm canh, dẹt thâm xuất khẩu... từng bước đi vào thế ổn định và phát triển; mỗi năm xuất ra thị trường khoảng 100 tấn sản phẩm. Cơ sở sản xuất giấy từ chỗ chỉ sản xuất giấy làm bao bì, đã chủ động đầu tư thêm trang thiết bị mới để sản xuất giấy viết. Các cơ sở sản xuất hàng sắt tráng men của thành phố ngày càng nâng cao chất lượng, tăng số lượng lên trên 1 triệu sản phẩm mỗi năm. Một số cơ sở sản xuất mặt hàng mới, như mũ cứng, lốp xe đạp... cũng ra đời. Giá trị tổng sản phẩm tiểu thủ công nghiệp trong 3 năm (1980 - 1982) là 32.829.403 đồng, đạt 98,65% chỉ tiêu kế hoạch. Với kết quả trên, ngành Tiểu thủ công nghiệp thành phố đã tự bảo đảm đời sống cho cán bộ và xã viên, khắc phục được tình trạng Nhà nước phải bù lỗ thông qua chế độ cung cấp lương thực mỗi năm trên 6 triệu đồng như thời gian trước đó.

Sản xuất nông nghiệp thành phố trong những năm 1980 - 1982, ngoài khó khăn về vật tư, đặc biệt là phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ, sức kéo, còn gặp thêm khó khăn do thời tiết thất thường. Các cấp bộ đảng và chính quyền tăng cường đi sát cơ sở, lãnh đạo các hợp tác xã tận dụng mọi khả năng đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện, để vừa có khả năng tự cân đối lương thực trong khu vực nông nghiệp, vừa bảo đảm nhu cầu về thực phẩm cho khu công nghiệp và nhân dân thành phố.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW *Cải tiến công tác khoán, mở rộng “Khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong các hợp tác xã nông nghiệp*. Đảng bộ thành phố đã kịp thời tổ chức cho cán bộ, đảng viên,

nhân dân học tập và triển khai thực hiện Chỉ thị trong tất cả các hợp tác xã trên địa bàn.

Chỉ thị 100 thực sự đem lại luồng sinh khí mới trong lao động sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp. Từ phương thức làm ăn theo sự điều hành hằng ngày, hằng giờ của cán bộ trong các đội sản xuất, người xã viên từng bước thực hiện được quyền tự chủ trên đồng ruộng, chủ động đầu tư chăm sóc cây trồng, vật nuôi sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Chỉ thị 100 đã khai thác được mọi khả năng về vật tư, tiền vốn, sức lao động và sử dụng tốt các loại tư liệu sản xuất, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp của thành phố vào thời gian này phát triển khá toàn diện, nhất là về lương thực. Sản xuất lúa tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Diện tích trồng màu trong những năm 1980 - 1982 cũng phát triển tương đối khá. Năm 1980, toàn thành phố có 453 ha màu; đến năm 1982 đã tăng lên 784 ha, gấp 2 lần so với những năm 1978, 1979. Riêng diện tích trồng khoai lang từ 235 ha trong năm 1980, tăng lên 507 ha (năm 1982). Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực từ 4.878 tấn (năm 1980), tăng lên 6.591 tấn (năm 1982).

Việc thực hiện Chỉ thị 100 đã làm tăng thêm giá trị ngày công lao động của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1980, giá trị ngày công của xã viên hợp tác xã nông nghiệp thành phố đạt bình quân 0,5 kg thóc; đến năm 1983, sau 2 năm thực hiện Chỉ thị 100, giá trị ngày công bình quân tăng lên 1,1 kg thóc. Một số hợp tác xã có giá trị ngày công lao động khá cao, điển hình là Hợp tác xã Ninh Sơn (Lương Sơn) đạt 1,9 kg và Hợp tác xã Phú Xá đạt 1,7 kg (1983). Mức thu nhập bình quân về lương thực theo đầu người từ 8,5 kg thóc một tháng (năm 1980), tăng lên 18,86 kg (năm 1983); đời sống xã viên được cải thiện một bước.

Ngành Chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn, trong 3 năm (1980 - 1982) phát triển khá nhanh và trở thành phong trào rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Tổng đàn lợn của thành phố năm 1980 có 13.700 con; đến năm 1982, đã tăng lên 19.500 con. Đạt được kết quả này, trước hết là do sản xuất lương thực phát triển và việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, nhất là nguồn giống và phòng bệnh dịch cho gia súc ngày một rộng rãi. Bên cạnh đó, giá thu mua lợn thịt được Nhà nước điều chỉnh theo hướng có lợi cho người sản xuất, là một động lực khuyến khích việc chăn nuôi lợn phát triển trong các hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học và hộ gia đình. Đàn trâu, bò trong các hộ gia đình xã viên phát triển mạnh. Tuy nhiên, đàn trâu trong các hợp tác xã giảm sút vì không được đầu tư chăm sóc tốt, trâu lại phải làm việc quá sức, nên thường bị chết vào mùa rét.

Hoạt động của các ngành: Giao thông, Xây dựng, Quản lý nhà đất cũng có bước chuyển biến tích cực. Được giao quản lý Bến xe khách Thái Nguyên, các loại phương tiện vận tải thô sơ và đường giao thông nông thôn, phòng Giao thông thành phố đã đầu tư cải tạo mặt bằng, bến bãi, xây dựng nhà bán vé, nhà chờ của khách khang trang, sạch đẹp hơn. Tuy vậy, công tác quản lý, khai thác còn nhiều yếu kém. Các hiện tượng tiêu cực, cửa quyền, gây phiền hà cho khách còn xảy ra thường xuyên. Lực lượng vận tải thô sơ có chiều hướng giảm sút do giá rẻ và nguồn vận tải ít. Tiềm năng vận tải đường thủy chưa được khai thác. Hệ thống đường giao thông nông thôn hư hỏng nhiều, nhưng chưa được sửa chữa kịp thời. Các công trình công cộng, như công viên, vỉa hè đường phố chậm được xây dựng. Tình trạng lấn chiếm vỉa hè làm nơi bán hàng và phá hoại cây xanh trên các trục đường nội thị xảy ra phổ biến, chưa có biện pháp ngăn chặn.

Do đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, nguồn kinh phí hạn hẹp, nên trong 3 năm (1980 - 1982), Nhà nước không đầu tư xây dựng

các công trình kinh tế, giao thông, văn hóa, xã hội mới, mà chủ yếu dành cho các công trình đang xây dựng dở, nên tốc độ xây dựng đô thị của thành phố rất chậm. Trong thời gian này, ngoài Bến xe khách, thành phố mới hoàn thành việc xây dựng Xí nghiệp Gạch ngói, Công ty phục vụ công cộng và một số nhà làm việc của các cơ quan, đơn vị (đều thuộc loại công trình cấp 4). Các xã, phường xây dựng một số công trình nhỏ và trên 40 phòng học bằng nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân đóng góp.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà đất tuy cố gắng, nhưng gặp nhiều khó khăn. Do chưa có quy hoạch thống nhất và ổn định nên trong 2 năm (1980 - 1981), toàn thành phố chỉ cấp quyền sử dụng đất được cho 91 hộ làm nhà. Một số xã cấp đất làm nhà sai nguyên tắc, vượt quá thẩm quyền. Một số hộ gia đình, trong đó có cả hộ gia đình cán bộ và đảng viên làm nhà trái phép, gây khó khăn không nhỏ cho công tác quản lý của ngành Quản lý nhà đất thành phố.

Được giao khoán tự cân đối ngân sách, thành phố đã có nhiều biện pháp tích cực đảm bảo cân bằng thu - chi. Tuy nhiên, trong thời gian này, nguồn thu trên địa bàn thiếu hụt, nhất là nguồn thu từ thuế sát sinh và thuế kinh doanh. Năm 1981, thành phố có 2.178 hộ đăng ký kinh doanh, nhưng chỉ có 1.235 hộ đóng thuế. Vì vậy, tình trạng mất cân đối trong thu - chi tài chính hằng năm đều rất nghiêm trọng.

Tuy là một thị trường lớn nhất tỉnh, nhưng đời sống của gần 10 vạn dân trong thành phố và hàng ngàn lượt khách từ các nơi qua lại phần lớn phụ thuộc vào sự cung cấp của Nhà nước, cho nên vấn đề lưu thông, phân phối trở thành một yêu cầu cấp bách, một trách nhiệm rất nặng nề đối với các cấp bộ đảng và chính quyền thành phố.

Nhận rõ điều ấy, Đảng bộ thành phố lãnh đạo các công ty trực tiếp làm công tác lưu thông, phân phối đẩy mạnh giáo dục, động viên cán bộ, công nhân viên trong đơn vị nêu cao ý thức trách nhiệm, hoàn

thành tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành, đáp ứng cao nhất nhu cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho cán bộ và nhân dân.

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lưu thông, phân phối, thành phố thành lập hợp tác xã mua bán cấp thành phố làm nhiệm vụ vừa kinh doanh vừa hướng dẫn các hợp tác xã cấp phường xã hoạt động. Hầu hết các hợp tác xã tự huy động vốn của xã viên để mở rộng hoạt động kinh doanh. Một số hợp tác xã chủ động kí kết hợp đồng giữa các cơ sở với xã viên, vừa ổn định được nguồn cung, cầu, vừa giải quyết việc làm cho người lao động.

Vấn đề sắp xếp việc làm cho người lao động luôn luôn được Thành ủy quan tâm, coi đó là một trong những trọng tâm công tác hàng đầu của Đảng bộ. Trong 3 năm (1980 - 1982), thành phố đã bố trí được việc làm cho trên 4.700 lao động. Bình quân mỗi năm thành phố sắp xếp cho 1.580 người vào làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học, các hợp tác xã thủ công nghiệp, dịch vụ... Mặc dù vậy, số lao động dư thừa hằng năm vẫn rất lớn; bình quân mỗi năm thành phố có từ 2.500 đến 3.000 lao động chưa có việc làm. Đây chính là một tồn tại lớn, ngày càng trở nên bức xúc, cần được Đảng bộ tập trung lãnh đạo giải quyết mạnh hơn trong những năm sau.

Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, 3 năm (1980 - 1982), thành phố cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngành Văn hóa - Thông tin thành phố chủ động xây dựng kế hoạch, có nhiều hình thức tổ chức tuyên truyền kịp thời, đầy đủ mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước tới tất cả mọi người dân, góp phần động viên mọi tầng lớp nhân dân ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển khá mạnh, ngày càng mang tính chất quần chúng rộng rãi. Hầu hết các cơ quan, đơn vị bộ đội, xí nghiệp, trường học đều thành lập đội ca

khúc chính trị, vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, vừa góp phần tạo nên cuộc sống tinh thần vui tươi, lành mạnh. Thành phố đầu tư vốn tu sửa Rạp hát ngoài trời, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của 2 đội chiếu bóng lưu động. Nhà Văn hóa thiếu nhi thành phố được xây dựng và đưa vào hoạt động bước đầu có kết quả.

Quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhân tài cho đất nước, các cấp bộ đảng và chính quyền thành phố luôn chăm lo việc xây dựng cơ sở vật chất trong nhà trường. Nhiều đảng bộ phường và các cơ quan, xí nghiệp trích quỹ phúc lợi; vận động nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức đóng góp công, của xây dựng trường, lớp cho con em học tập. Trong số đó, tiêu biểu là các phường: Trưng Vương, Trưng Thành, Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép Thái Nguyên và Nhà máy Nước Thái Nguyên. Trong 3 năm (1980 - 1982), thành phố xây dựng được 40 phòng học mới, tu sửa hàng trăm phòng học cũ, mua sắm trên 4.000 bộ bàn ghế trang bị cho các trường học.

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, thành phố đã thu hút hầu hết con em cán bộ và nhân dân đến trường. Cả 3 ngành học: Mẫu giáo, Phổ thông và Bỏ túc văn hóa đều phát triển cân đối, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Năm học 1982 - 1983, toàn thành phố có trên 38.000 học sinh; trong đó có 2.440 học sinh mẫu giáo, 35.500 học sinh phổ thông và 845 học viên bỏ túc văn hóa.

Các lớp mẫu giáo ở các cơ quan, xí nghiệp, xã Túc Duyên và phường Trưng Vương có nhiều thành tích trong việc nuôi dạy các cháu tốt, tạo điều kiện cho các bà mẹ yên tâm công tác, sản xuất. Các trường Bỏ túc văn hóa vừa học, vừa làm ở Xí nghiệp Đá Núi Voi, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Mỏ than Khánh Hòa được mở rộng, thu hút đông đảo thanh, thiếu niên vào học. Tại các trường này, học sinh vừa được học văn hóa, vừa được hướng dẫn kỹ thuật và lao động.

Cùng với việc quan tâm xây dựng cơ sở vật chất trường học, Đảng bộ thành phố đặc biệt coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Phong trào cải tiến phương pháp giảng dạy thường xuyên được phát động và được đông đảo các thầy, cô giáo hưởng ứng. Cuộc vận động *Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo* được phát động, có tác dụng rất lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Nhiều điển hình tập thể tiên tiến xuất hiện, nổi bật là các Trường phổ thông cơ sở Độc Lập, Nha Trang, Đội Cấn, Phú Xá, Hương Sơn, Trưng Vương, Nguyễn Huệ.

Bên cạnh những thành tích đạt được, ngành Giáo dục thành phố cũng còn một số mặt yếu kém. Việc xây dựng cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Đời sống của giáo viên gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, ảnh hưởng xấu đến chất lượng dạy và học của các trường.

Ngành Y tế có nhiều cố gắng trong công tác chăm lo sức khỏe cho cán bộ và nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, được sự chỉ đạo trực tiếp của các cơ sở y tế, phong trào xây dựng 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) trong mỗi gia đình tiếp tục được duy trì và mở rộng. Việc tiêm chủng phòng bệnh được tiến hành thường xuyên. Nhờ đó, trong 3 năm (1980 - 1982), trên địa bàn thành phố không có bệnh dịch xảy ra.

Phong trào trồng và sử dụng thuốc nam được nhiều trạm Y tế phường, xã hưởng ứng, vừa khắc phục được một phần tình trạng thiếu thuốc tây, vừa góp phần chữa bệnh cho nhân dân đạt kết quả tốt.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng ngành Y tế thành phố còn có tình trạng quản lý và phân phối thuốc không tốt, dễ xảy ra hiện tượng tiêu cực khá nghiêm trọng. Tinh thần, thái độ phục vụ của một số y, bác sĩ

chưa cao, còn gây phiền hà cho người bệnh. Công tác vệ sinh ở những nơi công cộng chưa bảo đảm⁽¹⁾.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII đề ra, công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức có ý nghĩa quyết định.

Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và tình hình thực tế của thành phố, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ luôn bám sát vào nhiệm vụ chính trị. Thành ủy xác định quan điểm đúng đắn là lấy việc phân đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm cơ sở đánh giá công tác xây dựng Đảng; đồng thời đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng vững mạnh để thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị.

Mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đều được triển khai kịp thời, không chỉ trong Đảng bộ, mà cả trong quần chúng. Vì vậy, hầu hết các chủ trương, chính sách lớn, nhất là chính sách kinh tế được cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức tương đối đầy đủ, thực hiện có hiệu quả cao.

Công tác giáo dục lí luận chính trị cũng được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Trong 3 năm (1980 - 1982), Đảng bộ tổ chức cho trên 4.000 đảng viên học xong chương trình lí luận chính trị sơ cấp. Trường Đảng thành phố mở 14 lớp bồi dưỡng lí luận cho 1.672 học viên. Ngoài ra, nhiều cán bộ được cử đi học tại các trường Đảng của Trung ương và của tỉnh.

Nhiệm vụ củng cố và xây dựng các tổ chức đảng được tiến hành thường xuyên. Vào đầu nhiệm kỳ khóa VIII, Đảng bộ thành phố còn tới 16,5% chi, đảng bộ yếu kém, trong đó có 5,2% cơ sở yếu kém kéo dài. Đảng viên không đủ tư cách qua phân loại theo Chỉ thị 72 của

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thái Nguyên trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IX*- Bản đánh máy, tr.15.

Ban Bí thư Trung ương vẫn còn 20%. Một số cơ sở đảng còn có tình trạng mất đoàn kết nội bộ, phong trào chung chưa mạnh, các tổ chức quần chúng chưa được củng cố.

Trước tình hình trên, thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về việc phát *Thẻ Đảng* cho đảng viên và Nghị quyết số 25-NQ/TU, của Tỉnh ủy *Về việc tăng cường củng cố cơ sở đảng, làm tốt công tác phát Thẻ đảng viên*, Thành ủy xây dựng quyết tâm và triển khai kế hoạch thực hiện.

Hai năm triển khai thực hiện phát *Thẻ đảng viên* (1981 - 1982) cũng là 2 năm tình hình đất nước gặp khó khăn về nhiều mặt. Vật tư, nguyên liệu cho sản xuất thiếu và mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh đình đốn. Tình hình kinh tế, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Các mặt hàng thiết yếu (lương thực, thực phẩm...) cung cấp cho cán bộ và công nhân, viên chức thất thường; giá cả hàng hóa tăng vọt. Lòng tin của quần chúng với Đảng giảm sút.

Song, 2 năm đó cũng là thời gian thử thách sự vững vàng, tính kiên định và lòng trung thành của mỗi đảng viên đối với Đảng, đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh khó khăn, phức tạp, việc củng cố cơ sở đảng và phát *Thẻ đảng viên* sẽ có tác dụng quan trọng, giúp cho mỗi đảng viên và tổ chức cơ sở đảng nhận thức rõ vị trí, vai trò lãnh đạo của mình. Qua học tập, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trên mặt trận sản xuất, công tác và học tập được nâng lên. Đó là nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của thành phố.

Qua 2 năm thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại đảng viên ở 196 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ, 13.229 trong tổng số 14.161 đảng viên được công nhận đủ tư cách nhận *Thẻ đảng viên* (đạt 93,42%). Cũng trong cuộc vận động này, 729 đảng viên (5,14%) do thoái hóa biến chất, vi phạm khuyết điểm, hoặc trình độ giác ngộ

chính trị thấp, không hoàn thành nhiệm vụ, không phát huy tác dụng trước quần chúng, đã phải ra khỏi Đảng; (trong đó có 144 trường hợp bị khai trừ, 449 trường hợp được tổ chức đảng vận động và bản thân đảng viên tự nguyện viết đơn xin ra khỏi Đảng, 136 trường hợp bị xóa tên trong danh sách đảng viên).

Phát *Thẻ đảng viên* là một dịp giáo dục sâu sắc về phẩm chất, tư cách người đảng viên. Thông qua đó, cuộc đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng bộ thành phố được tiến hành một cách nghiêm túc và thẳng thắn. Đó cũng là dịp phát động quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách sâu rộng. Chính nhờ đó, tinh thần trách nhiệm, ý thức phấn đấu vươn lên, ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên rõ rệt. Sức chiến đấu của các tổ chức đảng được tăng cường. Vai trò lãnh đạo của các chi, đảng bộ tại các cơ quan, xí nghiệp, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh... được nâng cao. Cuối năm 1982, Đảng bộ thành phố có 32 cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh (19,3%); 115 cơ sở đảng đạt loại khá (69,8%); 16 cơ sở đảng yếu từng mặt (9.6%) và 2 cơ sở đảng yếu kém (1,2%).

Cùng với việc củng cố tổ chức cơ sở đảng, công tác phát triển Đảng cũng được chú trọng. Trong 3 năm (1980 - 1982), Đảng bộ đã giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp được 1.174 quần chúng ưu tú vào Đảng (trong đó, 873 đồng chí có trình độ văn hóa từ cấp III trở lên).

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phong trào thi đua trong đội ngũ công nhân, viên chức các cơ quan, xí nghiệp, trường học được đẩy mạnh; mọi người đều nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, xác định rõ vai trò, trách nhiệm, vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong lao động sản xuất, đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức thành phố đã có 1.188 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; 36 đề tài khoa học được ứng dụng vào sản xuất, làm lợi cho Nhà nước được trên 2.400 đồng (theo thời giá năm 1981 - 1982).

Hưởng ứng phong trào tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, trong 3 năm 1980 - 1982, đội ngũ công nhân, viên chức trực tiếp sản xuất 133,5 tấn lương thực, có 274 tấn thịt lợn, nuôi trên 100 con trâu, bò, hàng chục tấn cá và thu hoạch hàng ngàn tấn rau xanh. Nhờ đó, đời sống công nhân, viên chức được cải thiện. Từ phong trào thi đua lao động sản xuất, 989 đơn vị được công nhận Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa; trên 1.000 cá nhân đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*.

Trong 3 năm 1980 - 1982, Thành đoàn đã làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đa số đoàn viên, thanh niên hăng hái tham gia phong trào *Thi đua 3 xung kích làm chủ tập thể*⁽¹⁾. Từ trong phong trào, Đoàn đã giới thiệu 2.400 đoàn viên ưu tú theo học các lớp cảm tình Đảng, 891 đoàn viên ưu tú xuất sắc được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng được các cấp bộ đảng và đoàn quan tâm. Trong 3 năm, 237 cán bộ Đoàn phụ trách công tác Đội được học tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức. Nhà Văn hóa thiếu nhi thành phố thường xuyên thu hút các cháu theo học, tham gia thi đấu, đoạt giải của tỉnh và toàn quốc.

Hưởng ứng phong trào *Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tổ chức và động viên hội viên phát huy vai trò to lớn trong mọi hoạt động. Trong các cơ quan Nhà nước, nhất là trong các ngành: Y tế, Giáo dục, Thương nghiệp..., phụ nữ chiếm một tỉ lệ khá lớn. Ngoài nhiệm vụ sản xuất, công tác, chị em còn gánh vác những trọng trách đối với gia đình và xã hội. Được sự giáo dục, động viên của Thành hội, chị em tích cực hưởng ứng các phong trào *Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, Kế hoạch hóa gia*

⁽¹⁾ Ba xung kích là: Xung kích trên mặt trận sản xuất; Xung kích học tập, nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Xung kích thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

đình, Nuôi con khỏe, dạy con ngoan..., góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội của thành phố.

Trải qua 3 năm phấn đấu, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn gay gắt, thu được những kết quả quan trọng trong các mục tiêu kinh tế, văn hóa, giáo dục... do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII đề ra. Những thành tựu đạt được trong 3 năm đầu thập kỉ 80 đã tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên tiếp tục vững bước đi lên.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, từ ngày 4 đến ngày 7/1/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ IX được tổ chức. Tham dự Đại hội, có 288 đại biểu thay mặt cho 12.876 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Trên cơ sở nhận định tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII đề ra, xuất phát từ đặc điểm tình hình của thành phố và yêu cầu phát triển kinh tế trong những năm trước mắt, Đại hội nhất trí thông qua Nghị quyết chỉ rõ: *“Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp theo yêu cầu, nhiệm vụ, kế hoạch Nhà nước giao cho. Đồng thời hướng dẫn kinh tế gia đình phát triển đúng hướng; cải tiến công tác phân phối lưu thông, tổ chức sắp xếp thị trường trên địa bàn thành phố. Phấn đấu trong 2 năm tới, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân”*⁽¹⁾. Đối với sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, Đại hội chủ trương *“củng cố quan hệ sản xuất, sắp xếp lại cơ sở sản xuất. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là hàng tiêu dùng sản xuất từ nguyên liệu địa phương, như vật liệu xây dựng, đồ gia dụng, chế biến lương thực, thực phẩm phục vụ cho bữa ăn hằng ngày của nhân dân”*⁽²⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX (nhiệm kỳ 1983 - 1986), gồm 33 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ, Bí

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX - Cặp hồ sơ 139, lưu trữ Văn phòng Thành ủy.

⁽²⁾ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX ... Tlđđ.

thư, Phó Bí thư và Ban Kiểm tra Thành ủy. Ban Thường vụ Thành ủy gồm 11 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Duy An được bầu giữ chức vụ Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Quang Đạo, Vũ Đức Thịnh được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy. Ban Kiểm tra Thành ủy gồm 8 ủy viên, do đồng chí Dương Văn Bầy làm Trưởng ban.

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, thành phố đứng trước nhiều khó khăn gay gắt. Nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị... thiếu thốn; các cơ sở sản xuất chỉ được cấp không quá 40% nhu cầu về nguyên liệu. Nhiều cơ sở sản xuất chỉ sử dụng được từ 1/3 đến 2/3 công suất máy móc và lực lượng lao động. Các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cung cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân thường xuyên thiếu và không kịp thời. Đời sống nhân dân nói chung hết sức khó khăn, thiếu thốn.

Trước tình hình trên, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, lãnh đạo ngành Công nghiệp và Thủ công nghiệp thành phố đã phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động liên kết với các huyện, các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Nhờ đó, sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp của thành phố tiếp tục phát triển. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1984 đạt 60,7 triệu đồng (bằng 100% chỉ tiêu kế hoạch). Ngoài ra, thành phố còn sản xuất hơn 10 triệu viên gạch, 8.000 tấn vôi, đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của nhân dân.

Từ những kết quả đã đạt được trong năm 1984, thực hiện chủ trương đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và nâng cao chất lượng sản phẩm, năm 1985, ngành Công nghiệp và Thủ công nghiệp thành phố có những bước tiến mới. Theo hướng liên kết, trao đổi kỹ thuật, Nhà máy Cơ khí 3-2 sản xuất thành công xe lam BTZ, tận dụng thép phế

kéo thành thép nhỏ phục vụ sản xuất, xây dựng... Các xí nghiệp công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn thành phố ngày càng liên kết, gắn bó, tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp địa phương phát triển. Tỷ suất hàng hóa của các xí nghiệp trung ương dành cho địa phương ngày càng tăng.

Tháng 6/1985, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) bàn về giá - lương - tiền, đã đưa ra quyết định phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sau Hội nghị, Nhà nước ta tiến hành đợt điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ hai. Nội dung chủ yếu của đợt điều chỉnh bao gồm: Thực hiện kinh doanh một giá, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, đối tượng chính sách để bảo hiểm khi giá lương thực có đột biến.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, ngành Tiểu thủ công nghiệp thành phố triển khai thực hiện cơ chế sản xuất hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sau một thời gian thực hiện, tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn do giá vật tư tăng nhanh, sản phẩm tiêu thụ chậm. Mặc dù vậy, đại bộ phận các hợp tác xã thủ công nghiệp vẫn tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo trong sản xuất; mở rộng hoạt động liên kết và liên doanh theo chiều sâu với các cơ sở sản xuất của Trung ương, nhà máy quốc phòng; tích cực tìm kiếm nguyên, vật liệu, thay đổi mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm và cho ra nhiều sản phẩm mới. Nhịp độ sản xuất trong các hợp tác xã: Cộng Lực, Thủy tinh Dân Chủ, Cơ khí Hồng Hà, Cót Thái Hà, Gõ 1-5... vẫn được giữ vững và phát triển. Các sản phẩm giày da, thủy tinh cao cấp, cót ép có chất lượng tốt, được thị trường tín nhiệm.

Thành phố chú trọng khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp ở địa bàn phường và hộ gia đình, vừa nhằm mở rộng sản xuất, vừa giải quyết việc làm cho người lao động. Từ kinh nghiệm phát triển tiểu thủ công nghiệp ở phường Tân Long, hầu hết các phường trong thành phố đều tập trung làm kinh tế, mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy các phường chỉ đạo phát triển thủ công nghiệp với nhiều hình thức phong phú và quy mô khác nhau. Các sản phẩm: Gạch men, sứ tráng men, lốp xe đạp, xà phòng... ngày càng đa dạng và phong phú. Đến năm 1985, trên địa bàn thành phố, 10 trong tổng số 13 phường đã có cơ sở sản xuất quốc doanh và hơn 200 tổ hợp lao động, gần 1.000 gia đình sản xuất tại nhà, giao nộp sản phẩm cho phường.

Thực tiễn sản xuất những năm 1984 - 1985 đã khẳng định: Với tiềm năng lao động sẵn có cùng với nguồn vật tư tận dụng từ phế liệu, phế phẩm của các nhà máy, xí nghiệp, khi được tổ chức khai thác tốt, sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoàn toàn có khả năng đem lại những hiệu quả kinh tế cao. Việc tổ chức khai thác, thu nhặt than, sản xuất bìa các tông, bảng học sinh bằng bột giấy phế phẩm ở phường Quán Triều..., là một bài học về tính chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế.

Cũng bằng hình thức liên kết kinh tế, sau khi được tỉnh phân cấp quản lý, thành phố đã mạnh dạn đầu tư xây dựng Xí nghiệp Dệt 27-7, Xí nghiệp Nhựa và giả da 26-3. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về trang thiết bị, kỹ thuật, thợ dệt..., nhưng với tinh thần cố gắng, chỉ sau 5 tháng đi vào hoạt động (từ tháng 7 đến tháng 12/1985), Xí nghiệp Dệt đã sản xuất được hơn 200.000 mét vải xô, đạt giá trị sản lượng 190.000 đồng. Xí nghiệp Nhựa và giả da, sau 3 tháng sản xuất thử thành công, đạt chất lượng tốt, đã đi vào sản xuất đại trà.

Giá trị tổng sản lượng toàn ngành Công nghiệp - Thủ công nghiệp từ năm 1983 đến năm 1985 tăng nhanh; trong đó sứ tráng men

tăng 157%, thủy tinh tăng 107,3%. Các mặt hàng kim khí đúc, tôn sắt, đinh... đều tăng cao, vật liệu xây dựng (gạch, vôi, cát, sỏi) tăng vượt mức chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra. Đáng chú ý là sản xuất thủ công nghiệp ở phường, xã được đẩy mạnh, đưa tỉ trọng hàng hóa từ 35% tăng lên 50% trong tổng giá trị công nghiệp thành phố. Đến năm 1985, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được tổ chức tương đối đồng bộ, liên hoàn giữa các thành phần kinh tế cá nhân, tập thể và quốc doanh.

Thực hiện đường lối phát triển kinh tế của Đảng, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, Thành ủy lãnh đạo các xã, phường tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tính đến năm 1985, toàn thành phố có 7.957 lao động nông nghiệp được tổ chức trong 16 hợp tác xã, với 2.262 ha đất canh tác. Để không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực, chủ yếu là lúa, Thành ủy chú trọng chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp tăng cường phổ biến để nhân dân có điều kiện tiếp thu, đưa những tiến bộ mới của khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, trọng tâm là 4 khâu: Thủy lợi, giống, phân bón và thuốc trừ sâu.

Được đầu tư khoa học kỹ thuật, lại có sự thông thoáng trong cơ chế quản lý, được tự chủ trên đồng ruộng, xã viên trong các hợp tác xã phấn khởi thi đua sản xuất, đẩy mạnh đầu tư chăm sóc lúa và hoa màu, thâm canh tăng vụ, xen canh, gối vụ... Nhờ đó, mặc dù gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến thất thường, sản xuất nông nghiệp của thành phố vẫn đạt kết quả cao. Tổng diện tích lúa từ 2.556 ha năm 1983, tăng lên hơn 4.800 ha trong năm 1985 (tính cả 7 xã của huyện Đồng Hỷ mới nhập về thành phố). Sản lượng thóc từ 6.259 tấn (năm 1983), tăng lên 10.632 tấn (năm 1985) và đến năm 1986, đạt 13.136

tấn⁽¹⁾. Các hợp tác xã: Tân Long, Quán Triều, Đại Đồng, Quang Vinh đạt năng suất bình quân từ 60 đến 70 tạ/ha.

Sản lượng lương thực thành phố năm 1985 đạt 13.834 tấn, riêng thóc vượt 150 tấn so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra. Trong năm 1985, bình quân lương thực theo đầu người đạt 341 kg (chỉ tiêu là 350 kg). Về cơ bản, khu vực nông thôn đã giải quyết đủ nhu cầu lương thực và bước đầu có tích lũy.

Đối với sản xuất rau xanh, tuy diện tích gieo trồng tăng hơn so với trước, tiến bộ khoa học kỹ thuật được chú trọng đầu tư ứng dụng và đã thành công trong việc tạo giống bắp cải chịu nhiệt đạt hiệu quả kinh tế cao, nhưng năng suất và sản lượng chưa đạt chỉ tiêu. Đặc biệt, từ khi thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng và xóa bỏ bao cấp, việc sản xuất và tiêu thụ rau trong thành phố bị thả nổi.

Sản xuất màu (ngô, khoai, sắn) không ổn định. Diện tích, năng suất và sản lượng tăng, giảm thất thường. Riêng diện tích trồng lạc tăng bình quân trong 3 năm (1983 - 1985) là 110% so với chỉ tiêu; sản lượng tăng 3,3 tấn so với năm 1982.

Sau khi sáp nhập thêm 7 xã của huyện Đồng Hỷ⁽²⁾, diện tích chè của thành phố tăng lên 115,1 ha; đến năm 1986, đạt 125 ha. Do tiêu thụ sản phẩm khó khăn vì công tác quản lý và thu mua chè của Nhà nước không hợp lý (Nhà nước chỉ thu mua được từ 10% đến 15% sản lượng, nhưng lại quản lý thị trường tự do, gây khó khăn cho nhân dân trong việc tiêu thụ từ 85% đến 90% lượng chè còn lại), nên người sản xuất chè không phấn khởi đầu tư chăm sóc, năng suất thấp, chỉ đạt 4,14 tạ/ha; sản lượng chè búp khô năm 1985 chỉ đạt 47,7 tấn.

(1) Theo Cục Thống kê Bắc Thái: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái (1986 - 1990)*, tr.39.

(2) Gồm: Tân Cương, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tích Lương, Phúc Hà.

Trong những năm 1983 - 1986, thành phố thực sự coi trọng đầu tư khoa học kỹ thuật cho ngành Chăn nuôi. Hai trại dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi và giống ra đời đã nhanh chóng phát huy tác dụng trực tiếp đối với sản xuất ở cơ sở. Đàn lợn của thành phố liên tục tăng, từ 19.900 con (năm 1982), lên 26.245 con (năm 1983), 31.700 con (năm 1985, trong đó có 2.000 lợn nái và 29.700 lợn thịt) và đến năm 1986, có 32.400 con. Trên 40% đàn lợn đã được tiêm phòng, nên không có dịch bệnh lớn xảy ra. Điều đáng chú ý là, đến giai đoạn này, 100% số lợn được nuôi trong các hộ gia đình. Các trại chăn nuôi tập thể, sau nhiều năm thua lỗ do quản lý, chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh kém, đã được giải thể.

Đàn trâu, bò tăng chậm, từ 2.457 con (năm 1983) lên 2.468 con (năm 1984). Do số trâu, bò ở 7 xã của huyện Đồng Hỷ mới chuyển về, nên năm 1985 đàn trâu, bò của thành phố có 7.729 con; đến năm 1986, tăng lên 7.999 con⁽¹⁾.

Sản xuất phát triển, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng được bảo đảm. Năm 1983, thành phố nộp kho Nhà nước được 1.304 tấn thóc, vượt kế hoạch 32%. Riêng vụ mùa năm 1984, thành phố huy động được 580,5 tấn, vượt 16% kế hoạch; vụ hạ năm 1985 nhập kho 796,5 tấn, vượt 13% kế hoạch và gấp 1,6 lần so với năm 1980. Hai xã Túc Duyên và Quang Vinh hoàn thành tổng mức huy động lương thực cả năm sớm nhất thành phố.

Nhờ có cơ chế mới, khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, phong trào hợp tác xã được củng cố. Trước ngày thực hiện Chỉ thị 100, một số hợp tác xã quy mô toàn xã, tuy đội ngũ cán bộ hăng hái, nhiệt tình lăn lộn với phong trào, nhưng do trình độ hạn chế, không đủ khả năng điều hành quản lý, nên những hợp tác xã này thường làm ăn thua lỗ. Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100, cùng với

⁽¹⁾ Cục Thống kê Bắc Thái: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái...* Tlđđ, tr.74, 76.

việc điều chỉnh công tác quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm tới nhóm và người lao động, Đảng bộ chỉ đạo các xã điều chỉnh, sắp xếp lại 3 hợp tác xã toàn xã (Quang Vinh, Túc Duyên, Cam Giá), thành 6 hợp tác xã nhỏ, thuận lợi cho công tác quản lý điều hành sản xuất. Thực hiện Chỉ thị 100, đời sống của xã viên được cải thiện rõ rệt. Đó chính là động lực thu hút 129 hộ ở 2 xã Quang Vinh và Lương Sơn trở lại làm ăn tập thể. Đến năm 1984, sau khi bàn giao 2 hợp tác xã của thị trấn Trại Cau về huyện Đồng Hỷ, toàn thành phố còn 19 hợp tác xã, trong đó có 14 hợp tác xã chuyên canh lúa, 2 hợp tác xã xen canh rau - lúa, 3 hợp tác xã chuyên canh rau, với tổng số 109 đội sản xuất...

Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần đưa sản xuất nông nghiệp phát triển là do thành phố đã chỉ đạo tốt việc phát triển kinh tế phụ gia đình theo mô hình kinh tế Vườn - Ao - Chuồng (VAC).

Trước năm 1982, các cấp lãnh đạo và đa số quần chúng đều cho rằng, kinh tế phụ gia đình không phải là yếu tố quyết định đời sống của từng gia đình, mà chính là nguồn bao cấp của Nhà nước. Không ít cán bộ, đảng viên còn coi kinh tế phụ gia đình là một trong những yếu tố cản trở sự phát triển của kinh tế tập thể, nên kinh tế phụ gia đình chỉ mang tính tự phát trong nhân dân, chưa có sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền.

Từ năm 1982, dưới tác động của cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, kinh tế phụ gia đình được coi là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì vậy, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố đã có nhiều nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình, coi đó là nhiệm vụ, là yêu cầu cấp bách, có tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, Thành ủy và Ủy ban Nhân dân thành phố có nhiều biện pháp chỉ đạo thiết thực. Quán triệt nghị quyết của Thành ủy, đảng ủy và ủy ban nhân dân các

phường, xã đều có nghị quyết về phát triển kinh tế hộ gia đình, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền ở cơ sở. Các xã, phường đề ra chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho các hộ gia đình trên địa bàn mình quản lý. Đến năm 1985, phong trào làm kinh tế vườn đã phát triển rộng khắp.

Từ vườn, ao đến phong trào chăn nuôi đã tạo thành mô hình kinh tế khép kín (kinh tế VAC) hỗ trợ, bổ sung cho nhau cùng phát triển. Nhờ thực hiện mô hình này, tổng đàn lợn của thành phố tăng gần 3 lần, từ 13.600 con năm 1980, lên 32.400 con năm 1986. Phường Tân Thành là đơn vị dẫn đầu thành phố về việc thực hiện mô hình kinh tế VAC (riêng kết quả 2 năm (1983 - 1984) làm kinh tế VAC của 159 hộ gia đình đảng viên trong Đảng bộ, phường đã đạt 42,5 tấn lương thực, 4,3 tấn thịt gia cầm, 28,6 tấn thịt lợn, 57 tấn rau xanh). Hàng trăm gia đình trong phường từ chỗ túng thiếu triền miên, đã vươn lên mức đủ ăn; 64% tổng số hộ trong phường đã xây dựng được nhà ở cấp 4 rộng rãi, khang trang, mua sắm được nhiều vật dụng gia đình có giá trị.

Trong khi sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, thì công tác phân phối lưu thông vẫn là “*mặt trận nóng bỏng*”, gặp nhiều khó khăn gay gắt do các mặt hàng cung cấp không đủ để phân phối cho người tiêu dùng theo định lượng. Hầu hết các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm và kém chất lượng. Tình trạng hàng đoàn người xếp hàng dài trước các cửa hàng lương thực, thực phẩm để mua gạo, thịt, mắm, muối... diễn ra thường ngày.

Trước thực trạng đó, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1984, công tác lưu thông phân phối bắt đầu có sự điều chỉnh về tổ chức quản lý. Theo sự phân cấp của tỉnh, ngành Thương nghiệp thành phố thực sự bắt tay vào việc tổ chức kinh doanh phục vụ. Các công ty đều tích cực chủ động nắm nguồn hàng, thu mua, phân phối kịp

thời phục vụ sản xuất và đời sống. Nhờ đó, hầu hết các công ty đã kinh doanh có hiệu quả.

Công ty Nông sản thực phẩm mặc dù có nhiều khó khăn, đối tượng phục vụ lên tới 68.000 người, nhưng cán bộ và công nhân viên đã nêu cao tinh thần chủ động, tích cực khai thác nhiều nguồn hàng thanh toán tem phiếu cho nhân dân được kịp thời và đảm bảo chất lượng. Công ty dịch vụ phát triển nhanh chóng xác định lại phương hướng, nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh có lãi. Hệ thống hợp tác xã mua bán từ thành phố đến các phường, xã không ngừng được củng cố, hoạt động tích cực, thường xuyên vượt kế hoạch, điển hình là các phường Hoàng Văn Thụ, Trưng Vương, Quán Triều, Tân Long.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở các phường, xã đóng vai trò quan trọng trong công tác lãnh đạo, quản lý, bảo đảm phân phối kịp thời những nhu cầu thiết yếu cho nhân dân. Các hợp tác xã vừa bảo đảm thu mua hết các mặt hàng do nhân dân trong phường làm ra, vừa làm đại lý cho thương nghiệp của thành phố và tỉnh, mở rộng bán hàng kí gửi của nhân dân. Một số phường còn mở rộng khai thác hàng hoá từ tỉnh ngoài về phục vụ nhu cầu trên địa bàn.

Từ kết quả năm 1984, công tác lưu thông phân phối năm 1985 tiếp tục xác định hướng đi đúng, hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn và từng bước chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Công tác thu mua năm nguồn hàng phục vụ sản xuất và đời sống đạt kết quả khá hơn các năm trước. Năm 1985, thành phố đã cung ứng cho sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp trên 3 triệu đồng để mua sắm vật tư, nhiên liệu, phân bón. Tổng giá trị hàng thu mua đạt 235.327.000 đồng (vượt 4% chỉ tiêu kế hoạch); trong đó các ngành Nội thương đạt 122.200.000 đồng; Ngoại thương đạt trên 17.500.000 đồng, Vật tư đạt 5.000.000 đồng và Lương thực đạt 90.500.000 đồng. Hầu hết các công ty đều đạt và vượt kế hoạch doanh

số mua bán. Hợp tác xã mua bán thành phố doanh số mua đạt 188,5%; nhưng một số mặt hàng chủ yếu mua ở khu vực thành phố đạt ở mức thấp (thịt lợn 68,5%, rau xanh 42%). Nguồn hàng do Công ty cấp I, cấp II điều về theo kế hoạch chỉ đạt 85% tỉ trọng trong tổng quỹ hàng hóa đưa vào bán lẻ. Mặt hàng muối ăn đạt 1.640 tấn/2.550 tấn kế hoạch, xà phòng giặt đạt 285 tấn/300 tấn kế hoạch...

Sau khi đổi tiền, thực hiện giá mới, giá cả các mặt hàng ở các địa phương tương đối ngang bằng, cước vận chuyển tăng lên, việc liên kết khai thác nguồn hàng có nhiều khó khăn, doanh số mua, bán giảm xuống.

Để khắc phục tình trạng trên, các công ty của thành phố nhận thẳng hàng hóa từ Công ty cấp I, bỏ qua khâu trung gian cấp II. Mặt khác, nhằm bổ sung nguồn hàng, các công ty và hệ thống hợp tác xã mua bán tiếp tục đẩy mạnh liên kết, liên doanh với các tỉnh bạn, khai thác hàng hóa, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương.

Việc tổ chức bán hàng, làm chủ thị trường cũng có nhiều tiến bộ. Tổng giá trị hàng bán ra đạt 187.600.000 đồng (vượt 6% chỉ tiêu kế hoạch).

Sau ngày 15/8/1985, về cơ bản, ngành Thương nghiệp dịch vụ đã thanh toán xong hàng hóa cho các đối tượng hưởng tem phiếu theo quy định. Các công ty chuyển hẳn hoạt động sang phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Để kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất tiêu dùng của nhân dân, các công ty mở thêm hệ thống bán hàng, bằng việc thành lập thêm cửa hàng khu vực, mở thêm 62 điểm bán lẻ, đưa một số quầy bán hàng vào chợ. Hợp tác xã mua bán của các phường, xã tiếp tục được củng cố, vươn lên làm nhiệm vụ ủy thác bán hàng cho các đại lí. Nhìn chung, từ các công ty, cửa hàng mậu dịch quốc doanh đến các hợp tác xã mua bán đã từng bước vươn lên làm chủ thị trường. Các mặt hàng thịt lợn, nước mắm, đường, đồ dùng gia

đình, phụ tùng xe đạp của các cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 60% tỉ trọng hàng hóa lưu thông phân phối.

Công tác quản lí thị trường ngày càng được chú trọng. Cùng với việc tăng cường quản lí thị trường từ cơ sở, mở rộng hệ thống bán lẻ của các cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, công tác kiểm tra, xử lí bằng biện pháp hành chính các trường hợp buôn lậu, đầu cơ, tăng giá kiếm lời... được đẩy mạnh. Năm 1985, thành phố đã xử lí trên 6.200 vụ kinh doanh trái phép, thu và phạt tiền, nộp cho ngân sách gần 340.000 đồng.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhằm tăng nguồn thu, giảm chi ngân sách, nhưng kết quả vẫn đạt thấp. Trong 2 năm (1984 - 1985), thu ngân sách của thành phố đều không đủ chi, số cơ sở kinh doanh có lãi chưa nhiều; số xã, phường làm kinh tế có nguồn thu lớn còn ít. Nguồn thu từ thuế công thương nghiệp và nông nghiệp chưa đủ chi cho sự nghiệp giáo dục, y tế, xã hội trên địa bàn. Năm 1985, tổng thu của thành phố 8.206.000 đồng, tổng chi lên tới 9.782.000 đồng, tỉnh phải cấp thêm cho thành phố 4.400.000 đồng để chi bù giá vào lương và trả lương cho cán bộ, công nhân viên chức.

Năm 1985, thành phố bắt đầu thực hiện xóa bỏ chế độ hành chính bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh. Trong điều kiện đổi mới về cơ chế quản lí, chính sách kinh tế, công tác phân phối lưu thông hàng hóa, tài chính tiền tệ gặp nhiều khó khăn, nhưng lại chưa nhận thức đúng, nên chưa chú ý đúng mức đến thị trường tự do, chưa tạo điều kiện, thậm chí gây khó khăn cho lĩnh vực kinh doanh này. Tuy là một thị trường tiêu thụ lớn, nhưng thành phố Thái Nguyên lại mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu. Tình hình này đặt ra cho thành phố yêu cầu lớn là phải chuyển đổi mạnh hơn về cơ chế, chính sách để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Tháng 4/1985, thành phố được điều chỉnh, mở rộng địa giới. Xã Đồng Bầm, phường Chiến Thắng và thị trấn Núi Voi thuộc thành phố Thái Nguyên được cắt chuyển về huyện Đồng Hỷ; 7 xã: Thịnh Đức, Phúc Triu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đán, Tích Lương, Phúc Hà thuộc huyện Đồng Hỷ chuyển về thành phố. Trong những năm 1983 - 1985, thành phố đã xây dựng được quy hoạch tổng thể về công tác quản lý, xây dựng đô thị; hoàn thành việc di chuyển dân, giải phóng mặt bằng đường Đội Cấn, khu chợ Đồng Quang; quy hoạch một số khu dân cư; cấp đất và hướng dẫn làm nhà theo quy hoạch cho trên 1.000 hộ dân. Một số đường phố được cải tạo; các công trình dịch vụ phúc lợi và các trạm, trại phục vụ sản xuất nông nghiệp... được đầu tư xây dựng.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển. Mô hình trường vừa học, vừa làm trong các đơn vị sản xuất công nghiệp được mở rộng. Cơ sở vật chất của các trường học được nâng cấp từng bước; tỉ lệ kiên cố hóa, ngói hóa trường học ngày càng tăng lên. Phong trào thi đua *Hai tốt* tiếp tục được duy trì trong các trường học. Số học sinh đến trường mỗi năm một tăng⁽¹⁾. Phong trào bổ túc văn hóa cũng có nhiều tiến bộ. Số học viên bổ túc văn hóa năm 1985 tăng 3 lần so với năm 1983. Năm 1985, thành phố được công nhận là đơn vị hoàn thành phổ cập cấp I bổ túc văn hóa cho nhân dân trên địa bàn.

Tuy nhiên, thời gian này ngành Giáo dục thành phố vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Công tác quản lý cơ sở vật chất chưa tốt; tốc độ xây dựng trường, lớp chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh, nhiều trường còn phải học 3 ca...

(1) Số học sinh trong các năm 1983 - 1985 như sau:

Năm	1983	1984	1985
Tổng số học sinh phổ thông	37.400	40.262	41.408
Tổng số học sinh mẫu giáo	2.090	4.245	4.500

Ngành Y tế thành phố đã triển khai và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao. Ngoài việc khám, chữa bệnh đạt hiệu quả tốt, ngành Y tế thành phố còn phục vụ tốt các đợt khám tuyển quân, tuyển sinh, tuyển lao động và các nhiệm vụ đột xuất khác. Công tác vệ sinh, phòng dịch được duy trì, kịp thời phát hiện và dập tắt các ổ dịch bệnh. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình thực hiện có hiệu quả tốt, tốc độ tăng dân số của thành phố năm 1985 là 1,7%. Tuy nhiên, mạng lưới y tế cơ sở của thành phố còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật; nguồn thuốc Tây khan hiếm; chữa bệnh theo phương pháp y học cổ truyền chưa phát triển mạnh, việc sản xuất và sử dụng thuốc Nam để chữa bệnh chưa phổ biến rộng rãi.

Ngành Văn hóa - Thông tin có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Nhân các ngày lễ lớn hoặc các sự kiện chính trị quan trọng, thành phố tổ chức rầm rộ các đợt tuyên truyền, cổ động. Các hình thức nói chuyện thời sự, phát thanh, chiếu bóng... được duy trì thường xuyên, kịp thời phổ biến tình hình, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân. Mặc dù có những bước tiến mới, hoạt động văn hóa - thông tin của thành phố trong thời gian này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ở một số xã phía Tây còn thấp; những tập quán lạc hậu, lối sống thiếu văn hóa, không bảo đảm vệ sinh chậm được khắc phục.

Thành phố Thái Nguyên là một trọng điểm về quốc phòng, an ninh của tỉnh Bắc Thái, là cửa ngõ phòng thủ quan trọng của Thủ đô Hà Nội. Nhận thức rõ điều ấy, Đảng bộ và nhân dân thành phố thường xuyên nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, luôn gắn việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

Thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy, Công an thành phố từng bước xây dựng đội ngũ trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò nòng cốt trên mặt trận giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, mặc

dù kẻ địch thường xuyên đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt trên địa bàn, nhưng tình hình an ninh chính trị trong khu vực thành phố luôn ổn định. Các cuộc vận động *Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân và làm giàu, đánh thắng* được Thành ủy lãnh đạo triển khai rộng khắp trên địa bàn, trong mọi tầng lớp nhân dân. Việc kết hợp huấn luyện, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương với xây dựng tuyến phòng thủ và các công trình thủy lợi, giao thông dân sinh đạt kết quả tốt.

Với lực lượng chiếm 18,34% dân số (năm 1985), được huấn luyện và trang bị tốt, lực lượng vũ trang thành phố đủ sức đảm nhận những nhiệm vụ nặng nề trong tình hình mới.

Do làm tốt công tác hậu phương quân đội, thăm hỏi và giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình quân nhân tại ngũ, giải quyết việc làm kịp thời cho quân nhân phục viên, xuất ngũ, nên thành phố luôn luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân. Liên tục trong 6 năm (1980 - 1985), thành phố động viên được 4.765 thanh niên ưu tú là con em nhân dân các dân tộc trên địa bàn vào bộ đội, cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh những thành tích đạt được, thành phố chưa xây dựng được phong trào quần chúng bảo vệ trật tự, an toàn xã hội một cách sâu rộng. Các hiện tượng tiêu cực xã hội xảy ra thường xuyên. Việc chấp hành pháp luật Nhà nước chưa nghiêm. Tệ tham ô, móc ngoặc, trộm cắp, cờ bạc, phạm pháp hình sự chưa giảm. Việc lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục, cải tạo, xử lý các tiêu cực xã hội chưa kịp thời và kiên quyết. Những tồn tại đó cùng với những mặt yếu kém trên lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa đặt ra yêu cầu cho Đảng bộ, trước hết là Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Đề đạt được yêu cầu trên, điều quan trọng trước tiên là tạo ra được sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động của các cấp bộ đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng.

Chăm lo công tác xây dựng Đảng, nắm vững nội dung cuộc vận động xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ thành phố đặc biệt quan tâm đến nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Những chủ trương, chỉ thị, nghị quyết mới của Đảng đều được Thành ủy triển khai kịp thời. Thông qua công tác giáo dục, cán bộ, đảng viên đã nâng cao thêm được một bước nhận thức về chính trị, tư tưởng, củng cố thêm niềm tin vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trước những khó khăn, thử thách mới.

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng, nhiều cơ sở yếu kém trong Đảng bộ được củng cố. Năm 1984, Thành ủy mở 3 hội nghị trao đổi kinh nghiệm củng cố cơ sở đảng yếu kém và hướng dẫn việc tổ chức đại hội cấp cơ sở. Qua củng cố, các Đảng bộ Xí nghiệp Gỗ Tháng Tám, Xí nghiệp May, Xí nghiệp Bánh kẹo, Công ty Vật tư tổng hợp... có nhiều chuyển biến tích cực.

Công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng thường xuyên được Đảng bộ quan tâm. Liên tục trong 2 năm (1984 - 1985), Thành ủy mở 9 lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng cho 723 đối tượng Đảng, kết nạp 284 đảng viên, phát Thẻ Đảng cho 750 đảng viên.

Thực hiện phương châm lãnh đạo có kiểm tra, Đảng bộ tăng cường kiểm tra kịp thời phát hiện, uốn nắn những lệch lạc, ngăn chặn và xử lý những hành động vi phạm *Điều lệ Đảng*, giữ nghiêm kỉ luật. Công tác tổ chức, kiểm tra của Đảng bộ được triển khai theo tinh thần các Chỉ thị 33, 34 của Ban Bí thư. Trong 2 năm (1984 - 1985), Thành ủy tập trung lãnh đạo kiểm tra và hướng dẫn các đảng bộ, chi bộ cơ sở

tự kiểm tra, góp phần củng cố tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng. Nhờ đó, số đảng viên vi phạm kỉ luật giảm dần từ 1,26% năm 1982, xuống còn 0,85% năm 1985; tỉ lệ các đảng bộ vững mạnh và khá tăng 87%. Đảng bộ thành phố được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị Trung ương Đảng công nhận Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong thời gian này còn chuyển biến chậm. Việc giáo dục, quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng mới dừng lại ở cán bộ chủ chốt và đảng viên. Điều đó đã hạn chế nhiều đến nhận thức và ý thức chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của quần chúng. Công tác củng cố cơ sở đảng yếu kém cũng còn nhiều hạn chế. Năm 1984 và 1985, Đảng bộ thành phố vẫn còn 11 cơ sở đảng yếu kém. Công tác tổ chức chưa chuyển biến kịp với yêu cầu của cơ chế quản lí mới. Bộ máy các cơ quan Đảng còn chồng chéo. Công tác quản lí cán bộ chưa chặt chẽ, chưa sâu, sắp xếp cán bộ có chỗ chưa hợp lí, nhất là cán bộ chủ chốt... Trong 9 tháng đầu năm 1985, *“thành phố đã hoàn thành đúng thời gian việc bàn giao và tiếp nhận các xã, phường với huyện Đồng Hỷ, hoàn thành việc điều chỉnh ranh giới các xã, phường trong thành phố, theo quy hoạch mới”*⁽¹⁾. Cùng thời gian đó, Đảng bộ thành phố đã bàn giao 10 chi, đảng bộ và tiếp nhận 13 chi, đảng bộ của Đảng bộ huyện Đồng Hỷ. Đến thời điểm ngày 5/8/1985, Đảng bộ thành phố có 126 cơ sở đảng.

Bộ máy chính quyền các cấp của thành phố từng bước được củng cố, nâng cao trình độ gắn liền với việc đổi mới cơ chế quản lí kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp được học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường của tỉnh và Trung ương.

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác 9 tháng năm 1985*. Số 05/BC-TP, ngày 15/10/1985, tr. 9.

Việc điều động, đề bạt cán bộ được thực hiện thường xuyên và có chất lượng. Năm 1985, thành phố đã điều động, tiếp nhận 42 cán bộ, đề bạt 21 cán bộ giữ các chức vụ chủ chốt trong tổ chức chính quyền.

Các đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc...) đều hoạt động tích cực; luôn bám sát nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, tiếp tục phát huy vai trò của mình trong quản lí kinh tế - xã hội, trong tổ chức các hoạt động kiểm tra của quần chúng nhân dân và đẩy lên các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng.

Tóm lại, thời kì 1975 - 1986, trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã tỏ rõ tinh thần trách nhiệm trước nhân dân và năng lực sáng tạo. Cùng với quá trình lãnh đạo tháo gỡ khó khăn từng mặt, Đảng bộ thành phố từng bước đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế và phong cách làm việc, làm cho tình hình kinh tế, xã hội nói chung ngày càng chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Tuy còn nhiều khó khăn yếu kém, nhưng điều quan trọng là Đảng bộ đã nhận thức và đánh giá đúng thực trạng và có quyết tâm sửa chữa, khắc phục. Đó là nhân tố quan trọng để Đảng bộ vững bước vào chặng đường mới.

Chương II
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KÌ
THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC
(1986 - 2000)

I- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986 - 1990)

Sau 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước, nhân dân ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, những khó khăn, yếu kém vẫn chưa được khắc phục, thậm chí có mặt trầm trọng thêm. Sản xuất tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được, gây ảnh hưởng không tốt đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống nhân dân. Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp nhìn chung chỉ sử dụng một nửa công suất, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém. Đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức còn nhiều khó khăn... Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm...

Thực trạng kinh tế, xã hội nói trên đã làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan Nhà nước.

Nằm trong tình trạng chung của đất nước, tại thành phố Thái Nguyên, bên cạnh những kết quả to lớn đạt được, tình hình kinh tế - xã hội cũng đứng trước nhiều khó khăn gay gắt.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa được đầu tư thỏa đáng. Nhiều cơ sở sản xuất còn bấp bênh, chưa khai thác hết

năng lực sẵn có. Trừ một số sản phẩm tăng nhanh và có chất lượng, còn phần lớn tăng chậm hoặc không tăng. Khối lượng hàng hóa ít. Tỷ trọng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong tổng thu nhập của thành phố còn thấp. Chất lượng nhiều mặt hàng chưa được nâng lên, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng và thị hiếu của nhân dân.

Đối với nông nghiệp, việc đầu tư cũng chưa cao, sản xuất chưa vững chắc, thâm canh chưa đồng đều. Năng suất, sản lượng chưa đạt được chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra. Cây màu chưa được chú trọng chỉ đạo phát triển, nên sản lượng giảm. Cây rau bị thả nổi, giảm dần cả diện tích, năng suất và sản lượng. Người sản xuất không phấn khởi. Thủy lợi, phân bón, bảo vệ cây trồng và gia súc chưa đủ đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định và vững chắc.

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm được củng cố và hoàn thiện. Nhìn chung, công tác quản lý còn lỏng lẻo. Công tác quy hoạch, quản lý đô thị, việc phân cấp quản lý nhà đất, quy hoạch bố trí dân cư trên địa bàn thành phố chậm được thực hiện. Khoảng 6.000 người chưa có việc làm.

Phân phối lưu thông rối ren. Tỷ lệ hàng hóa thành phố quản lý, điều tiết được còn thấp (thịt lợn: 40%; lạc: 67%; rau xanh: 23%...). Nguồn hàng trao đổi với các tỉnh bạn năm 1985 (năm cao nhất) cũng chỉ đạt 31% trong tổng quỹ hàng hóa nội thương của thành phố. Việc tổ chức phân phối, quan điểm phục vụ sản xuất, đời sống chưa đầy đủ và có nhiều lệch lạc, gây thêm khó khăn cho nhân dân. Hậu quả của đợt điều chỉnh giá - lương - tiền (1985) dẫn đến tình trạng lạm phát tăng vọt; giá cả thị trường biến động mạnh và ngày một tăng. Những hiện tượng cửa quyền, gây phiền hà, tùy tiện nâng giá, tiêu

cực ở một bộ phận cán bộ, nhân viên trong các ngành quản lí hàng, tiền vẫn tiếp diễn.

Trong khi đó, các đoàn thể quần chúng chưa được chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của các cấp ủy đảng. Đội ngũ cán bộ chậm được kiện toàn, nhất là ở phường, xã. Chất lượng đội ngũ đảng viên chưa cao, còn 40% số đảng viên trong Đảng bộ chưa phát huy tác dụng toàn diện. Nội bộ có nơi mất đoàn kết kéo dài. Một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, coi nhẹ rèn luyện phẩm chất đạo đức, ngại khó khăn, thiếu trách nhiệm, hiệu suất công tác kém...

Giữa lúc tình hình kinh tế, xã hội đang gặp nhiều khó khăn, từ ngày 30/9 đến ngày 4/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X được tổ chức. Tham dự Đại hội, có 325 đại biểu thay mặt trên 8.530 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Sau 5 ngày làm việc, Đại hội đã thảo luận góp ý kiến bổ sung các văn kiện dự thảo của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI và văn kiện dự thảo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V.

Đánh giá tình hình chung từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ IX (1983), Đại hội khẳng định: “... *Đảng bộ và nhân dân thành phố đã phấn đấu với tinh thần bền bỉ, nỗ lực cao, vượt qua nhiều thử thách và khó khăn gay gắt, đã giành được những thành tích quan trọng làm biến đổi bộ mặt thành phố*”(1).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thành tích đã đạt được, những mặt tồn tại, đồng thời quán triệt quan điểm đổi mới của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy, Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1986 - 1988 là: “*Ra sức khai thác mọi tiềm năng sẵn có, phát triển mạnh sản xuất công, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Kết hợp chặt chẽ phát triển với xuất khẩu, gắn*

(1) Theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X - 10/1986, tr.2.

sản xuất với lưu thông phân phối, kinh tế với văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng... Mau chóng tạo thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp và dịch vụ, nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội...”⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X (nhiệm kỳ 1986 - 1988) gồm 39 ủy viên chính thức và 12 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 11 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngọc Yến được bầu giữ chức Bí thư; các đồng chí: Bùi Xuân Hùng và Nguyễn Văn Lạc được bầu giữ chức Phó Bí thư Thành ủy. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy gồm 7 ủy viên, do đồng chí Dương Văn Bầy làm Chủ nhiệm.

Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học. Đại hội đưa ra yêu cầu cần phải tăng sản xuất thực phẩm, hàng tiêu dùng và các mặt hàng xuất khẩu; khẳng định tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp, tăng cường hiệu quả hệ thống quản lý kinh tế... Đại hội lần thứ VI của Đảng là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mở đầu thời kì đổi mới toàn diện đất nước.

Quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, Thành ủy Thái Nguyên kịp thời đề ra chủ trương, biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X đề ra.

Ngày 6/2/1987, Thường trực Thành ủy họp để đánh giá tình hình và bàn biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-TP về 3 chương trình kinh tế. Hội nghị quyết định thành lập các tiểu ban xây dựng đề án của từng chương trình để thông qua Ban Thường vụ Thành

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X...* Tlđđ, tr.15.

ủy và tổ chức thực hiện. Theo đó, Tiểu ban xây dựng đề án công tác lưu thông - phân phối, phục vụ đời sống và Tiểu ban xây dựng đề án chương trình hàng xuất khẩu, đều do đồng chí Nguyễn Văn Lai - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, làm Trưởng tiểu ban; Tiểu ban xây dựng đề án về sản xuất lương thực - thực phẩm, do đồng chí Nguyễn Văn Thử - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, làm Trưởng tiểu ban; Tiểu ban xây dựng đề án về chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, do đồng chí Doãn Văn Đồng - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Trưởng phòng Kế hoạch thành phố, làm Trưởng tiểu ban.

Thường trực Thành ủy giao trách nhiệm cho Ban Tuyên giáo cùng với Văn phòng Thành ủy và Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố chuẩn bị nội dung giúp Ban Thường vụ Thành ủy mở các hội nghị chuyên đề phục vụ 3 chương trình kinh tế, sau khi các đề án được thông qua.

Hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X cũng là thời gian thành phố Thái Nguyên cùng cả nước bước vào công cuộc đổi mới theo đường lối do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, nhằm từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đưa đất nước phát triển đi lên. Đó cũng là quá trình đấu tranh gay gắt giữa cái cũ và cái mới, từ đổi mới nhận thức đến đổi mới về công tác quản lí kinh tế, xã hội...

Mặc dù gặp khó khăn về cung ứng vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, thời tiết không thuận lợi, nhưng sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn tiếp tục phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và kinh doanh tổng hợp. Thành phố tập trung chỉ đạo tăng cường áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật, đưa các giống lúa mới có năng suất cao (CR203, K3, 184, v.v...) vào sản xuất. Nhờ đó, sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi năm trên 3%. Một số hợp tác xã tổ chức thâm

canh tốt nên năng suất lúa tăng cao, điển hình là các hợp tác xã: Đại Đồng (65,37 tạ/ha), Tân Long (56,75 tạ/ha), Quang Vinh (54,61 tạ/ha), Tiến Ninh (52,42 tạ/ha)... Tuy nhiên, sản lượng và năng suất lúa tăng không vững chắc, còn phụ thuộc quá nhiều vào thiên nhiên. Năm 1986, năng suất lúa bình quân đạt trên 50 tạ/ha; sản lượng vụ lúa mùa vượt kế hoạch 674 tấn và tăng hơn 610 tấn (4,8%) so với năm 1985. Sang năm 1987, năng suất lúa đạt 44,12 tạ/ha (bằng 83,24% kế hoạch); sản lượng thóc cả năm đạt 12.724 tấn. Đến năm 1988, do bị ngập lụt 153,6 ha, năng suất lúa giảm mạnh, tổng sản lượng chỉ đạt 12.518,9 tấn (bằng 87,77% kế hoạch).

Cây màu và cây công nghiệp được chú trọng. Vụ đông đã trở thành vụ sản xuất chính. Các loại cây màu, cây công nghiệp, nhất là khoai lang, ngô và lạc đều tăng nhanh cả về diện tích gieo trồng và sản lượng. So với năm 1980, đến năm 1986, toàn thành phố trồng được 997 ha khoai lang (tăng 762 ha), sản lượng 4.749 tấn (tăng 3.872 tấn); 727 ha lạc (tăng 676,8 ha), sản lượng 576 tấn (tăng 517 tấn)⁽¹⁾. Trong những năm sau, diện tích và sản lượng cây màu, cây công nghiệp vẫn tiếp tục tăng lên. So với năm 1986, đến năm 1988, thành phố đã trồng được 617 ha ngô (tăng 565 ha), sản lượng 943 tấn (tăng 907 tấn); 282 ha sắn (tăng 60 ha); 1.019 ha lạc (tăng 282 ha)⁽²⁾.

Đất Thái Nguyên từ lâu đã nổi tiếng với cây chè. Chè Tân Cương có hương vị thơm ngon đặc biệt. Nhận rõ đây là thế mạnh của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X nêu rõ: Cần khai thác hết đất đai, đồi rừng của các xã phía Tây, tạo ra vùng lúa, chè, cây công nghiệp. Theo phương hướng đó, ngay từ năm 1986,

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và phương hướng, biện pháp củng cố quan hệ sản xuất, hoàn thiện và mở rộng cơ chế khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp*. Số 14DT-BC ngày 20/10/1987, tr.3.

⁽²⁾ Cục Thống kê Bắc Thái: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái...* Tlđđ, tr.46, 50, 63.

sau khi thành lập Ban Phân vùng kinh tế, ngoài diện tích trồng chè hiện có của gia đình và tập thể là 206 ha, thành phố còn trồng thêm được 24,35 ha chè. Tuy nhiên, do chưa xác định được cơ chế thích hợp, ngành sản xuất chè không phát triển, ngày càng mai một. Vì vậy, đến cuối năm 1987, diện tích chè trồng mới chỉ đạt 26 ha so với chỉ tiêu 40 ha (bằng 65% mức kế hoạch).

Cùng với cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, chăn nuôi tiếp tục được giữ vững và phát triển. Trong điều kiện khó khăn về nguồn thức ăn cho gia súc, Đảng bộ chủ trương phát triển nuôi lợn gia công ở các phường. Nhờ đó, trong 3 năm (1986 - 1988), tổng số đàn lợn vẫn được duy trì ở mức từ 32.400 con đến 33.667 con, đảm bảo tự cung cấp nhu cầu về thịt của cán bộ và nhân dân thành phố. Đàn trâu, bò đều phát triển qua các năm. Tính đến năm 1988, thành phố có 7.539 con trâu, 1.310 con bò⁽¹⁾.

Ngành Lâm nghiệp thành phố mới được phân cấp trong năm 1986 đã nhanh chóng triển khai kế hoạch trồng được 245.400 cây phân tán (đạt 81,7% kế hoạch), gieo tạo được 1.200.000 cây giống (vượt kế hoạch 104,34%). Sang năm 1988, thành phố triển khai việc giao đất, giao rừng đến tận hộ gia đình ở các xã khu vực phía Tây với diện tích 403 ha, thực hiện trồng cây theo chương trình viện trợ của Liên hợp quốc. Trong năm này, toàn thành phố đã trồng được 387 ha rừng tập trung và 300.000 cây phân tán. Ngoài ra, thành phố còn cung cấp cho các địa phương khác hàng trăm ngàn cây giống.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố, quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa về cơ bản được củng cố. Từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, số hộ xã viên trong nhiều hợp tác xã nông nghiệp không ngừng

⁽¹⁾ Cục Thống kê Bắc Thái: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái...* Tlđđ, tr.75, 77.

tăng lên. Các hợp tác xã: Ninh Sơn, Yên Thịnh, Quyết Tiến, Thác Lạc, Quang Vinh đã đưa thêm được 336 hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Tính đến cuối năm 1987, thành phố có 31 hợp tác xã với 9.879 hộ xã viên, chiếm 96,78% tổng số hộ nông dân⁽¹⁾. Trong số đó, có 16 hợp tác xã quy mô xã; 15 hợp tác xã quy mô thôn hoặc liên thôn. Hằng năm, các hợp tác xã đều xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, xác lập phương án phân phối từng vụ. Các đối tượng thuộc diện chính sách được quan tâm giải quyết chế độ. Bộ máy quản lý hợp tác xã được sắp xếp tinh giản, chuyển sang làm dịch vụ khoa học kỹ thuật và thủy lợi.

Cùng thời gian trên, thành phố có 22 trong tổng số 31 hợp tác xã đã mở rộng ngành, nghề xây xát, vật liệu xây dựng, sửa chữa nông cụ...; thực hiện hạch toán kinh doanh, từng bước đảm bảo tốt 3 lợi ích. Một số hợp tác xã triển khai khoán và quản lý ao, hồ, các loại cây ngô, chè, lạc có kết quả. Cũng nhờ đó, giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1986 đạt 120.227.000 đồng (tăng 114.227.000 đồng so với năm 1980). Nhiều hợp tác xã giải quyết tốt việc thu hồi sản phẩm, điển hình là các hợp tác xã: Yên Thịnh, Ninh Sơn, Tân Long, Gia Sàng, Hòa Tiến, Thống Nhất, Đại Đồng, Tiến Ninh, Hợp Thành, Nam Hồng, với số sản phẩm tồn đọng hằng năm không quá 5%. Những hợp tác xã này đã xây dựng được kế hoạch giao khoán tương đối sát, có chế độ thưởng, phạt rõ ràng và điều quan trọng là biết gắn liền công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Mức thu nhập bằng lương thực của nông dân xã viên năm 1986 tăng gần 3 lần so với năm 1980. Nhiều gia đình xã viên không chỉ giải quyết đủ lương thực, mà còn phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả, tăng thêm thu nhập. Các hợp tác xã, xã, phường: Ninh Sơn, Gia Sàng, Quang Vinh, Tân Long, Túc Duyên, Cam Giá... số hộ có nhà xây đã chiếm từ 70% đến 80%.

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100... Tlđđ, tr. 5.*

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác thủy lợi được đẩy mạnh và có nhiều chuyển biến mới so với thời gian trước. Các hợp tác xã tập trung vốn đầu tư cho việc xây dựng hệ thống mương máng, xây dựng các trạm máy bơm nước. Trong 2 năm (1986 - 1987), thành phố đã xây dựng thêm 7 trạm bơm điện⁽¹⁾. Trong năm 1988, nhiều công trình tưới, tiêu được làm mới, sửa chữa lại với tổng số vốn đầu tư trên 206.000.000 đồng. Các xã, hợp tác xã tập trung lao động nạo, vét kênh mương, tận dụng khai thác nguồn nước tưới. Nhờ vậy, vụ đông - xuân 1988 - 1989, diện tích được chủ động tưới nước tăng 114 ha so với năm 1987⁽²⁾. Với những thành tích đạt được, thành phố luôn luôn là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh Bắc Thái về phong trào thủy lợi.

Ngoài phần đầu tư cho thủy lợi, hầu hết các hợp tác xã đã xây dựng lại hệ thống nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi; đồng thời xây dựng thêm hơn 150 gian nhà ngói dành cho hội họp và làm việc của hợp tác xã.

Bên cạnh những cố gắng và thành tích đạt được, các hợp tác xã nông nghiệp chưa xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp, hầu hết còn tập trung vào cây lúa; chưa khai thác tiềm năng sẵn có; chưa có sản phẩm hàng hóa lớn và cũng chưa khai thác những sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Nhiều hợp tác xã mới dừng ở việc khoán lúa, chưa mở rộng cơ chế khoán vào lĩnh vực chăn nuôi trâu, bò và các ngành, nghề thủ công. Công tác hạch toán và thực hiện phân phối sản phẩm còn nhiều sai sót. Chế độ thưởng, phạt trong khoán không rõ ràng ảnh hưởng không tốt đến phong trào chung.

Nguyên nhân của các mặt yếu kém trên, là do việc triển khai chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính quyền chưa kịp thời và sâu

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100...* Tlđd, tr.4.

⁽²⁾ Theo: *Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 1988 và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch Nhà nước 1989* - Số 01/BC-UB ngày 9/1/1989, tr.6.

rộng. Nhiều nơi thực hiện thiếu nghiêm túc, dẫn đến tình trạng làm sai chế độ, chính sách. Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý hợp tác xã còn yếu, nhưng Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về khoán sản phẩm. Công tác xây dựng Đảng ở một số Đảng bộ cơ sở chưa gắn với nhiệm vụ chỉ đạo công tác khoán sản phẩm trong nông nghiệp, thậm chí có nơi khoán trắng cho ban quản trị hợp tác xã. Một số cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, lợi dụng chức quyền, chăm lo vun vén lợi ích cá nhân.

Nhận rõ những mặt hạn chế và nguyên nhân dẫn đến hạn chế, yếu kém, từ cuối năm 1987, Thành ủy kịp thời xác định phương hướng, chủ trương và bàn biện pháp củng cố quan hệ sản xuất, hoàn thiện và mở rộng cơ chế khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Thành ủy nêu rõ quan điểm khoán sản phẩm phải dựa trên nguyên tắc: Tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, bảo đảm hài hòa 3 lợi ích làm cho người lao động phấn khởi sản xuất kinh doanh; phải lấy hiệu quả làm tiêu chuẩn; không máy móc dùng 5 khâu hay 3 khâu mà phải tùy điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã, nhưng phải nắm vững nguyên tắc tập thể điều hành theo kế hoạch, người nhận khoán phải chấp hành theo kế hoạch và quy trình sản xuất khoán sản phẩm phải làm sao cho dân biết, dân bàn và dân kiểm tra được.

Với quan điểm ấy, Thành ủy chỉ ra phương hướng củng cố hợp tác xã phải đi liền với việc giải phóng lực lượng sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật, từng bước tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã, nhằm làm cho quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trên mỗi vùng, mỗi hợp tác xã, mỗi lĩnh vực của mặt trận sản xuất nông nghiệp. Các hợp tác xã nhất thiết phải xây dựng được kế hoạch, trong đó có kế hoạch tổng hợp, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài vụ và

các kế hoạch khác. Phải xóa bỏ chế độ xây dựng kế hoạch trên cơ sở chỉ tiêu áp đặt từ trên xuống dưới và thay bằng chế độ thực hiện các hợp đồng kinh tế. Kế hoạch kinh tế đội sản xuất phải là một bộ phận trong kế hoạch của hợp tác xã. Kế hoạch phải xuất phát từ khả năng lao động, đầu tư vốn hiện có và khả năng liên kết, liên doanh giữa 3 khu vực kinh tế: Quốc doanh, tập thể và gia đình. Thành ủy còn nhấn mạnh: Các đội sản xuất, các ngành kinh tế, các khâu dịch vụ phải hợp tác, cùng tác động vào sản phẩm cuối cùng, đồng thời phải xác định rõ ràng trách nhiệm và lợi ích, không được bắt ngành này phải gánh chịu thua lỗ cho ngành kia; thực hiện hạch toán từng cây, từng con, từng ngành nghề, từng khâu dịch vụ, hạch toán từng đội sản xuất đến hợp tác xã; phải đảm bảo mọi ngành nghề sản xuất có lãi từ 30% đến 40%; phải xóa bỏ chế độ phân phối theo công điểm, chuyển sang phân phối theo hiện vật là chủ yếu, dựa trên cơ sở định mức đơn giá và hạch toán theo ngành, theo đội đến hợp tác xã.

Những quan điểm, phương hướng trên chính là tư tưởng chỉ đạo của Thành ủy, giúp cho các đơn vị sản xuất nông nghiệp có những chuyển biến tích cực trong những năm sau.

Từ năm 1988, thành phố bắt đầu thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị về *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp* và Nghị quyết số 05-NQ/BT ngày 1/3/1988 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp*. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được củng cố. Người lao động thực sự yên tâm phấn khởi sản xuất. Cơ cấu cây trồng được bố trí lại một cách hợp lý. Những giống mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất. Diện tích trồng cây vụ đông không ngừng được mở rộng. Đời sống nông dân từng bước được cải thiện, tích cực thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Cùng với sản xuất nông - lâm nghiệp, những năm 1986 - 1988 cũng chứng kiến một chặng đường đầy khó khăn mà ngành Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp thành phố đã vượt qua để từng bước vươn lên.

Từ năm 1986, các xí nghiệp công nghiệp thành phố mới được thành lập, đang trong quá trình kiện toàn từng mặt để đưa sản xuất đi dần vào thế ổn định. Vào thời điểm này, các xí nghiệp gặp nhiều khó khăn về vật tư, thiết bị... Mặc dù vậy, ngay trong năm 1986, các xí nghiệp đã phấn đấu đưa tổng giá trị sản lượng hàng hóa lên 9,6 triệu đồng (vượt 21% so với chỉ tiêu). Một số sản phẩm chủ yếu tuy mới đạt 80% mức kế hoạch, nhưng đều tăng hơn so với năm 1985. Vải màn tăng từ 200.000 mét (1985), tăng lên hơn 500.000 mét (năm 1986). Sản phẩm nhựa trong năm 1985 mới sản xuất thử, đến năm 1986 đã sản xuất được 60.000 đôi dép các loại, 3.000 m² vải giả da⁽¹⁾.

Thực hiện Quyết định 217/HĐBT ngày 14/1/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về *Đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh*, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thành phố có bước chuyển mạnh. Năm 1987, mặc dù tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu trở nên nghiêm trọng; nhiều loại vật tư thiết yếu, như tôn để sản xuất chậu men, than cho đúc gang... tới đầu quý IV năm 1987 mới được cấp; sợi đay chỉ được cấp 52 tấn so với nhu cầu 72 tấn; cát cọ được cấp 392 tấn so với nhu cầu 600 tấn..., các cơ sở sản xuất vẫn duy trì hoạt động đều. Nhiều cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp thành phố tự tìm cách tháo gỡ khó khăn để hoàn thành kế hoạch và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 65.179.000 đồng (tăng 2% so với kế hoạch và tăng 7,19% so với cùng kỳ năm trước); trong đó, khối xí nghiệp quốc doanh

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo công tác năm 1986...* Tlđđ, tr.2, 3.

đạt trên 7.300.000 đồng, khối hợp tác xã chuyên nghiệp đạt trên 30.800.000 đồng và khối phường, xã đạt trên 27.000.000 đồng. Đến năm 1988, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng lên 79.414.000 đồng; trong đó, khối phường, xã đạt 50.000.000 đồng (tăng 54% so với kế hoạch và tăng 23.000.000 đồng so với cùng kì năm trước). Cùng thời gian này, thành phố có 14 trong tổng số 20 hợp tác xã hoàn thành kế hoạch năm; tiêu biểu là các hợp tác xã: Cơ khí Bắc Nam, Cửu Long, Hồng Hà, Cộng Lực, Tân Thành, Bắc Hà, Tiền Phong; có 12 trong tổng số 22 mặt hàng chủ yếu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch: Mảnh cọ đạt 111%, thảm đay: 116%, khăn mặt: 173%, dép chính phẩm: 223%⁽¹⁾.

Như vậy, dù gặp nhiều khó khăn về vật tư, thiết bị, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thành phố giai đoạn 1986 - 1988 vẫn tiếp tục tăng trưởng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân mỗi năm 10,4%. Nhiều mặt hàng mới (các loại bìa các tông, đồ gang đúc, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, thảm bẹ ngô...) được đưa vào lưu thông. Bước chuyển biến quan trọng là các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh do phường, xã quản lí đã phát triển khá mạnh, giải quyết việc làm cho gần 3.000 lao động. Nhiều cơ sở tự bỏ vốn đầu tư ban đầu hàng chục triệu đồng (Tổ hợp cơ khí Phan Đình Phùng, Tổ hợp sản xuất bột màu, Tổ đúc gang và luyện thiếc Gia Sàng...). Hợp tác xã sản xuất thảm và chiếu xe đan bẹ ngô phường Cam Giá cũng mạnh dạn bỏ vốn mua sắm công cụ sản xuất, thuê kĩ thuật, đi từ không đến có và chỉ trong thời gian ngắn đã thu được một khối lượng sản phẩm trị giá trên 50.000.000 đồng, tạo việc làm cho trên 100 lao động. Các cơ sở sản xuất ở các phường, xã Gia Sàng, Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Quán Triều, Phúc Hà, Phúc Trìu có

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1988...* Tlđđ, tr.3.

nhiều năng động, sáng tạo trong việc vận dụng chủ trương xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, góp phần tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội và tăng thu nhập cho người lao động.

Những kết quả trên chứng minh một hướng đi đúng đắn do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X đề ra. Mặc dù mới chỉ là kết quả bước đầu và còn có một số hạn chế (trong số hơn 40 loại sản phẩm chủ yếu, mới có trên 10 loại đạt chỉ tiêu kế hoạch; tốc độ phát triển hằng năm còn rất chậm và chưa vững chắc...), nhưng sự phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp những năm 1986 - 1988 đã tạo điều kiện cho thành phố chủ động nắm được nguồn hàng phục vụ cho xuất khẩu.

Đối với thành phố Thái Nguyên, mặt hàng chủ lực dành cho xuất khẩu là lạc, chè, thảm dày, màn cọ... Riêng trong năm 1987, ngành Ngoại thương đã thu mua xuất khẩu được 731 tấn lạc vỏ (vượt 31 tấn so với chỉ tiêu), tương đương 300 tấn lạc nhân; chè búp được 3,2 tấn (vượt 700 kg so với chỉ tiêu), thảm dày 35.000 m² (vượt 10.000 m² so với chỉ tiêu). Sang năm 1988, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.000.000 Rúp Đôla⁽¹⁾. Một số mặt hàng tăng khá, như thảm dày tăng trên 3 lần so với năm 1985 và có thêm một số mặt hàng mới (thảm bẹ ngô, quần áo may sẵn).

Nhìn chung, mặt hàng xuất khẩu còn nghèo và giá trị hàng xuất khẩu mới đạt 2/3 so với chỉ tiêu (1 triệu/1,5 triệu Rúp - Đôla). Cây chè - một thế mạnh của thành phố - chưa được đầu tư, thâm canh thỏa đáng, nên năng suất thấp. Nhà nước chưa có chính sách phù hợp để khuyến khích người sản xuất, nên thành phố không quản lý được sản phẩm. Hoạt động của ngành Ngoại thương thành phố trong những năm này đứng trước những khó khăn về cơ chế, chính sách, về phương thức mua, đổi hàng... Đó cũng chính là

⁽¹⁾ Khái niệm thường dùng thời điểm trước đây.

những vấn đề đặt ra cấp bách, đòi hỏi Đảng bộ thành phố sớm có những giải pháp đúng đắn.

Phân phối lưu thông vốn là một mặt trận nóng bỏng, có nhiều rối ren, phức tạp. Giải quyết tốt vấn đề phân phối lưu thông sẽ trực tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao đời sống nhân dân. Nhận rõ điều này, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X đã nêu rõ hướng phấn đấu là vươn lên nắm trọn bán buôn, chi phối bán lẻ; chú trọng khai thác nguồn hàng địa phương và chế biến sản phẩm hàng hóa; thay đổi cơ chế kinh doanh từ hành chính, quan liêu, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đáp ứng những nhu cầu cơ bản của sản xuất và đời sống; quản lí, cải tạo thị trường, ổn định giá cả.

Theo phương hướng ấy, từ khi bước vào thời kì đổi mới, công tác phân phối lưu thông ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực. Riêng trong năm 1987, doanh số mua và bán của các đơn vị kinh doanh đều vượt kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 9/2/1987 của Trung ương Đảng về phân phối lưu thông và các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, ngoài việc ra Nghị quyết 01/NQ-TP về phân phối lưu thông, ngày 15/10/1987, Thành ủy ra Thông báo số 28/TB-TP về việc chuyển hướng hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đồng thời mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho 24 cán bộ xã, phường. Thông báo của Thành ủy nêu rõ: Hợp tác xã mua bán phải tận lực phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa, chủ yếu là 3 chương trình kinh tế, phục vụ tốt đời sống nhân dân; phải mở rộng mạng lưới, cải tiến phương thức phục vụ, tăng thêm quỹ hàng bán lẻ... Thông báo xác định các yêu cầu cụ thể đối với việc đổi mới cơ chế quản lí của hệ thống hợp tác xã mua bán, chuyển hoạt động sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Được sự chỉ đạo sát sao của Thành ủy, hoạt động của các hợp tác xã mua bán dần dần đi vào nền nếp, từng bước chủ động thu mua hàng tận gốc và đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng. Nhiều phường, xã mở các cơ sở sản xuất, dịch vụ, làm ra được nhiều sản phẩm. Trên địa bàn thành phố, 46 điểm bán hàng mới được mở thêm.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW của Trung ương Đảng và các nghị định của Hội đồng Bộ trưởng, thành phố còn gặp nhiều khó khăn và bộc lộ một số hạn chế: Chưa thực hiện được chính sách bán 1 giá; nhiều cơ sở kinh doanh thiếu năng động; giá thành sản phẩm còn cao; chất lượng (ăn, uống, dịch vụ) còn kém; phương thức quản lý thị trường ở phường, xã còn nặng tình trạng quan liêu, hành chính, mệnh lệnh; chưa chịu mở rộng kinh doanh để chiếm lĩnh thị trường... Những hạn chế trên đây từng bước được khắc phục.

Từ năm 1988, hoạt động phân phối lưu thông thành phố chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động liên kết, liên doanh. Trong năm này, hàng liên kết chiếm 30% tổng giá trị hàng hóa. Các cơ sở thực hiện khoán doanh số, khoán quỹ lương, mở thêm nhiều quầy hàng lưu động, kinh doanh tổng hợp, từng bước chiếm lĩnh thị trường. Thị trường có tổ chức được giữ vững và có mặt phát triển. Doanh số bán lẻ đều tăng khá, đạt gần 20 tỉ đồng. Việc cung ứng vật tư cho sản xuất và các hoạt động dịch vụ khác (bảo vệ vật nuôi, cây trồng, sửa chữa...) đạt kết quả cao trên cả 2 mặt: Phục vụ và tích lũy cho ngân sách. Hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán, nhất là ở cấp xã (phường) có nhiều tiến bộ. Tính riêng doanh số bán lẻ của hợp tác xã mua bán phường, xã trong năm 1988 đã đạt 345 triệu đồng. Các cửa hàng: Quán Triều, Đồng Quang, Trung Vương, Hoàng Văn Thụ có doanh số bán ra lên tới 50 triệu đồng một năm. Các tổ hợp, hợp tác

xã dịch vụ cũng phát triển mạnh, có doanh số bán ra gần 280 triệu đồng một năm⁽¹⁾.

Với chủ trương mở cửa thị trường và kinh doanh tổng hợp, thị trường xã hội trên địa bàn thành phố ngày thêm nhộn nhịp, đa dạng và phong phú về mặt hàng, đáp ứng sức mua của người tiêu dùng. Nguồn hàng từ ngoài đưa vào thành phố ngày một gia tăng, thu hẹp dần sự mất cân đối gay gắt giữa cung và cầu. Tình trạng trượt giá trên thị trường giảm hơn những năm trước. Giá lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng dần dần đi vào thế ổn định. Nhưng bên cạnh đó, tính năng động, sáng tạo của nhiều cơ sở còn yếu. Việc nắm tiền, nắm hàng - kể cả nguồn hàng liên doanh, liên kết, chưa theo kịp cơ chế kế hoạch kết hợp với thị trường. Việc cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất có lúc, có nơi còn chậm, thiếu đồng bộ; thị trường có lúc rối ren, giá cả biến động mạnh.

Việc chăm lo cải thiện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân là một trong những mục tiêu hàng đầu thường xuyên được Đảng bộ thành phố quan tâm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, chất lượng 3 ngành học được nâng lên. So với thời gian trước, việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường ở phường, xã thu được nhiều kết quả... Ngay trong năm 1986, số lớp phải học ca 3 từ 80, đã giảm xuống còn 31. Vượt qua nhiều khó khăn về kinh tế, các ngành học, cấp học thành phố cố gắng vươn lên, tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu toàn tỉnh. Trong năm học 1987 - 1988, ngành Giáo dục thành phố có đội học sinh giỏi đi thi, đoạt được giải của tỉnh và toàn quốc. Nhiều trường phổ thông cơ sở đạt danh hiệu *Trường Tiên tiến*.

⁽¹⁾ *Báo cáo Công tác năm 1988... Tlđd, tr.4.*

Thi đua với các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp cố gắng vượt qua mọi khó khăn, giữ vững chất lượng đào tạo. Các trường: Công nhân kĩ thuật 3, Công nghiệp cơ điện Việt Bắc, Trung cấp cơ khí luyện kim... biết kết hợp giáo dục với lao động sản xuất, vừa tạo thêm nhiều sản phẩm, vừa tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công nhân viên và học sinh.

Ngành Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao thành phố trong những năm 1986 - 1988 luôn cố gắng bám sát nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đài Truyền thanh thành phố được công nhận là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh về mạng lưới thông tin đại chúng.

Ngành Y tế thành phố, với một mạng lưới trải rộng khắp 24 phường, xã được củng cố. Công tác khám, chữa bệnh có nhiều tiến bộ. Công tác vệ sinh, phòng bệnh được đẩy mạnh, hạn chế được dịch bệnh. Công tác kế hoạch hóa dân số được coi trọng. Tỉ lệ tăng dân số từ 1,4% (năm 1986), đã giảm xuống 1,31% (năm 1988).

Trong những năm 1986 - 1988, cùng với việc lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ thành phố và các cấp chính quyền cố gắng tìm mọi biện pháp để giảm bớt khó khăn về đời sống cho các tầng lớp nhân dân, hướng chủ yếu là ra sức thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển, mở mang các ngành nghề dịch vụ để tạo việc làm cho người lao động. Chỉ tính riêng năm 1987, nhờ phát triển sản xuất ở cơ sở phường, xã, thành phố đã sắp xếp được việc làm cho gần 1.000 lao động. Ngoài ra, thành phố còn thành lập 1 trung tâm hướng nghiệp, mở 2 lớp dạy cắt may, 1 lớp dạy nghề mộc. Công tác tuyển sinh, tuyển lao động (kể cả tuyển lao động nước ngoài) giải quyết được số lượng lao động đáng kể (669 người). Các đối tượng thuộc diện chính sách (gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng...) được

quan tâm giải quyết chế độ ưu đãi. Đảng bộ còn có một số chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm tháo gỡ một phần khó khăn về đời sống của giáo viên, cán bộ y tế và những cán bộ có mức lương thấp.

Thành phố Thái Nguyên là một trung tâm kinh tế, chính trị, hành chính, văn hóa của tỉnh. Vấn đề xây dựng cơ bản, quản lý đô thị ngày càng trở thành một yêu cầu bức thiết. Nhận rõ điều đó, trong những năm 1986 - 1988, được sự quan tâm của Đảng bộ, thành phố đã đầu tư vốn xây dựng 120.000 m² nhà ở và các công trình phúc lợi, như Nhà Văn hóa Thiếu nhi, khu Chợ Bến Tượng; đồng thời từng bước hình thành các đường phố chính ở khu trung tâm với kinh phí trên 2 tỉ đồng được tạo từ 3 nguồn: Nhà nước, tập thể và cá nhân. Với phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, thành phố Thái Nguyên đã cải tạo, nâng cấp và làm mới các tuyến đường Đội Cấn, đường vào Phúc Xuân, Phúc Hà, đường vào Công ty Thuốc lá, Công ty Thủy sản, Liên hiệp chăn nuôi, Quang Vinh, xây dựng Trạm điện Tích Lương, Đán, xây cầu Phúc Triu..., đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Đến năm 1988, thành phố đã xây dựng quy hoạch tổng thể các phường, xã, hình thành các cụm dân cư.

Nhìn chung bộ mặt đô thị của thành phố đã có nhiều khởi sắc, nhưng vẫn còn một số mặt khó khăn. Công tác quản lý, xây dựng đô thị còn nhiều mặt yếu kém. Hệ thống đường giao thông nội, ngoại thành xuống cấp chậm được sửa chữa, nâng cấp do thiếu kinh phí...

Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, thành phố Thái Nguyên là một trong những đơn vị đạt được nhiều thành tích. Là địa bàn đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, dân cư đông, nhiều thành phần phức tạp cư trú hoặc qua lại, các vụ việc hình sự và tiêu cực có những lúc tăng lên, nhưng nhìn chung tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội thành phố vẫn được giữ vững và có chiều hướng tiến bộ, nhất là những tháng cuối năm 1988.

Trong những năm 1986 - 1988, công tác quân sự địa phương có nhiều chuyển biến tích cực. Chế độ trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì nghiêm túc. Các đợt diễn tập đều đạt kết quả cao. Việc xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên, triển khai công tác sẵn sàng chiến đấu đều được thực hiện có chất lượng tốt. Công tác tuyển quân đều hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.

Tất cả những thành tựu và hạn chế trên mọi lĩnh vực hoạt động của thành phố trong 3 năm (1986 - 1988) đều không tách rời vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trực tiếp là của Thành ủy. Từ trong hoạt động thực tiễn phong phú và đầy thử thách, theo tinh thần đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, Đảng bộ thành phố từng bước trưởng thành trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, bằng những chủ trương và biện pháp đúng đắn nhằm giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, Đảng bộ thành phố có một bước đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế. Đảng bộ các phường: Gia Sàng, Quán Triều, Trung Vương, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ... vừa là những điển hình lãnh đạo làm kinh tế giỏi, vừa là những Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Để đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng, việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức lý luận và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Trong thời gian này, Trường Đảng thành phố, bằng nhiều hình thức thiết thực, đã mở 12 lớp học cho các đối tượng với gần 1.300 học viên; đồng thời duy trì lớp lý luận trung cấp cho trên 60 học viên.

Việc đấu tranh tự phê bình và phê bình, làm trong sạch nội bộ Đảng được đẩy mạnh thường xuyên. Việc học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh ủy được kịp thời. Thông qua học tập, bồi dưỡng, chất lượng toàn diện của cán bộ, đảng viên trong

Đảng bộ được nâng dần lên. Tính đến cuối năm 1988, Đảng bộ thành phố có 135 chi, đảng bộ trực thuộc, với tổng số 9.813 đảng viên, trong đó có 95% số đảng viên đủ tư cách. Số chi, đảng bộ yếu kém đã được thanh toán, 85 đảng bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn *Đảng bộ trong sạch, vững mạnh*. Đảng bộ thành phố được Tỉnh ủy Bắc Thái đề nghị Trung ương Đảng công nhận *Đảng bộ trong sạch, vững mạnh*.

Qua đại hội đảng bộ các cấp, không khí dân chủ, thẳng thắn trong bàn bạc, thảo luận và bầu cử được thể hiện rõ, là nét mới trong sinh hoạt Đảng. Gần 49% số cấp ủy viên trong đảng bộ cơ sở đã được thay mới, được trẻ hóa. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ thành phố được nâng lên rõ rệt.

Bên cạnh những bước tiến mới, trong Đảng bộ vẫn còn một bộ phận đảng viên chưa thực sự phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, thậm chí còn thoái hóa, biến chất. Chế độ sinh hoạt ở nhiều chi bộ chưa đi vào nề nếp. Nội dung sinh hoạt chi bộ còn nghèo, chưa tập trung vào bàn bạc, giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội ở địa phương. Công tác kiểm tra Đảng ở một số cơ sở bị buông lỏng. Công tác phát triển Đảng ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức. Một số cơ sở có tình trạng mất đoàn kết kéo dài. Hiện tượng vi phạm kỉ luật Đảng đến mức phải xử lí còn nhiều. Trong gần 2 năm (10/1986 - 3/1988), đã có 204 đảng viên bị thi hành kỉ luật, trong đó có 60 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng⁽¹⁾.

Hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng từng bước được đổi mới cho phù hợp với cơ chế quản lí mới. Ủy ban nhân dân ở một số phường, xã hoạt động có hiệu quả cao. Tình hình kinh tế, xã hội ở những đơn vị này đều phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần XI*. Tháng 3/1989, tr.10, 11.

Hội đồng nhân dân các cấp đi dần vào hoạt động theo quy chế, từng bước nâng cao vai trò, chức năng là cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương. Tuy nhiên, bộ máy chính quyền các cấp chưa thực hiện được chức năng quản lý toàn diện, chưa mạnh dạn đổi mới phương thức hoạt động. Vai trò của Hội đồng nhân dân chưa được phát huy theo luật định.

Mặt trận Tổ quốc thành phố làm tốt vai trò đoàn kết, động viên toàn dân tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, động viên nhân dân mua công trái, gửi tiền tiết kiệm, chống tiêu cực, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Liên đoàn Lao động thành phố đã hướng hoạt động vào việc động viên, giáo dục người lao động tích cực hưởng ứng 3 chương trình kinh tế.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố tiếp tục phát huy vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất và các hoạt động khác, có nhiều đóng góp tích cực đối với phong trào thiếu niên, nhi đồng làm theo *5 điều Bác Hồ dạy*. Hệ thống tổ chức Đoàn ở cơ sở được củng cố, góp phần đáng kể trong phong trào thi đua *Hai tốt* ở các trường học, cũng như trong phong trào áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố phát huy tốt vai trò của hội viên trong việc thực hiện 3 chương trình kinh tế. Nhiều điển hình tốt xuất hiện trên các lĩnh vực chăn nuôi, làm hàng xuất khẩu, thi đua cây hết diện tích, đẩy mạnh chăm bón đạt năng suất cao trong nông nghiệp cũng như trong cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và nuôi dạy con ngoan.

Hội Nông dân thành phố chủ động phối hợp cùng các ngành, các cấp triển khai thực hiện cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp; động viên, giáo dục hội viên đẩy mạnh sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Nét nổi bật trong hoạt động của các đoàn thể quần chúng là tính công khai, tinh thần dân chủ. Điều đó đã khơi dậy và phát huy tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của quần chúng. Bên cạnh đó, hoạt động của các đoàn thể quần chúng có nơi, có lúc chưa theo kịp yêu cầu. Một số tổ chức còn lúng túng trong phương thức hoạt động.

Như vậy, trong gần 3 năm thực hiện đổi mới, dù còn nhiều hạn chế, thiếu sót, nhưng những mục tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ X đề ra đã hoàn thành. *“Nhiều nhân tố mới với cách làm ăn năng động, sáng tạo đã xuất hiện... Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh phát triển khá. Trong nông nghiệp đã chấm dứt tình trạng bao cấp tràn lan, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa... Thị trường được cởi mở, giao lưu hàng hóa được thông suốt...”*⁽¹⁾. Đảng bộ thành phố được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Đó chính là những nhân tố mới rất quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục phấn đấu đi lên trong chặng đường tiếp theo.

Vào năm cuối cùng của thập kỉ 80, tình hình quốc tế có nhiều chuyển biến quan trọng. Các nước trong khối Thị trường chung châu Âu (EEC) lớn mạnh nhanh chóng. Trong khi đó, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng, đi tới tan rã và sụp đổ.

Ở trong nước, sau hơn 2 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, nhân dân ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần bước đầu hình thành, vận động theo cơ chế thị trường có sự tham gia quản lí của Nhà nước. Lạm phát được kiềm chế, góp phần giảm bớt khó khăn

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần XI*. Tlđd, tr.12.

về đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động còn thiếu việc làm, đời sống của những người hưởng lương và đời sống của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Văn hóa - giáo dục còn có mặt xuống cấp, tiêu cực xã hội vẫn diễn biến phức tạp...

Tại thành phố Thái Nguyên, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X, công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa theo tinh thần đổi mới đạt được nhiều kết quả quan trọng. Bộ mặt kinh tế - xã hội của thành phố có nhiều chuyển biến theo chiều hướng phát triển đi lên. Song, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn gay gắt cần tiếp tục được khắc phục...

Tất cả tình hình trên tác động đến tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XI được tổ chức (từ ngày 29 đến ngày 30/3/1989). Tham dự Đại hội, có 286 đại biểu thay mặt cho 10.241 đảng viên sinh hoạt tại 136 chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, Đại hội khẳng định: *“Hơn 2 năm qua, ... Đảng bộ và nhân dân thành phố đã phấn đấu nỗ lực, vượt qua những thử thách, khó khăn gay gắt, là thời kỳ đấu tranh quyết liệt giữa cái cũ và cái mới, giành được những thành tích quan trọng trên nhiều mặt, có thêm nhiều bài học kinh nghiệm, tạo tiền đề cho bước đi những năm tới...”*⁽¹⁾.

Đại hội cũng vạch rõ những mặt hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ: *“Kinh tế chưa phát triển cân đối. Mặt hàng mới có giá trị của công nghiệp, thủ công nghiệp... còn ít. Một số mục tiêu đề ra chưa thực hiện được... Nhiều người còn chưa có việc làm,*

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XI*. Số 01/NQ-TU, ngày 30/3/1989, tr.1.

đời sống của nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, những người về hưu còn nhiều khó khăn, thị trường còn rối ren, phạm pháp hình sự còn nhiều. Công tác quản lý đô thị còn nhiều mặt yếu...”⁽¹⁾.

Trên cơ sở đánh giá tình hình, chỉ rõ những nguyên nhân của thành tích và khuyết điểm, Đại hội nhất trí thông qua mục tiêu tổng quát đến năm 1992:

- Kiên quyết khắc phục sự bảo thủ, trì trệ cả trong nhận thức, tư duy và hành động...; mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở, mở rộng liên doanh, liên kết, chuyển nền kinh tế trên địa bàn thành phố thành nền kinh tế hàng hóa phong phú, đa dạng và năng động; tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện cho được 3 chương trình kinh tế: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Ổn định từng bước đời sống nhân dân, trước hết đối với công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, các đối tượng chính sách...; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa...

- Thực hiện tốt cuộc vận động *Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao hiệu lực hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố và cơ sở, phân rõ chức năng quản lý nhà nước với sản xuất kinh doanh.

- Đổi mới hoạt động của các tổ chức quần chúng; tổ chức, động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, tham gia thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI (nhiệm kỳ 1989 - 1992), gồm 35 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XI*. Số 01-NQ/TU, ngày 30/3/1989, tr.1.

Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 11 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngọc Yến được bầu giữ chức Bí thư⁽¹⁾; các đồng chí: Bùi Xuân Hùng và Nguyễn Văn Lạc được bầu giữ chức Phó Bí thư Thành ủy. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy gồm 8 ủy viên, do đồng chí Đào Xuân An làm Chủ nhiệm.

Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI là một sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của thành phố Thái Nguyên. Nghị quyết của Đại hội là định hướng quan trọng cho toàn Đảng bộ và nhân dân thành phố phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi mặt công tác, tạo nên sự chuyển biến mới của thành phố khi bước vào thập kỉ 90.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được coi là mặt trận hàng đầu. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, Thành ủy chủ trương tập trung sự chỉ đạo vào việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng *Về đổi mới quản lí kinh tế nông nghiệp*, hướng dẫn các hợp tác xã đi vào sản xuất, kinh doanh tổng hợp; thương mại hóa các vật tư nông nghiệp chủ yếu, phục vụ cho tất cả các thành phần kinh tế.

Được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng và chính quyền, sản xuất nông nghiệp của thành phố trong 2 năm (1989 - 1990) có nhiều chuyển biến rõ nét. Diện tích, sản lượng và năng suất cây trồng tăng lên đáng kể. Tính đến cuối năm 1989, tổng diện tích cây lúa toàn thành phố là 5.347,8 ha; riêng diện tích lúa mùa đạt 3.450 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 17.291 tấn. Diện tích trồng màu và cây công nghiệp đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Bước sang năm 1990, dù thời tiết diễn biến phức tạp, diện tích cây lúa vẫn đạt 5.351 ha (vượt 1% kế hoạch). Một số cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày tăng lên khá nhanh. Diện tích trồng khoai lang lên tới 1.191 ha, vượt

⁽¹⁾ Từ năm 1991, đồng chí Phan Thế Ruê giữ chức vụ Bí thư Thành ủy thay đồng chí Nguyễn Ngọc Yến.

138% kế hoạch và vượt 600ha so với cùng kì năm trước; rau xanh vượt 19% kế hoạch... Tuy nhiên, do bị ngập lụt và sâu bệnh phá hoại, làm mất trắng 446 ha (chiếm 8,7% tổng diện tích gieo trồng), nên năng suất lúa chỉ đạt 20,23 tạ/ha một vụ (bằng 73,56% kế hoạch), sản lượng đạt 13.175 tấn (hụt 3.825 tấn so với chỉ tiêu Đại hội đề ra)⁽¹⁾. Diện tích trồng ngô đông chỉ đạt 23,5% kế hoạch; đỗ, lạc đạt từ 60% đến 70% kế hoạch⁽²⁾.

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được giữ vững, không có tình trạng tranh chấp ruộng đất, đòi ruộng ông cha. Kinh tế vườn đồi phát triển theo hướng VAC. Việc trồng rừng theo *Chương trình PAM* có nhiều chuyển biến tích cực. Tính đến năm 1990, diện tích trồng rừng đạt 787,85 ha, vượt 12% so với kế hoạch.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được giữ vững. Đến năm 1990, tổng đàn trâu, bò của thành phố là 8.417 con (vượt 7% kế hoạch). Riêng đàn lợn bị giảm sút do giá lương thực và thức ăn gia súc tăng, tỉ giá trao đổi thịt lợn với các mặt hàng tiêu dùng khác giữa ngành Thương nghiệp và nông dân không hợp lí.

Các ngành sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong những năm 1989 - 1990 vẫn gặp khó khăn do thiếu vốn, hàng ngoại tràn vào chiếm ưu thế trên thị trường thành phố. Mặt khác, các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng chưa theo kịp yêu cầu khi bước vào thực hiện cơ chế mới. Trong hoàn cảnh ấy, hầu hết các cơ sở sản xuất đều thua lỗ, hoạt động cầm chừng, thậm chí ngừng sản xuất, sáp nhập hoặc giải thể, công nhân thiếu việc làm. Tuy vậy, một số xí nghiệp công nghiệp và hợp tác xã thủ công nghiệp, với tính năng động, biết vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố, từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất, kinh doanh có lãi, hoàn thành kế hoạch và nộp ngân sách cao, đời sống

(1), (2) Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1990*. Số 04/BC-TP, ngày 1/2/1991, tr.1.

người lao động được cải thiện. Trong số đó, điển hình là Hợp tác xã Cộng Lực, Hợp tác xã mảnh Tiền Phong, Xí nghiệp Gỗ Bắc Hà, Xí nghiệp Thủy tinh Dân Chủ. Đến năm 1990, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp là 93.082.000 đồng (đạt 73,5% kế hoạch).

Hoạt động thương nghiệp của thành phố tiếp tục mở rộng và phát triển theo hướng chỉ đạo của Đảng bộ. Nhằm khắc phục những tồn tại trên mặt trận phân phối, lưu thông, thúc đẩy sản xuất phát triển, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI (3/1989) nêu rõ: *“Không bù lỗ cho các công ty kinh doanh (kể cả Công ty Lương thực, Công ty Ngoại thương thành phố). Chuyển toàn bộ hoạt động thương nghiệp sang hạch toán kinh doanh... các công ty xuất, nhập khẩu phải đầu tư trực tiếp vào sản xuất và khai thác hàng xuất khẩu... Phải vươn lên khai thác tổng hợp các nguồn hàng mở rộng liên kết liên doanh với các đơn vị sản xuất và kinh doanh...”*⁽¹⁾. Đại hội còn nhấn mạnh: *“Các thành phần kinh tế bình đẳng trong kinh doanh trên thị trường theo đúng pháp luật và chính sách Nhà nước quy định...; khuyến khích cạnh tranh lành mạnh nhằm đáp ứng tốt nhu cầu xã hội, xóa bỏ các hình thức kinh doanh trá hình. Chống làm và tiêu thụ hàng giả, hàng lậu. Tiếp tục mở cửa thị trường, giao lưu hàng hóa, liên kết chặt chẽ với các tỉnh và các ngành trong cả nước hỗ trợ sản xuất, khai thác nguồn hàng hóa phục vụ nhu cầu thành phố. Tăng cường các hoạt động dịch vụ buôn bán, tạo nên thị trường thành phố đa dạng, phong phú... Khuyến khích các đơn vị, cá nhân mang vật tư, lương thực về thành phố nhằm nâng cao số lượng và chất lượng hàng hóa tiêu dùng trên địa bàn...”*⁽²⁾.

(1) Theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI... Tlđđ, tr.20, 21.

(2) Theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI... Tlđđ, tr.20, 21.

Thực hiện phương hướng do Đại hội Đảng bộ lần thứ XI đề ra, trong những năm 1989 - 1990, với việc mở cửa thị trường, xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, hàng hóa trên địa bàn thành phố ngày càng phong phú, đa dạng, giá cả tương đối ổn định, thuận lợi cho việc mua bán. Năm 1990, Công ty Quản lý và dịch vụ chợ được thành lập, nhanh chóng đi vào hoạt động. Chợ Trung tâm được cải tạo. Một số phường, xã (Quán Triều, Tân Long, Hương Sơn, Phú Xá...) chủ động huy động vốn xây dựng chợ trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán ngày càng tăng của nhân dân. Cùng thời gian này, hệ thống thương nghiệp quốc doanh đã chuyển hẳn sang cơ chế khoán, kinh doanh có lãi, vừa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, vừa hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Một số hợp tác xã mua bán do kinh doanh kém hiệu quả, bị thua lỗ, phải giải thể hoặc chuyển hình thức kinh doanh.

Năm 1989 là năm đầu tiên thành phố Thái Nguyên được phân cấp tự cân đối ngân sách trên địa bàn. Cũng do đó, trong thời gian đầu, công tác tài chính gặp nhiều khó khăn, thu không đủ chi, chi trả lương không kịp thời, có lúc phải đi vay để trả lương cho cán bộ, công nhân viên. Nhưng nhờ có sự nỗ lực cao độ, ngành Tài chính thành phố nhanh chóng vượt qua khó khăn ban đầu và từ cuối năm 1989, về cơ bản đã tự cân đối được thu, chi ngân sách. Tổng thu ngân sách năm 1990 là 3,5 tỉ đồng, vượt 16% kế hoạch và tăng 51% so với năm 1989⁽¹⁾.

Cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, văn hóa, công tác quản lý đô thị và xây dựng cơ bản trong những năm 1989 - 1990 cũng có nhiều chuyển biến mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI. Đây là thời gian tiếp tục triển khai thực hiện bước 2 Chỉ thị 06 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập lại trật tự kỉ cương

⁽¹⁾ Theo: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XII*. Tháng 3/1993, tr.17.

xây dựng và quản lí đô thị. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết của các cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành chức năng, nên đến năm 1990, về cơ bản thành phố đã hoàn thành việc giải phóng các lề đường; trên cơ sở đó tiến hành quy hoạch các khu dân cư, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, mở rộng các trục đường nội, ngoại thành.

Với phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, bằng các nguồn vốn huy động, thành phố đầu tư khoảng 2,5 tỉ đồng vào việc cải tạo, nâng cấp một số trục đường chính khu vực nội thành, đường vào Nghĩa trang Dốc Lim; nâng cấp Vườn hoa Sông Cầu, khảo sát thiết kế chợ Trung tâm; san ủi đồi Két Nước mở rộng đoạn đường phía nam đầu cầu Gia Bầy và tạo mặt bằng xây dựng khu dân cư tại khu vực này. Công trình Nhà Văn hóa thiếu nhi thành phố sau nhiều năm ách tắc, đã được đầu tư xây dựng với số vốn trên 300 triệu đồng. Cùng thời gian này, thành phố đã hoàn thành xây dựng 7 trạm biến thế và một số tuyến đường dây tải điện phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân. Bộ mặt thành phố từng bước khởi sắc.

Tuy nhiên, công tác quản lí đô thị và xây dựng cơ bản vẫn còn nhiều hạn chế. Một số công trình thi công chậm; việc quản lí lề đường, cống rãnh thoát nước ở đường phố và các khu dân cư chưa tốt; cảnh quan môi trường chưa đẹp và chưa đảm bảo vệ sinh. Việc phân cấp quản lí giữa tỉnh với thành phố; giữa thành phố với phường, xã chưa rõ ràng, nên một số tuyến đường xuống cấp nhanh chưa được đầu tư sửa chữa.

Văn hóa - Giáo dục - Y tế là những mặt công tác thường xuyên được Đảng bộ thành phố quan tâm. Đầu nhiệm kỳ, hệ thống trường lớp của thành phố vẫn chưa ổn định, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Một bộ phận giáo viên còn yếu về chuyên môn, không an tâm dạy học. Tư cách, phẩm chất của người thầy giáo có nơi, có lúc bị lu

mờ. Hiện tượng lười học, phạm pháp hình sự, tiêu cực xã hội ở lứa tuổi học sinh có chiều hướng tăng lên. Công tác phổ cập cấp I, xóa mù chữ chưa được thường xuyên... Đến năm 1989, thành phố vẫn còn gần 100 người mù chữ.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 4/9/1989, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 01/NQ-TP *Về công tác giáo dục 1989 - 1990*. Nghị quyết xác định: *“Tiếp tục củng cố, ổn định và phát triển sự nghiệp giáo dục phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội theo hướng đổi mới với trọng tâm là tiếp tục điều chỉnh cải cách giáo dục, kiên quyết xóa mù chữ, thực hiện phổ cập cấp I,... Đổi mới phương pháp dạy và học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trên các mặt chính trị, đạo đức, văn hóa, khoa học và giáo dục lao động kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn hóa, đa dạng hóa các loại trường học. Phấn đấu giữ vững là đơn vị dẫn đầu về công tác giáo dục của tỉnh”*.

Quán triệt Nghị quyết 01 của Ban Thường vụ Thành ủy, vượt qua nhiều khó khăn, các trường phổ thông giữ vững nền nếp dạy và học. Công tác đào tạo trong các trường chuyên nghiệp bắt đầu chuyển theo hướng đa dạng. Hầu hết các trường, nhất là các trường kỹ thuật đều mở rộng hệ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các thành phần kinh tế... Một số trường chuyên nghiệp mở thêm ngành, nghề, sản xuất hàng hóa, hoạt động dịch vụ, thương mại, góp phần cải thiện đời sống của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Để nhanh chóng xóa bỏ tình trạng học ca 3 và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, Thành ủy tập trung lãnh đạo tăng cường cơ sở vật chất của các trường học. Ngân sách dành cho sự nghiệp giáo dục trong năm 1990 trên 1,5 tỉ đồng, trong đó có 250 triệu đồng dành cho việc mua sắm bàn, ghế và xây dựng phòng học. Nhờ vậy, từ chỗ

có 43 lớp phải học ca 3 đầu năm học, cuối năm học chỉ còn 12 lớp. Ngành học Phổ thông đã quy hoạch mạng lưới trường, lớp, xây dựng và nâng cao chất lượng mô hình trường chuyên, lớp chọn. Ngành học Mầm non chuyển biến rõ rệt theo hướng đa dạng hóa loại hình nhà trẻ, phù hợp với cơ chế quản lý mới. Công tác bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho giáo viên được coi trọng. Đội ngũ thầy, cô giáo dạy giỏi, học sinh giỏi ngày một tăng. Công tác xóa mù chữ và phổ cập cấp I được chú trọng. Tính đến tháng 4/1990, cả 24 phường, xã được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp I.

Ngành Văn hóa - Thông tin tiếp tục duy trì nền nếp hoạt động. Phối hợp với các ngành, các đoàn thể, ngành Văn hóa - Thông tin thành phố tổ chức tốt các hoạt động trong các ngày lễ kỉ niệm, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thông qua các hình thức tuyên truyền, cổ động, mở rộng mạng lưới truyền thanh đến các phường, xã, ngành Văn hóa - Thông tin đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, mê tín dị đoan, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Phong trào văn hóa, văn nghệ ở một số cơ sở vẫn được duy trì. Nhiều đội văn nghệ, nhiều nhóm ca khúc hoạt động có hiệu quả. Các nhà văn hóa, câu lạc bộ cũng được đổi mới về phương thức hoạt động. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp được củng cố một bước về tổ chức, mạnh dạn đầu tư chiều sâu, nâng cao trình độ dàn dựng và biểu diễn.

Chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân thành phố. Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI nhấn mạnh cần phải chủ động phòng các bệnh xã hội, nhất là các bệnh của trẻ em; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế Nhà nước đi đôi với mở rộng các

hình thức dịch vụ, chăm sóc tốt sức khỏe nhân dân; đầu tư xây dựng Trung tâm sinh đẻ có kế hoạch của thành phố.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, ngành Y tế thành phố có nhiều cố gắng trong việc tổ chức phòng, chữa bệnh. Mạng lưới y tế từ thành phố xuống các cơ sở phường, xã được củng cố và kiện toàn. Các trạm xá phường, xã được tăng cường cán bộ y tế. Cơ sở vật chất và các phương tiện khám, chữa bệnh ở nhiều trạm xá được trang bị khá đầy đủ. Việc tiêm phòng dịch bệnh hằng năm được duy trì. Riêng trong năm 1990, Ngành đã tổ chức khám và chữa bệnh cho hơn 85.000 lượt người, tiêm phòng cho 3.107 cháu, đạt 85,13% số các cháu trong độ tuổi tiêm phòng. Ngành Y tế thành phố còn phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tổ chức tốt chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Công tác quốc phòng toàn dân tiếp tục được đẩy mạnh. Cơ quan quân sự các cấp từ thành phố xuống các phường, xã đều duy trì tốt chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến; thực hiện tốt công tác tổ chức và huấn luyện quân sự hằng năm. Hầu hết các phường, xã đều có sĩ quan tăng cường cơ sở, đảm nhận công tác quân sự. Toàn thành phố có 112 đơn vị, cơ quan, xí nghiệp xây dựng được phương án chiến đấu tại chỗ. Các đợt diễn tập đều đạt kết quả tốt. Các đợt tuyển quân luôn hoàn thành chỉ tiêu được giao, thực hiện đúng luật định. Riêng năm 1990, thành phố đã tổ chức 2 đợt, tuyển được 500 thanh niên vào bộ đội, đồng thời mở 3 lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ dân quân, tự vệ và cán bộ xã, phường.

Thành phố Thái Nguyên có mật độ dân cư và lưu lượng người qua lại ngày càng lớn, tập trung nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Do vậy, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố luôn diễn biến phức tạp, có lúc gay gắt. Trong những năm 1989 - 1990, tệ nạn xã hội cùng các vụ trộm cắp,

phạm pháp hình sự tăng nhanh. Năm 1990, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 616 vụ phạm pháp, tăng 9 vụ so với năm 1989. Tai nạn, tệ nạn xã hội trong năm 1990 cũng lên tới 210 vụ, tăng 70 vụ so với năm trước.

Trước tình trạng trên, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và chính quyền, thực hiện Chỉ thị số 135 của Hội đồng Bộ trưởng, lực lượng công an thành phố tăng cường tấn công truy quét tội phạm. Riêng trong năm 1990, công an thành phố liên tục mở 6 đợt tấn công truy quét bọn tội phạm hình sự, điều tra, khám phá được 344 vụ/616 vụ, bắt giữ 35 đối tượng có lệnh truy nã, khám phá nhiều ổ nhóm trộm cắp, thu hồi 280 triệu đồng.

Tuy nhiên, do tình hình quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, nên các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố vẫn có chiều hướng tăng lên. Vì vậy, vấn đề giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trở thành một trong những mục tiêu công tác hàng đầu của Đảng bộ thành phố trong những năm tiếp theo.

Nhận rõ sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, Thành uỷ đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo công cuộc đổi mới. Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI chỉ rõ: *“Công tác Đảng phải gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, gắn với việc khoán thu ngân sách ở các cơ sở; cải tiến sinh hoạt của các cấp uỷ theo hướng thực sự dân chủ nhằm tập trung tốt nhất trí tuệ của các cấp uỷ viên. Tập trung sức củng cố cơ sở đảng theo quan điểm đổi mới về cơ chế quản lý, kiện toàn các ban tham mưu của Đảng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ chuyên viên; thiết lập và cải tiến hệ thống thông tin kinh tế đáp ứng yêu cầu phục vụ lãnh đạo, thực hiện lãnh đạo có kiểm tra...”*.

Nhằm nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và quần chúng, Thành ủy thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho mọi người hiểu sâu sắc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương. Mọi chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy được kịp thời triển khai học tập trong Đảng và quần chúng. Từ đầu năm 1990, Thành ủy đã duy trì hội nghị báo cáo viên hằng tháng. Nhiều cơ sở làm tốt công tác thông tin thời sự chính sách cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Riêng năm 1990, Đảng bộ thành phố đã lãnh đạo và tổ chức hơn 1.200 buổi nói chuyện thời sự và học tập các nghị quyết của Đảng cho gần 61.000 lượt người.

Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên được chú trọng. Cùng với việc tiếp tục mở các lớp học cho các đối tượng được phân cấp quản lý, góp phần nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ đương chức và cán bộ dự bị, trong giai đoạn này, Trường Đảng thành phố đã tổ chức 2 lớp bồi dưỡng về quản lý kinh tế và công tác xây dựng Đảng cho 145 học viên là cấp ủy viên mới ở cơ sở.

Công tác kiểm tra của Đảng bộ trong thời gian này tiếp tục tập trung vào việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng* và Quyết định số 240 của Hội đồng Bộ trưởng về chống tham nhũng.

Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ và kiên quyết của Ban Thường vụ Thành ủy, công tác kiểm tra thu được kết quả tốt. Đến năm 1990, Đảng bộ thành phố đã có 100% cơ sở đảng được hướng dẫn quy trình tiến hành công tác kiểm tra đảng viên chấp hành *Điều lệ Đảng*; 101 cơ sở tiến hành hoàn chỉnh các bước với 7.906 đảng viên được kiểm tra. Trong đó, số đảng viên chấp hành tốt *Điều lệ Đảng* chiếm 88%, số chấp hành chưa tốt 9% và số vi phạm là 2%.

Việc giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại được tiến hành khẩn trương, thận trọng, dân chủ, không có sai sót lớn. Năm 1990, Thành ủy đã giải quyết được 91,67% số đơn, thư khiếu tố và 100% đơn khiếu nại. Kết quả đó góp phần nâng cao uy tín của Đảng trong quần chúng.

Song song với việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị và phẩm chất, tư cách đảng viên, việc xây dựng Đảng về tổ chức cũng được đẩy mạnh. Công tác phát triển Đảng được coi trọng; trong 2 năm (1989 - 1990), Đảng bộ kết nạp được 324 quần chúng ưu tú vào Đảng. Việc xem xét kỉ luật đối với đảng viên vi phạm cũng được tiến hành nghiêm túc và kịp thời. Trong 9 tháng đầu năm 1989, Thành ủy đã xử lí kỉ luật 41 đảng viên; trong đó có 3 trường hợp bị khai trừ, 16 trường hợp bị xóa tên trong danh sách đảng viên⁽¹⁾.

Được quan tâm xây dựng trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, nên dù tình hình thế giới và trong nước có nhiều sự kiện tác động xấu đến mọi mặt đời sống xã hội, nhưng nhìn chung đa số đảng viên trong Đảng bộ thành phố vẫn kiên định lập trường, có thái độ rõ ràng, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ vẫn được củng cố và phát triển, phát huy được vai trò lãnh đạo đối với mọi hoạt động ở cơ sở và đơn vị. Đến cuối năm 1990, toàn Đảng bộ có 52,6% tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, 37,6% tổ chức cơ sở đảng khá và 9,8% tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

Việc nâng cao hiệu lực quản lí của bộ máy chính quyền Nhà nước là một nội dung quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng. Nhận thức rõ điều đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI nhấn mạnh việc tăng cường củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp; trước mắt là tập trung củng cố, xây dựng bộ máy các phường, xã thành một cấp quản lí nhà nước toàn diện. Bộ máy các phòng, ban

⁽¹⁾ Thành ủy Thái Nguyên: *Thông báo Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố kì họp lần thứ 4 (khóa XI)*. Số 27/TB-TP, ngày 18/10/1989, tr.7.

tham mưu của Ủy ban nhân dân thành phố và các công ty, xí nghiệp phải được sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ, hiệu lực cao; kiên quyết cắt bỏ những khâu trung gian không thiết thực, cắt giảm mạnh biên chế hành chính, chuyển lực lượng này sang lĩnh vực sản xuất dịch vụ...

Theo phương hướng trên, được sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, bộ máy chính quyền từ thành phố xuống các phường, xã từng bước được củng cố và kiện toàn. Năm 1989, thành phố đã điều chỉnh ổn định tổ chức của Phòng Xây dựng và Công ty Quản lý công trình đô thị.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đi vào nề nếp, nhịp nhàng, đúng chức năng. Công tác quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân từ thành phố xuống cơ sở ngày càng hiệu quả, tập trung giải quyết dứt điểm nhiều nhiệm vụ trọng tâm trước mắt. Ủy ban nhân dân các cấp đã chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, giảm bớt sự can thiệp sâu vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Tuy nhiên, hội đồng nhân dân ở một số phường, xã còn bộc lộ sự lúng túng, chưa làm hết chức năng, nhất là chức năng giám sát. Hoạt động của Ủy ban nhân dân ở một số nơi còn nặng về sự vụ, chưa làm tốt chức năng quản lý.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng trong thời gian này có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Mỗi đoàn thể đều chủ động xác định được phương thức hoạt động thích hợp với đối tượng của mình; đồng thời tập trung chỉ đạo và kiểm tra, khắc phục một phần tình trạng hô hào chung chung như những năm trước. Một số tổ chức quần chúng biết gắn việc phát động thi đua nhân dịp các ngày lễ kỉ niệm lớn trong năm với việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề giáo dục truyền thống, giáo dục lòng tự hào dân tộc.

Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố thường xuyên có các phong trào thi đua thiết thực, nổi bật là phong trào *Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế*

gia đình, nuôi dạy con ngoan, góp phần giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học.

Thành Đoàn có nhiều cố gắng khắc phục sự yếu kém của tổ chức Đoàn cơ sở đã từng kéo dài trong nhiều năm trước đó. Ban Thường vụ Thành Đoàn chủ động tham mưu cho cấp ủy có định hướng mới về công tác lãnh đạo Đoàn Thanh niên. Hoạt động của các tổ chức đoàn cơ sở ở nhiều xí nghiệp, trường học đi dần vào nền nếp, phát huy được vai trò xung kích trong lao động sản xuất, học tập và công tác.

Những kết quả đạt được và hạn chế, thiếu sót trong thời kì 1986 - 1990 giúp cho Đảng bộ có thêm kinh nghiệm để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mặt công tác trên chặng đường tiếp theo.

II- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng thành phố phát triển toàn diện, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh (1991 - 1996)

Sau 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với biến đổi của đất nước, thành phố Thái Nguyên đã có những bước tiến rõ rệt trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Song, những khó khăn, yếu kém vẫn còn nhiều, đòi hỏi phải tiếp tục được giải quyết.

Ngày 8/2/1991, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tổ chức Hội nghị lần thứ 8 nhằm đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ chính trị của thành phố trong năm 1991. Hội nghị nhận định: Bước sang năm 1991, những khó khăn về kinh tế - xã hội vẫn chưa giảm, thậm chí có một số mặt còn gay gắt hơn. Do đó, tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ là giữ vững và ổn định tình hình mọi mặt, chủ động khai thác các điều kiện thuận lợi, tiềm năng sẵn có của địa phương. Các cơ sở phải năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, từng bước khôi phục nhịp độ phát triển sản xuất, tích cực giải quyết việc làm cho người lao động, ổn định đời sống nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo tiền đề

vững chắc cho những năm sau. Trên cơ sở đó, Hội nghị nêu lên một số nhiệm vụ lớn của thành phố trong năm 1991.

Về kinh tế, trước hết là sản xuất nông - lâm nghiệp, Thành ủy chủ trương cần cung cấp đầy đủ vật tư (phân bón, thuốc trừ sâu) hướng dẫn nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất; hoàn chỉnh một bước hệ thống thủy lợi, khuyến khích nông dân các xã trồng các loại cây màu có giá trị kinh tế cao. Thành ủy chủ trương sắp xếp và củng cố hệ thống dịch vụ nông nghiệp, hình thành các cụm dịch vụ ở từng khu vực để kịp thời phục vụ sản xuất và chăn nuôi; tăng cường công tác chỉ đạo, từng bước kí kết hợp đồng dịch vụ và bảo hiểm vật nuôi, cây trồng giữa người sản xuất với công ty dịch vụ; cải tạo mạng lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh trồng rừng theo *Chương trình PAM*.

Về sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Thành ủy chủ trương sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh trên địa bàn theo hướng vừa bảo đảm ổn định để phát triển, vừa mang tính hiệu quả cao và giải quyết việc làm cho người lao động; rà soát lại các cơ sở sản xuất, tiểu thủ công nghiệp và tổ hợp sản xuất, giải thể những cơ sở không còn khả năng phục hồi⁽¹⁾. Các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của thành phố cần tranh thủ sự hỗ trợ của công nghiệp trung ương và của tỉnh trên địa bàn về vật tư, kỹ thuật để nhanh chóng ổn định, phát triển sản xuất.

Về tài chính, thương nghiệp, Thành ủy chủ trương triệt để khai thác nguồn thu, nhất là thu thuế công - thương nghiệp, cân đối ngân sách, tiết kiệm chi, tạm dừng các khoản chi chưa thực sự cần thiết để ưu tiên trả lương, trả trợ cấp bảo hiểm xã hội.

⁽¹⁾ Thời gian này thành phố có các xí nghiệp: Nhựa, Dệt, May (Việt - Xô), Than, Vật liệu xây dựng và 48 hợp tác xã thủ công nghiệp.

Từ nhận thức công tác giáo dục là chiến lược con người, Hội nghị nêu rõ: Dù trong điều kiện nào, ngành Giáo dục thành phố cũng phải giữ vững và nâng cao chất lượng dạy và học; động viên nhân dân đóng góp cùng với Nhà nước xây dựng thêm phòng học, mua sắm thêm bàn ghế. Ngành Giáo dục thành phố cần nghiên cứu sắp xếp lại một số trường phổ thông, mẫu giáo. Các trường chuyên nghiệp, dạy nghề cần đẩy mạnh kết hợp đào tạo với việc tổ chức sản xuất, góp phần tạo ra sản phẩm hàng hóa cho thị trường, đồng thời cải thiện đời sống cho giáo viên, học sinh.

Để đảm bảo việc chăm lo sức khỏe ban đầu cho nhân dân, Thành ủy chủ trương sắp xếp lại hệ thống y tế từ thành phố xuống cơ sở theo hướng tăng cường cán bộ và ngân sách cho y tế phường, xã; quan tâm đến các đối tượng chính sách (người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng sâu, vùng xa); thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỉ lệ tăng dân số xuống 1,24%.

Vấn đề tăng cường quốc phòng, an ninh được coi là một nhiệm vụ trọng tâm do tình hình chính trị trên thế giới và trong nước từ cuối thập kỉ 80 có nhiều diễn biến phức tạp, ít nhiều tác động đến tư tưởng của cán bộ và nhân dân. Mặt khác, với việc đẩy mạnh phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, bên cạnh tác dụng tích cực, cơ chế thị trường cũng chứa đựng không ít mặt tiêu cực, để lại những hậu quả xấu về xã hội, như buôn gian bán lận, chạy theo lợi ích trước mắt, gây tổn hại cho người tiêu dùng và cho nền kinh tế quốc dân. Tiêu cực và tệ nạn xã hội cũng theo đó mà phát triển.

Trước tình hình trên, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố quyết định: Lấy cơ quan quân sự địa phương làm lực lượng nòng cốt, đẩy mạnh cuộc vận động quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh về mọi mặt; tổ chức tốt lực lượng dự bị động viên, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi cần thiết; tổ chức phong

trào toàn dân tham gia bảo vệ trật tự, trị an; truy quét tội phạm, xóa bỏ các tụ điểm nghiện hút, mại dâm...

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa XI) là định hướng cho các cấp ủy đảng và chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong những năm trước mắt.

Tuy nhiên, khi bước vào những năm đầu thập kỉ 90, tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế điên cuồng tấn công vào chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Chúng tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin; tuyên bố sẽ làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới vào năm 1999...

Là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục của tỉnh Bắc Thái; đồng thời là trung tâm khoa học, giáo dục, văn hóa của các tỉnh miền núi phía Bắc, thành phố Thái Nguyên hằng ngày, hằng giờ phải đón nhận nhiều luồng thông tin, từ các nơi đến. Mặt khác, thành phố Thái Nguyên có nhiều cơ sở công nghiệp do Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu giúp đỡ xây dựng. Khi Liên Xô tan rã và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu mạnh cọ, thảm đay, lặc nhân... mất thị trường, lâm vào tình trạng khó khăn. Sản xuất đình đốn, người lao động không có việc làm...

Tất cả tình hình trên đều tác động tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân thành phố. Trong Đảng bộ, một số đảng viên có tư tưởng hoài nghi về chủ nghĩa xã hội, dao động, thậm chí có đảng viên lạc hướng, mất ý chí và xin ra Đảng.

Năm 1991 cũng là năm thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; sâu bệnh phát triển làm cho mùa màng bị thất thu trên 80%. Năng suất lúa bình quân từ 55 tạ/ha trong năm 1990, giảm

xuống còn 5,4 tạ/ha năm 1991. Bình quân lương thực từ 358 kg một người năm 1990; đến năm 1991, chỉ còn 48 kg.

Trong khi đó, các xí nghiệp công nghiệp do thành phố quản lí, sản xuất vẫn đình đốn, thua lỗ kéo dài; công nhân không có việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn. Đa số các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chỉ sản xuất được một vài mặt hàng; sản phẩm hàng hóa đơn điệu, chất lượng kém không tiêu thụ được; đời sống xã viên ngày một giảm sút.

Hoạt động thương nghiệp, dịch vụ nằm trong tình trạng sa sút. Thị trường thương nghiệp quốc doanh bị thu hẹp nghiêm trọng, từ chỗ chiếm khoảng 15% tổng mức bán lẻ trên thị trường thành phố, đến giữa năm 1991, chỉ còn 1,8%. Hệ thống hợp tác xã mua bán đã bộc lộ rõ những mặt yếu kém, bộ máy cồng kềnh, quản lí kinh tế yếu, phân phối ăn chia tùy tiện, thua lỗ triền miên. Hệ thống tín dụng phát triển tràn lan, thiếu kiểm tra chặt chẽ nên dẫn đến vỡ nợ, thâm hụt vốn ở một số nơi; thậm chí có hợp tác xã tín dụng nợ của dân hàng trăm triệu đồng.

Trước tình hình ấy, Ban Chấp hành Đảng bộ, trước hết là Ban Thường vụ Thành ủy, kiên quyết động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trong thành phố đặt niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, nắm vững đường lối đổi mới, dũng cảm, năng động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, vòng 2 (9/1991), các tổ chức đảng từ thành phố xuống đến các phường, xã, xí nghiệp, hợp tác xã đã lãnh đạo, động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng kiên định con đường độc lập

dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định sự nghiệp đổi mới trên mọi lĩnh vực. Nhờ đó, sau 1 năm nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, Đảng bộ kiên trì thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến người lao động, chuyển sản xuất nông nghiệp từ độc canh cây lúa sang sản xuất hàng hóa theo tinh thần Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị và Kết luận số 107 của Ban Thường vụ Thành ủy, kết hợp với giao đất, giao rừng, bảo đảm mọi diện tích đất đều có quản lí và sử dụng.

Tuy vụ chiêm xuân 1991 mất mùa nặng, song nhờ chủ trương đúng của Thành ủy và biện pháp chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố (cho nông dân vay thóc, ứng vật tư, đưa giống mới ngay ngày có năng suất cao vào sản xuất, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính...), việc cải tiến cơ chế quản lí trong các hợp tác xã nông nghiệp được đẩy mạnh theo hướng gọn nhẹ (cán bộ ban quản lí hợp tác xã giảm 60% so với các năm 1989, 1990). Quan hệ sản xuất được củng cố, kinh tế VAC được quan tâm đúng mức. Diện tích gieo trồng cả năm vượt kế hoạch; hệ số sử dụng đất tăng 0,6 lần so với năm 1989. Vụ chiêm xuân thất thu lớn đã được bù đắp nên đời sống nông dân ổn định. Việc trồng rừng theo *Chương trình PAM* vượt 13% so với kế hoạch.

Thành phố đã chuyển mạnh các hoạt động thương nghiệp dịch vụ sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện mở cửa thị trường, xóa bỏ tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”..., làm cho thị trường thành phố hòa nhập với thị trường cả nước. Cũng nhờ đó, mặt hàng trên thị trường thêm phong phú, đa dạng, mua bán thuận tiện, giá cả ổn định; kim ngạch xuất khẩu vượt 9% so với năm 1990.

Do tích cực khai thác nguồn thu, động viên các phường, xã thu đúng, thu đủ, phân cấp ngân sách cho từng xã, từng phường, mở rộng

thị trường, củng cố công tác quản lý thị trường và thuế công thương nghiệp, đưa thêm 90 đối tượng vào diện quản lý; thu thuế thường xuyên, đưa mức thu thuế các doanh nghiệp tư nhân lên bình quân 52.000 đồng/hộ/tháng, nên trong năm 1991, thu ngân sách của thành phố đạt 5,9 tỉ đồng (vượt 68% so với năm 1990). Thành phố đã tự cân đối được thu - chi.

Cùng với các ngành sản xuất, sự nghiệp giáo dục cũng có bước phát triển về chất. Năm học 1990 - 1991, số học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt 95,1% (có 16 trong tổng số 32 trường đạt 100%); học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đạt 97,5% (có 4 trong số 8 trường đạt 100%). Năm 1991 có 24 phường, xã (trong số 25 phường, xã) được công nhận hoàn thành xóa nạn mù chữ.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội được các cấp ủy đảng, chính quyền từ thành phố xuống cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn. Nhìn chung, tình hình chính trị trong năm 1991 được ổn định.

Tình hình trật tự an toàn xã hội do tác động mặt trái của cơ chế thị trường, nên có những diễn biến phức tạp. Một số kẻ xấu lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm trái pháp luật, lôi kéo quần chúng kém hiểu biết làm hậu thuẫn, gây áp lực với chính quyền cơ sở đòi di chuyển, tu bổ, xây dựng nhà thờ, đền, chùa trái với *Luật Đất đai*, trái với quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức tôn giáo đối với Nhà nước đã được quy định trong Hiến pháp. Các tệ nạn cờ bạc, mại dâm, nghiện hút có chiều hướng gia tăng.

Trước tình hình trên, Thành ủy chủ trương lấy lực lượng công an làm nòng cốt, đồng thời phát động quần chúng hưởng ứng phong trào *Vì an ninh Tổ quốc*, đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 135 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), tổ chức nhiều đợt

truy quét tội phạm hình sự, xóa bỏ các tụ điểm mua bán chất ma túy, gá bạc, mại dâm..., góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ trong năm 1991 được triển khai tích cực, bảo đảm đủ số lượng và yêu cầu nâng cao chất lượng. Trong năm này, thành phố tổ chức 3 lớp tập huấn cho 162 cán bộ dân quân, tự vệ. Việc xây dựng khu vực phòng thủ và các phương án kế hoạch sẵn sàng chiến đấu của thành phố thường xuyên được bổ sung hoàn chỉnh; 22 trong tổng số 24 phường, xã đã xây dựng được kế hoạch phòng chống bạo loạn. Công tác động viên tuyển quân vượt chỉ tiêu được giao và thực hiện đúng luật. Riêng đợt 1, thành phố giao 495 tân binh đạt tiêu chuẩn loại A. Năm 1991, thành phố được Bộ Tư lệnh Quân khu I đánh giá là một đơn vị khá toàn diện về công tác quân sự địa phương.

Trong tình hình mới, công tác xây dựng Đảng được đặc biệt chú trọng. Trước khi triển khai tổ chức đại hội các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc, Thành ủy đã mở đợt sinh hoạt chính trị nhằm uốn nắn những quan điểm, tư tưởng sai lệch; định hướng nhận thức, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên quyết chống tư tưởng đa nguyên, đa đảng. Do đó, nhìn chung từ đại hội cấp cơ sở đến Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố (vòng 1 lần thứ XII) đều thể hiện tính nghiêm túc, tinh thần dân chủ công khai trong việc tham gia ý kiến vào dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI trình Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Cùng với việc chỉ đạo các cơ sở tiến hành đại hội, Ban Thường vụ Thành ủy dành thời gian thoả đáng cho công tác kiểm tra đảng viên chấp hành *Điều lệ Đảng*. Đa số đảng viên trong Đảng bộ tự giác kiểm điểm sâu sắc, mạnh dạn nhận rõ khuyết điểm. Trong năm 1991, Đảng bộ đã thi hành kỉ luật 68 đảng viên (tăng 11,7% so với năm 1990), trong

đó có 59 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng (chiếm 86,7% số đảng viên bị kỉ luật); đồng thời kết nạp vào Đảng 57 quần chúng ưu tú.

Hoạt động của bộ máy chính quyền từ thành phố xuống cơ sở tương đối tốt, đã tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương của cấp ủy đảng, nổi bật là tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, cứu đói và các biện pháp hỗ trợ nông dân sản xuất vụ mùa. Nhìn chung, các biện pháp được triển khai nhanh, thiết thực, nhân dân phấn khởi và tin tưởng.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng đã đổi mới phương thức hoạt động, hướng về cơ sở cùng quần chúng bàn bạc, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phong trào, phát triển sản xuất, ổn định xã hội.

Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các đoàn thể, các ngành vận động nhân dân ủng hộ hơn 300 triệu đồng xây Nhà tình nghĩa và Quỹ bảo trợ xã hội. Liên đoàn Lao động cử cán bộ xuống các xí nghiệp bàn biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, đề xuất với tổ chức Đảng và chính quyền quan tâm, giải quyết khó khăn đối với người lao động trong điều kiện sản xuất không ổn định.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tổ chức nhiều cuộc vận động thiết thực đem lại lợi ích cho đoàn viên, hội viên và quần chúng. Hội Cựu chiến binh tuy mới thành lập, nhưng đã tỏ rõ là một tổ chức chính trị - xã hội tin cậy của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong thành phố.

Giữa lúc tình hình có nhiều chuyển biến tích cực, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XII (vòng 2) được triệu tập từ ngày 20 đến ngày 22/1/1992. Tham dự Đại hội, có 270 đại biểu thay mặt cho 10.305 đảng viên của Đảng bộ.

Với phương châm: *Trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỉ cương, đoàn kết*, trên cơ sở quán triệt *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần

thứ VII (6/1991), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (9/1991), Đại hội nhất trí thông qua mục tiêu tổng quát đến năm 1996 là: *“Ổn định và phát triển kinh tế, xã hội với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Hình thành rõ nét cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp - thương mại và dịch vụ. Xây dựng một số vùng kinh tế, ngành kinh tế trọng điểm, tạo ra nhiều sản phẩm mũi nhọn, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trên địa bàn và vươn ra thị trường ngoài nước. Đẩy mạnh quy hoạch và xây dựng đô thị, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, đổi mới hoạt động của các đoàn thể nhân dân. Từng bước xây dựng thành phố có kinh tế phát triển toàn diện, đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh”⁽¹⁾.*

Để đạt được mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra nhiệm vụ và các chỉ tiêu cụ thể cho từng ngành, từng lĩnh vực công tác. Nghị quyết Đại hội là kết tinh trí tuệ của Đảng bộ, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng bộ, quân và dân thành phố trong những năm 1992 - 1996.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 35 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 11 ủy viên; bầu đồng chí Phan Thế Ruệ giữ chức vụ Bí thư, các đồng chí: Bùi Xuân Hùng và Nguyễn Huy Thái giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy gồm 8 ủy viên, do đồng chí Dương Văn Phúc làm Chủ nhiệm.

Bước vào năm 1992, sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn; năng suất, sản lượng không cao. Các xí nghiệp và hầu hết các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đều gặp khó khăn về vốn và thị trường tiêu thụ. Sản phẩm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương không được người tiêu dùng chấp nhận, dẫn đến tình trạng ứ đọng, thua lỗ

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XII.

kéo dài. Trình độ cán bộ quản lý còn yếu kém, thiếu những kiến thức cơ bản về quản lý trong cơ chế mới. Một số cán bộ quản lý lợi dụng chức quyền thu vén cá nhân. Nhiều thợ lành nghề, thợ bậc cao bỏ hợp tác xã ra làm ngoài để có thu nhập cao hơn⁽¹⁾.

Trước thực trạng đó, tập thể Ban Thường vụ Thành ủy đã vững vàng, kiên trì những quan điểm đổi mới của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể ở địa phương. Nhiều vấn đề bức xúc, phức tạp đã được Ban Thường vụ Thành ủy nhận định, đánh giá đúng, đề ra được những giải pháp hữu hiệu để giải quyết. Ba xí nghiệp do thành phố trực tiếp quản lý bị giải thể. Một số cơ sở sản xuất của tỉnh trên địa bàn thành phố (Xí nghiệp Bánh kẹo, Nước chấm và Sành sứ) do không có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường, cũng được Thành ủy đề nghị cho giải thể. Một số công ty kinh doanh khác được thành phố chuyển giao cho Sở Thương mại - Dịch vụ quản lý theo tinh thần Nghị định số 388-NĐ/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

Dựa trên tinh thần Chỉ thị số 154/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ngày 15/5/1991, thành phố cho phép các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ lựa chọn mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức kinh doanh. Các hợp tác xã huy động vốn bằng nhiều hình thức khác nhau: Vay vốn, hùn vốn, góp vốn cổ phần... nhằm phát triển sản xuất. Đây là sự chuyển đổi mạnh mẽ về mô hình hợp tác xã kiểu mới, là cách thức “cởi trói” cho sản xuất thủ công nghiệp thành phố, khơi dậy và phát triển tiềm năng sẵn có.

Sự chỉ đạo đúng đắn và quyết tâm của Thành ủy đã đem lại những kết quả quan trọng. Cuối năm 1992, trên địa bàn thành phố đã có trên 200 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, bao gồm các hợp tác xã,

⁽¹⁾ Hợp tác xã Cộng Lực có 30 thợ giỏi bỏ hợp tác ra làm riêng; số còn lại là những xã viên già yếu, phụ nữ, hết vốn lao động, ngân hàng từ chối cho vay, sản phẩm ứ đọng; Hợp tác xã đứng bên bờ vực phá sản.

tổ hợp sản xuất, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình... Mỗi cơ sở đều biết khai thác thế mạnh để phát triển sản xuất, kinh doanh. Các doanh nghiệp ở Gia Sàng, Trung Thành, Hương Sơn phát triển nghề đúc gang, cán kéo thép, dịch vụ cơ khí. Doanh nghiệp ở phường Phan Đình Phùng sản xuất đá ốp lát, cửa sắt xếp, xen hoa. Các doanh nghiệp ở phường Hoàng Văn Thụ, Đồng Quang làm đồ gỗ dân dụng, gia công chế tác vàng, bạc; ở phường Trung Vương kinh doanh hàng may mặc, chế biến lương thực, thực phẩm, v.v... Nhờ đó, trong năm 1992, thành phố giải quyết được việc làm cho hàng ngàn lao động; giá trị hàng hóa tăng 31% so với năm 1991 và vượt 25% so với kế hoạch.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, trong khi chỉ đạo các hợp tác xã tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, giữ vững mô hình hợp tác xã, Thành ủy quyết định đầu tư cho thủy lợi, hoàn thiện hệ thống kênh, mương, xây dựng 7 trạm bơm điện ở các xã phía Tây; tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ vật tư nông nghiệp cho nông dân với chất lượng bảo đảm. Mặt khác, thành phố đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là vùng chè. Riêng xã Tân Cương với 1.170 hộ, đến năm 1995 đã có 1.000 máy sao chè, 800 máy vò chè.

Cùng với những chủ trương và biện pháp trên, Thành ủy tăng cường kiện toàn đội ngũ cán bộ trong các ban quản lý hợp tác xã, giúp họ từng bước thích ứng với cơ chế quản lý mới. Đồng thời, Đảng bộ thường xuyên giáo dục, động viên nông dân thành phố thi đua phát triển sản xuất, làm giàu chính đáng, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Kết quả, năm 1992 toàn thành phố gieo trồng được 5.597 ha (100% diện tích canh tác). Nhưng do thiên tai làm thất thu 1.178 ha, nên tổng sản lượng lương thực chỉ đạt 13.476 tấn (bằng 93% kế hoạch).

Thị trường thương mại và dịch vụ thành phố tiếp tục được mở rộng. Năm 1992, toàn thành phố có 2.879 hộ kinh doanh, trong đó có 360 hộ tập thể, tăng 10% so với năm 1991. Đời sống nhân dân thành phố được cải thiện; nhiều hộ gia đình giàu lên; nhiều nhà kinh doanh có vốn doanh thu hàng chục tỉ đồng. Ngân sách thành phố năm 1992 cũng thu vượt kế hoạch 14%.

Tuy nhiên, việc mở rộng thị trường cũng dẫn đến không ít tiêu cực: Buôn lậu, trốn thuế, làm và bán hàng giả..., kéo theo sự tha hóa về đạo đức, lối sống. Năm 1992, cơ quan quản lý thị trường thành phố kiểm tra, xử lý 51 trường hợp buôn, bán trái quy định, phạt 500 triệu đồng...

Công tác xây dựng và quản lý đô thị cũng có nhiều chuyển biến. Đầu năm 1991, quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, Thành ủy Thái Nguyên tập trung chỉ đạo ban hành các chính sách, quy chế xây dựng và quản lý đô thị; trong đó có những chính sách lớn, như quản lý đất đai, quản lý môi trường, quy chế quản lý lòng, lề đường, xây dựng quỹ tài chính đô thị, kiên trì thực hiện chủ trương *Lấy đô thị nuôi đô thị*.

Thành ủy đã kiến nghị và được Tỉnh ủy chấp nhận phân cấp quản lý đô thị mạnh hơn cho thành phố. Trên cơ sở đó, thành phố cũng từng bước phân cấp quản lý đô thị cho các phường; đồng thời thành lập các cơ quan chuyên môn (Phòng Xây dựng cơ bản, Đội Thanh tra xây dựng, Ban Quản lý công trình...) để giúp Ủy ban nhân dân thành phố công tác quản lý đô thị. Hiệu quả của việc phân cấp đã tạo cho chính quyền các cấp có nguồn tài chính đô thị để đầu tư xây dựng sửa chữa các tuyến đường, hệ thống cấp thoát nước, đèn chiếu sáng. Riêng trong năm 1993, thành phố đã được cấp hơn 200 tỉ đồng, cùng với 8 tỉ đồng từ ngân sách địa phương để xây dựng các công trình công cộng. Nhân dân bỏ vốn xây dựng nhà ở khoảng 30 tỉ đồng.

Sự ổn định về kinh tế đã tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giáo dục và y tế phát triển. Trong năm học 1991 - 1992, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông cơ sở đạt 94,5%, tiểu học đạt 97%. Thành phố có 21 học sinh đoạt giải trong kì thi học sinh giỏi toàn quốc; 61 thầy, cô giáo được công nhận *Giáo viên dạy giỏi* cấp thành phố; 21 thầy, cô giáo đạt danh hiệu *Giáo viên dạy giỏi* cấp tỉnh.

Trong năm 1993, các cơ sở y tế thành phố đã khám và chữa bệnh cho 203.011 lượt người, vượt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ phát triển dân số giảm xuống còn 1,6%; 100% các cháu trong độ tuổi được tiêm phòng vắc xin phòng bệnh...

Công tác quốc phòng - an ninh thường xuyên được Đảng bộ coi trọng. Từ năm 1991, thành phố luôn hoàn thành 100% nội dung, chương trình huấn luyện quân sự cho dân quân, tự vệ, xây dựng hoàn chỉnh Kế hoạch A2⁽¹⁾, thực hành diễn tập chống bạo loạn ở 5 đơn vị. Năm 1992, thành phố mở 5 đợt tấn công truy quét tội phạm, vận động 50 đối tượng ra tự thú; điều tra, khám phá 712 vụ án hình sự, duy trì tốt phong trào an ninh Tổ quốc. Tất cả các phường, xã đều có Quỹ quốc phòng - an ninh do nhân dân đóng góp để hỗ trợ cho tự vệ và dân phòng hoạt động... Tuy nhiên, tình trạng phạm pháp và tệ nạn xã hội vẫn tiếp tục gia tăng.

Năm 1992 là năm Đảng bộ thành phố tập trung triển khai học tập và thực hiện nhiều nghị quyết của Đảng: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2, 3 (khóa VII)... Thành ủy kiên quyết chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong Đảng

⁽¹⁾ Đây là kế hoạch phòng, chống gây rối, bạo loạn. Năm 1992, thành phố tổ chức thực hiện diễn tập cho một số cơ sở theo Kế hoạch A2 kết hợp với việc thực hiện Nghị định 36/CP về trật tự an toàn giao thông, giải phóng lòng, lề đường.

bộ lấy việc quán triệt nghị quyết của Đảng để nâng cao nhận thức về tình hình và nhiệm vụ của đảng viên trong thời kì mới.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Thành ủy, trong Đảng bộ đã có 99% tổ chức cơ sở đảng và 80% số đảng viên tham gia học tập các nghị quyết. Qua học tập, nhìn chung, cán bộ và đảng viên đều tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Những đảng viên thoái hóa, biến chất được đưa ra khỏi Đảng, đồng thời kết nạp thêm nhiều đảng viên. Sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường. Đây là nhân tố hết sức quan trọng để Đảng bộ lãnh đạo quân và dân thành phố thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong những năm 1993 - 1996.

Trong 2 ngày (22 - 23/4/1994), Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ khóa XII được tổ chức. Tham dự Hội nghị, có 270 đại biểu thay mặt cho 10.114 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Hội nghị đánh giá tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII và bầu bổ sung 6 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII.

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, các ngành kinh tế trên địa bàn thành phố đều có những chuyển biến tốt. Tổng sản phẩm tăng bình quân mỗi năm 12,9%. Thu ngân sách năm 1993 đạt 20,6 tỉ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 1992; trong đó, công nghiệp trung ương trên địa bàn tăng 27,7%, công nghiệp địa phương tăng 29,9%; tiểu thủ công nghiệp tăng 25%.

Vận dụng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), Thành ủy đề ra chương trình hành động nhằm giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân; tăng cường đầu tư khoa học, kĩ thuật để có hệ thống cây, con phù hợp với cơ chế khoán hộ, với thổ nhưỡng từng vùng. Đảng bộ tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã khu vực phía Tây, từng bước hình thành các vùng chuyên canh. Nhờ đó, trong năm 1993, sản

xuất nông nghiệp của thành phố đạt được kết quả khá toàn diện. Sản lượng lương thực đạt 19.857 tấn (tăng 23,9% so với năm 1991); đàn trâu, bò tăng 3%; đàn lợn đạt 100% kế hoạch. Số hộ làm kinh tế giỏi tăng nhiều so với năm 1991. Đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt, xóa bỏ được hộ đói, giảm được hộ nghèo.

Sự nghiệp giáo dục, y tế cũng phát triển nhanh. Số học sinh năm 1993 tăng 4,3% so với năm 1992. Hệ thống trường, lớp đầy đủ và khang trang hơn trước. 100% số trường đã được ngôi hóa và chấm dứt tình trạng học ca 3. Bên cạnh đó, thành phố còn mở được 1 lớp học tình thương cho trẻ tật nguyền, 80 nhóm trẻ gia đình, 40 nhóm trẻ tuổi thơ; thành lập Trung tâm Xúc tiến việc làm để vừa dạy nghề, vừa giải quyết công ăn việc làm cho thanh niên thành phố.

Chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ được thực hiện tốt. 100% trạm xá các phường, xã đều có y, bác sĩ; cơ sở vật chất được tăng cường. Tỷ lệ tăng dân số giảm 0,2% so với chỉ tiêu.

Kỷ cương, trật tự xây dựng đô thị có chuyển biến tích cực; vệ sinh môi trường, hệ thống đèn chiếu sáng có nhiều tiến bộ. Quốc phòng được củng cố, an ninh trật tự xã hội được giữ vững.

Với những kết quả đạt được, Đảng bộ thành phố được Tỉnh ủy Bắc Thái đánh giá là một Đảng bộ có nhiều tiến bộ về công tác tổ chức và tư tưởng; nội dung sinh hoạt, phương thức hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể có nhiều đổi mới. Trong 2 năm (1992 - 1993), Đảng bộ thành phố được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Trải qua 4 năm thực hiện Nghị quyết, đến năm 1995, các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra về cơ bản đã hoàn thành. Nhiều chỉ tiêu kế hoạch về kinh tế, xã hội, về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể... đã hoàn thành vượt mức. Tổng sản

phẩm xã hội tăng bình quân mỗi năm 12,95%; trong đó, tiểu, thủ công nghiệp tăng bình quân 17,15%, đưa tỉ trọng của Ngành trong nền kinh tế trên địa bàn từ 45% (năm 1991), lên 48,54% (năm 1994). Điều đáng chú ý là, các đơn vị sản xuất công nghiệp sau khi được sắp xếp, đăng kí lại, phần lớn đã khắc phục được tình trạng làm ăn thua lỗ; số đơn vị kinh doanh có hiệu quả tăng lên. Nhiều cơ sở đi vào đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nên sản phẩm công nghiệp không chỉ tăng về số lượng, mà chất lượng cũng được nâng lên.

Công nghiệp ngoài quốc doanh có bước phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Hướng phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh phù hợp với chủ trương Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra, tập trung vào các nhóm, ngành hàng mũi nhọn, như cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản với quy mô vừa và nhỏ... Nhờ đó, công nghiệp ngoài quốc doanh đã đứng vững và phát triển, tăng trưởng 25% mỗi năm, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động.

Sản xuất nông nghiệp sau 4 năm cũng có những đổi mới đáng phần khởi. Từ khi có *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5* của Ban Chấp hành Đảng bộ, vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân được giải quyết đồng bộ và phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa. Thu nhập trên mỗi héc-ta gieo trồng đạt 10,4 triệu đồng. Mức tăng trưởng kinh tế nông nghiệp mỗi năm đạt 11,34%. Số hộ giàu trong nông dân chiếm 25% (tăng 7% so với năm 1991); 100% số xã được dùng lưới điện quốc gia. Đường liên xóm, liên xã được mở rộng, nâng cấp. Bộ mặt nông thôn ngoại thành có nhiều thay đổi.

Thị trường thành phố hoạt động nhộn nhịp, sôi động, có đủ các thành phần kinh tế tham gia. Sản phẩm hàng hóa phong phú, giá cả ổn định, thực sự thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Tỉ trọng bán lẻ trên thị trường xã hội năm 1995 chiếm 21,3%. Thương nghiệp tư nhân

kinh doanh năng động, có hiệu quả và phát triển khá nhanh, không chỉ ở trung tâm thành phố, mà còn mở rộng ra các xã ngoại thành. Đến năm 1995, toàn thành phố có 54.000 hộ kinh doanh, tăng 52.000 hộ so với năm 1991, giữ vai trò chủ yếu trong khâu bán lẻ (78,7%), đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nông dân.

Sản xuất, kinh doanh phát triển đã tăng khả năng đóng góp cho ngân sách Nhà nước. Thành phố có chủ trương đúng trong việc tạo và nuôi dưỡng nguồn thu (đầu tư cho kiến thiết, phát triển sản xuất trên 40% số thu), có chính sách cởi mở, thúc đẩy hoạt động của mọi thành phần kinh tế; đồng thời có biện pháp thích hợp để tăng thêm nguồn thu. Kết quả trong 4 năm (1992 - 1995), thu ngân sách của thành phố tăng bình quân mỗi năm 42,4%; năm 1995 tăng gấp 9,8 lần so với năm 1991.

Sự phát triển kinh tế cũng góp phần thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Những nhu cầu cơ bản của nhân dân về ăn, mặc, học tập, chữa bệnh, đi lại, thưởng thức văn hóa được giải quyết ngày một tốt hơn.

Trong 3 năm (1993 - 1995), thông qua quỹ quốc gia, quỹ xóa đói, giảm nghèo, thành phố đã thực hiện 80 dự án, với tổng số vốn 4,5 tỉ đồng; giải quyết việc làm cho 7.347 người ở cả 2 khu vực sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Gần 23.000 cán bộ hưu trí, mất sức và các đối tượng chính sách được trả lương đủ, đúng kì hạn. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ được Đảng bộ, chính quyền và cộng đồng quan tâm. Trong 4 năm, thành phố đã xây dựng được hàng chục ngôi nhà tình nghĩa, tặng 1.676 sổ tiết kiệm với tổng giá trị hàng trăm triệu đồng cho các gia đình liệt sĩ, thương binh có hoàn cảnh khó khăn. Những người già yếu, cô đơn, tàn tật, không nơi nương tựa..., đều được thành phố chăm sóc, giúp đỡ.

Trên địa bàn thành phố, ngoài 21 trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, còn có 50 trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, 23 trường mầm non, 31 trường mẫu giáo và 59 nhà trẻ, nhóm trẻ. Ngoài việc mở rộng các loại hình trường, lớp bán công, bán trú...), quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, Thành ủy còn chủ trương tập trung đầu tư cho trường chuyên, lớp chọn, nhằm đào tạo nhân tài cho đất nước.

Thành phố tập trung mở rộng mạng lưới giáo dục cơ sở, thực hiện đa dạng hóa loại hình trường lớp, xây dựng mô hình giáo dục mới, tạo ra sự ổn định và phát triển vững chắc ở tất cả các ngành học, lớp học. So với năm học 1990 - 1991, trong năm học 1994 - 1995, toàn thành phố có 4.225 học sinh mẫu giáo (tăng 1.025 cháu) và 38.691 học sinh phổ thông (tăng 2.462 em). Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên không chỉ tăng về số lượng, mà chất lượng cũng được nâng lên. Đến năm 1995, thành phố có 1.731 cán bộ quản lý và giáo viên; trong đó 178 người có trình độ đại học, 862 người có trình độ cao đẳng, số còn lại có trình độ trung cấp sư phạm. 100% giáo viên ở các trường phổ thông cơ sở được tiêu chuẩn hóa (có trình độ đại học và cao đẳng); 100% cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo qua các trường, lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

Các cấp ủy đảng, chính quyền thành phố luôn quan tâm đến việc cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đội ngũ giáo viên. Các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với ngành Giáo dục đều được Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời. Nhờ đó, trong những năm này, thành phố không có giáo viên bỏ nghề. Nhiều trường xây dựng được đội ngũ cán bộ giáo viên đoàn kết nhất trí, quản lý và giảng dạy giỏi, giữ vững danh hiệu *Trường Tiên tiến* cấp tỉnh trong nhiều năm...

Tất cả những thành tựu trên đây đều gắn liền với vai trò và trách nhiệm của Đảng bộ. Trong quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối đổi mới trên địa bàn, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ.

Được rèn luyện qua thực tiễn, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có bước trưởng thành mới về nhận thức lí luận cũng như năng lực hoạt động. Từ những năm 90, đặc biệt là năm 1995, Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo các ban xây dựng Đảng và các cấp ủy cơ sở mỗi khi tiếp nhận nghị quyết của đảng bộ cấp trên, phải tổ chức học tập sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trên cơ sở đó, xây dựng chương trình hành động theo nghị quyết có sự kiểm tra, giúp đỡ của Ban Thường vụ Thành ủy và các ban xây dựng Đảng. Hằng năm, Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức đều 12 hội nghị báo cáo viên, cung cấp thông tin cho khoảng từ 1.200 đến 1.300 lượt báo cáo viên ở cơ sở; xuất bản 7 số *Thông tin nội bộ* với số lượng hơn 1.000 bản.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Thành ủy kịp thời có chủ trương và biện pháp hướng dẫn các cơ quan chuyên môn đấu tranh chống lại những luận điệu thù địch; phê phán những quan điểm sai lầm, những nhận thức mơ hồ, lệch lạc. Mặt khác, Thành ủy rất coi trọng công tác giáo dục lí luận chính trị. Thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TW của Ban Bí thư về việc tổ chức Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, ngày 15/9/1995 Thành ủy ban hành Quyết định số 39-QĐ/TU về việc thành lập Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Thái Nguyên. Nhiều lớp học tập trung và tại chức được mở để nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên về lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về xây dựng Đảng... Riêng trong năm 1995, Thành ủy mở 2 lớp bồi dưỡng chính trị cho 325 đảng viên mới, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho 130 đồng chí,

100 đồng chí theo học lớp trung cấp chính trị, 520 đồng chí dự lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về Hiến pháp và pháp luật. Nhờ đó, nhìn chung cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều có lập trường quan điểm vững vàng; sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên.

Đến tháng 12/1995, Đảng bộ thành phố có 10.136 đảng viên sinh hoạt ở 114 chi, đảng bộ cơ sở; số đảng viên là cán bộ, công nhân, viên chức nghỉ hưu và nghỉ mất sức chiếm 58,6%; có 1.071 đồng chí được tặng Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng; 58,26% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Số cơ sở đảng yếu kém còn 4,23% (giảm 13% so với năm 1991). Số đảng viên đủ tư cách loại I chiếm 85,6%, loại II là 13,3%, loại III là 1% và loại IV còn 0,1%. Trong 4 năm (1992 - 1995), Đảng bộ kết nạp gần 800 đảng viên, đồng thời xử lý kỷ luật 141 đảng viên, xóa tên 258 đảng viên không đủ tư cách. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được Thành ủy chú trọng, thông qua các hình thức: Giao nhiệm vụ, mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn tại chỗ, cử đi đào tạo ở các trường của tỉnh và Trung ương. Vì vậy, thành phố có đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng, công tác chính quyền và đoàn thể khá dồi dào, có khả năng đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chung.

Quan tâm đến việc đổi mới phương thức lãnh đạo, Thành ủy thường xuyên chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ cơ sở xây dựng quy chế, chương trình làm việc. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được xác định rõ. Các cấp ủy đảng ở cơ sở hoạt động có nền nếp, đúng chức năng, nhiệm vụ, không có hiện tượng chồng chéo.

Hầu hết các đảng bộ cơ sở đều có quy chế làm việc của cấp ủy, có chương trình hành động trong từng tháng, duy trì chế độ giao ban, chế độ thông tin hai chiều giữa đảng ủy với các chi bộ trực thuộc.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ biết xác định trọng tâm, trọng điểm, giải quyết dứt điểm từng vấn đề cụ thể; biết gắn công tác xây dựng Đảng với việc phát triển kinh tế - xã hội... Trong nhiệm kỳ 1992 - 1996, Thành ủy đã ra 7 nghị quyết chuyên đề về giáo dục, phát triển đô thị, trật tự an toàn giao thông.

Công tác kiểm tra của Đảng bộ được duy trì thường xuyên. Năm 1994, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 8.296 đảng viên, 98 cơ sở đảng, phát hiện và xử lý kỉ luật 31 đảng viên (trong đó khai trừ 12 đảng viên ra khỏi Đảng), xóa tên 49 người khỏi danh sách đảng viên. Thông qua công tác kiểm tra, các cơ sở đảng và đảng viên chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước tốt hơn; sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng được củng cố vững chắc hơn.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các tổ chức đoàn thể các cấp cũng được xây dựng theo hướng gọn nhẹ về cơ cấu tổ chức, hoạt động ngày càng hiệu quả. Bên cạnh những tiến bộ đạt được, trong nhiệm kỳ 1992 - 1996, công tác lãnh đạo của Đảng bộ thành phố cũng còn nhiều mặt hạn chế:

Mặc dù tình trạng kinh tế đình đốn đã được khắc phục, bước đầu có sự tăng trưởng, nhưng năng suất, chất lượng, hiệu quả còn thấp. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và chưa căn bản. Nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trên địa bàn còn thấp, đầu tư phát triển chưa thỏa đáng. Cơ chế thị trường còn mang nhiều yếu tố tự phát. Công nghiệp địa phương còn nhỏ bé, một số cơ sở chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ, thua lỗ.

Thương nghiệp quốc doanh không chi phối được thị trường. Sản xuất nông nghiệp chưa tạo ra được nhiều sản phẩm hàng hóa, chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành. Kinh tế ngoài quốc doanh vừa chậm tháo gỡ khó khăn, vừa buông lỏng quản lí, nên tình trạng trôn,

lâu thuế, tìm cách né tránh sự kiểm soát của Nhà nước vẫn còn xảy ra ở một số doanh nghiệp.

Văn hóa, xã hội còn nhiều vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết. Đời sống nhân dân tuy có được nâng lên một bước, nhưng chưa vững chắc, chưa bảo đảm sự công bằng xã hội. Một bộ phận gia đình trong diện chính sách còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo còn lớn. Tệ nạn xã hội chưa giảm. Tai nạn giao thông tăng. Sản phẩm văn hóa độc hại lưu hành trên thị trường chậm được khắc phục. *“Nạn mê tín dị đoan, xây dựng chùa chiền, nhà thờ trái phép có xu hướng gia tăng”*⁽¹⁾.

Việc thực hiện quy hoạch thành phố, quản lý đất đai xây dựng cơ bản, vệ sinh môi trường chưa được giải quyết đồng bộ, còn chậm và lúng túng, gây ảnh hưởng không tốt đến việc ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng ở một số cơ sở chưa được chú trọng. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác chậm được đổi mới. Chất lượng lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp ủy còn thấp. Công tác tư tưởng chưa sắc bén và kịp thời; tình trạng mất đoàn kết ở một số tổ chức đảng chưa được giải quyết...

Những mặt tồn tại trên đặt ra cho Đảng bộ, trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới, tiếp tục nghiên cứu đề định ra được những giải pháp sát thực và có hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của thành phố phát triển đi lên.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XIII được triệu tập (từ ngày 13 - 15/3/1996). Tham dự Đại hội có 246 đại biểu thay mặt cho 10.136 đảng viên sinh hoạt trong 113 chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc. Đại hội lần này có nhiệm

⁽¹⁾ Theo: *Báo cáo chính trị của Thành ủy tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIII* - 1996, tr.17.

vụ đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Đảng bộ trong những năm 1996 - 2000.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, căn cứ vào tiềm năng, thế mạnh và những thành tựu đã đạt được, Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 là: Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp; củng cố và xây dựng hạ tầng cơ sở; phát triển văn hóa, xã hội và văn minh đô thị, giữ vững ổn định chính trị, an toàn xã hội; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, công tác quản lý và điều hành của hệ thống chính quyền ngày càng tốt hơn.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) gồm 40 ủy viên. Ban Chấp hành Bầu Ban Thường vụ Thành ủy gồm 10 ủy viên; đồng chí Phan Thế Ruệ được bầu giữ chức vụ Bí thư, các đồng chí: Lê Thanh Mộc và Nguyễn Huy Thái giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy gồm 7 ủy viên, do đồng chí Dương Văn Phúc làm Chủ nhiệm.

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, Đảng bộ và nhân dân thành phố có nhiều thuận lợi rất cơ bản. Đó là, đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bắt đầu chuyển sang thời kì phát triển mới - thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự ủng hộ, giúp đỡ của các ban, ngành, cơ quan, đơn vị của Trung ương và tỉnh đóng trên địa bàn. Đặc biệt, thành phố Thái Nguyên có đội ngũ cán bộ, đảng viên khá về chuyên môn, vững về chính trị, được rèn luyện thử thách trong 10 năm thực hiện đổi mới. Các cấp ủy đảng từ thành phố xuống cơ sở đã được đổi mới, thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo... Mặt khác, những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được trong 10 năm đổi mới đã tạo thế và lực mới cho

thành phố đạt nhiều thành tựu lớn hơn khi bước vào thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, trước mắt thành phố cũng còn nhiều khó khăn, thử thách, bao trùm là 4 nguy cơ mà Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1/1994) đã chỉ ra. Đối với thành phố Thái Nguyên, nguy cơ tụt hậu là đáng lo ngại hơn cả. Điều đó thể hiện ở sự tăng trưởng kinh tế của thành phố chưa thật ổn định và chưa vững chắc; chưa tạo lập được một hệ thống thị trường đầy đủ theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Hoạt động dịch vụ tuy sôi nổi, nhưng chỉ tập trung ở các phường trung tâm: Trung Vương, Phan Đình Phùng, Quang Trung, Hoàng Văn Thụ và một phần phường Đồng Quang. Công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương trên địa bàn vẫn phổ biến tình trạng kĩ thuật và công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, chất lượng kém, hiệu quả không cao. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp sau khi tan rã hàng loạt vào những năm cuối thập kỉ 80 vẫn chưa được phục hồi. Sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp còn ít; có nơi vẫn còn mang nặng tính chất kinh tế tự nhiên, lạc hậu. Mức chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo trong các hộ nông dân ngày càng tăng. Vấn đề xây dựng, quản lí đô thị còn nhiều yếu kém. Vệ sinh môi trường không đảm bảo. Bộ mặt đô thị ở khu vực trung tâm chưa được đầu tư thỏa đáng.

Những mặt tồn tại trên đây được Đảng bộ tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ từng bước trong những năm cuối của thập kỉ 90 của thế kỉ XX.

III- Lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996 - 2000)

Sau hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đề ra, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực. Chính trong bối cảnh ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức (28/6 - 1/7/1996) và nhận định: Đất nước đã thoát khỏi khủng

hoảng kinh tế - xã hội. Xuất phát từ nhận định này, căn cứ vào *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời nhân mạnh nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cuối tháng 9/1996, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố triệu tập Hội nghị mở rộng nhằm sơ kết công tác 9 tháng đầu năm và kiểm điểm 6 tháng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII. Hội nghị nhận định: Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của thành phố vẫn gặp khó khăn về vốn, vật tư, thị trường tiêu thụ; giá trị tổng sản lượng đạt khoảng 73,3% mức kế hoạch, sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn về thời tiết, rét đậm kéo dài làm thiệt hại hơn 200 ha vụ đông - xuân; thu ngân sách mới đạt 49,33% kế hoạch.

Ngày 6/11/1996, tại kì họp lần thứ 10, Quốc hội (khóa VI) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1/1/1997. Tỉnh lỵ Thái Nguyên đặt tại thành phố Thái Nguyên.

Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động Đảng bộ và Tỉnh ủy Bắc Thái; thành lập Đảng bộ Thái Nguyên và Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ gồm 35 ủy viên. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997.

Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lúc mới thành lập có 44.449 đảng viên, trong đó có 10.223 đảng viên thuộc Đảng bộ thành phố (chiếm hơn 22% tổng số đảng viên toàn tỉnh). Dân số thành phố có trên 205.000 người.

Việc lập lại tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn không làm thay đổi vị trí, nhiệm vụ chính trị của thành phố Thái Nguyên. Tuy nhiên, khi chia tách tỉnh, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên có trách nhiệm đóng góp một phần lực lượng cán bộ và vật chất để giảm bớt những khó khăn ban đầu cho tỉnh Bắc Kạn.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Tỉnh ủy Bắc Thái ngày 20/11/1996, Thành ủy tập trung chỉ đạo làm tốt công tác tư tưởng, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố phát huy truyền thống đoàn kết trong 31 năm hợp nhất tỉnh, tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi giúp hàng trăm gia đình cán bộ cư trú tại thành phố chuyển lên Bắc Kạn nhanh chóng ổn định đời sống⁽¹⁾.

Đáp ứng yêu cầu của tỉnh Bắc Kạn, Thành ủy đã lựa chọn và giới thiệu danh sách các cán bộ đang công tác ở thành phố để Tỉnh ủy điều động bổ sung cho tỉnh bạn. Theo đó, đồng chí Phan Thế Ruệ - Bí thư Thành ủy, được cấp trên điều động giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn; đồng chí Lê Thanh Mộc - Phó Bí thư, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công giữ chức Quyền Bí thư Thành ủy (từ ngày 9/1 đến ngày 15/3/1997). Tiếp đến, vào trung tuần tháng 3/1997, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định phân công đồng chí Lương Đức Tính - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính, về giữ chức Bí thư Thành ủy Thái Nguyên.

Theo yêu cầu của Tỉnh ủy, tháng 9/1997, Thành ủy tập trung chỉ đạo các cơ sở đảng trong Đảng bộ tiến hành Đại hội nhằm đánh giá tình hình kinh tế, xã hội từ sau ngày chia tách tỉnh, đồng thời bàn phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1997 - 2000 và bầu cấp ủy nhiệm kỳ mới.

⁽¹⁾ Thành phố đã dành sự ưu tiên đối với những gia đình cán bộ được điều động lên Bắc Kạn như việc chuyển nhượng nhà, đất được giảm hoặc miễn thuế, không phải đóng góp nghĩa vụ đối với thành phố trong năm 1997.

Trong 2 ngày (29 - 30/10/1997), Đại hội Đảng bộ thành phố được triệu tập nhằm đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII; trên cơ sở đó xác định nhiệm vụ chủ yếu của thành phố đến năm 2000. Đại hội còn thảo luận đóng góp ý kiến vào bản Dự thảo văn kiện của Tỉnh ủy (lâm thời) trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; bầu bổ sung 3 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Ngày 13/11/1997, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV được khai mạc trọng thể tại trung tâm thành phố Thái Nguyên. Đại hội đánh giá kết quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ trên tất cả các lĩnh vực từ sau khi tách tỉnh; đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 3 năm (1998 - 2000). Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 47 ủy viên; đồng chí Lương Đức Tính - Bí thư Thành ủy, được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tháng 1/1998, Thành ủy Thái Nguyên họp và ban hành nghị quyết chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian trước mắt. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, Hội nghị xác định phương hướng chung trong năm 1998 là tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng toàn diện công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể để có thể đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội...

Để thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ do Nghị quyết Hội nghị Thành ủy đề ra, điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải quan tâm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt.

Nhận thức rõ điều đó, Đảng bộ đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, củng cố và kiện toàn các cấp ủy đảng. Trong năm 1997, Thành ủy

đã điều động 22 cán bộ về 13 phường đảm nhận các chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư, Thường trực đảng ủy, Chủ tịch hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân; đồng thời chỉ đạo bầu bổ sung 36 đồng chí vào cấp ủy cơ sở thay thế cho số cán bộ đã chuyển chuyển công tác. Công tác phát triển Đảng và xử lý kỉ luật đảng viên, làm trong sạch nội bộ Đảng cũng được đẩy mạnh. Trong năm 1997, Đảng bộ thành phố có 73 chi, đảng bộ trực thuộc (68,22%) đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, 31 cơ sở (28,98%) được xếp loại khá, 3 cơ sở (2,8%) yếu kém. Số đảng viên đủ tư cách mức I có 8.744 đồng chí (89,2%), mức II có 968 đồng chí (9,96%), mức III có 78 đồng chí (0,79%) và mức IV có 5 đồng chí (0,05%).

Sức mạnh của Đảng được tăng cường là cơ sở vững chắc để Đảng bộ củng cố vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp cách mạng. Thực tế cho thấy, nơi nào cơ sở Đảng vững mạnh, thì nơi đó mọi mặt công tác đều phát triển. Trái lại, nơi nào cơ sở Đảng yếu kém, thì nơi ấy không hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Từ thực tiễn của năm 1997 cũng như những năm trước đó, bước sang năm 1998, Ban Thường vụ Thành ủy quyết định tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HNTW, ngày 29/6/1992 (khóa VII) *Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*, tạo ra sự chuyển biến đồng bộ cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ trên, cùng với việc tổ chức học tập các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ chú trọng đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên. Năm 1998, Ban Tuyên giáo Thành ủy đã biên soạn và phát hành trên 3.700 cuốn *Thông tin nội bộ*; đồng thời cung cấp cho mỗi chi bộ có 1 tờ báo *Nhân dân*, 1 tờ báo *Thái Nguyên* và 1 cuốn *Sổ tay Chi bộ* do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành hằng tháng.

Để nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo của cán bộ, trong năm 1998, Thành ủy mở 2 lớp bồi dưỡng cho 185 đảng viên mới, 6 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 450 Bí thư và cán bộ cấp ủy cơ sở; cử 18 cán bộ phường, xã học lớp Trung cấp lý luận và nhiều cán bộ học lớp Cử nhân chính trị, v.v... Ban Thường vụ Thành ủy còn duyệt quy hoạch cán bộ trong những năm tới và chủ trương từ năm 1998 trở đi, chỉ tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ của thành phố những người có trình độ đại học hoặc tương đương; việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý từ cấp Phó trở lên cũng phải có trình độ đại học và tuổi đời không quá 40.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, Đảng bộ thành phố luôn luôn được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy. Ngày 13/2/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/10/1992 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về quản lý, xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên. Tham dự Hội nghị, có các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh và thành phố.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái. Báo cáo nêu rõ: Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp xây dựng và phát triển đô thị của thành phố đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo ra bộ mặt đô thị ngày càng văn minh, sạch đẹp, góp phần tích cực vào tiến trình đô thị hóa trên địa bàn toàn tỉnh và khu vực. Tuy nhiên, tốc độ phát triển đô thị của thành phố chưa đáp ứng được yêu cầu.

Kết luận Hội nghị, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy khẳng định: Nghị quyết 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái là một chủ trương phù hợp với thực tiễn và còn nguyên giá trị. Thành phố cần phát huy hết trách nhiệm quản lý toàn diện, phối hợp với các ngành chức năng của

tinh, khai thác có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn trong dân, phát huy nội lực để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng, quản lý đô thị đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 16/2/1998, Ban Thường vụ Thành ủy họp đề ra chủ trương động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nhằm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong năm 1998.

Thành ủy chú trọng chỉ đạo các cơ sở đảng trong khối doanh nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp tiến hành tổ chức đại hội; việc lựa chọn cấp ủy được xem xét, cân nhắc cụ thể. Đến đầu tháng 1/1999, toàn Đảng bộ đã có 83/86 cơ sở trực thuộc tiến hành đại hội. Trong đội ngũ cấp ủy viên nhiệm kỳ mới, số có trình độ lý luận, trình độ chuyên môn từ trung học trở lên chiếm tỉ lệ khá cao, được quần chúng tín nhiệm.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ, các tổ chức cơ sở đảng tích cực đẩy mạnh công tác kiểm tra, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng đảng viên là tăng cường đấu tranh tự phê bình và phê bình, nêu cao vai trò của đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Những kết quả thu được trong công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng đã tác động tích cực đến các lĩnh vực khác. Kinh tế thành phố trong năm 1998 có sự tăng trưởng khá. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vượt 2% kế hoạch, tăng 13,5% so với năm 1987. Tổng sản lượng lương thực (quy ra thóc) đạt 24.407 tấn (tăng 8,47% so với kế hoạch); thu ngân sách vượt 16,3%. Chi ngân sách cũng có tiến bộ, đã chú trọng chi cho phát triển kinh tế (đạt 127% kế hoạch).

Mặt trận văn hóa cũng có những bước chuyển tích cực. Các hoạt động văn hóa được mở rộng, tạo ra sự chuyển biến từ cơ sở. Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa, thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* gắn với cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư* được tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần ổn định và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Đến năm 1999, toàn thành phố có 261 trong tổng số 280 khu dân cư hưởng ứng cuộc vận động. Trong số đó, có 46 khu dân cư tiên tiến và 81 cá nhân tiêu biểu; gần 10.000 gia đình văn hóa cấp phường, xã; 75 gia đình văn hóa cấp thành phố và 7 gia đình văn hóa cấp tỉnh.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh; quy mô giáo dục ở các bậc học được mở rộng, chất lượng dạy và học được nâng lên. Số học sinh tốt nghiệp ở các bậc học đều đạt trên 95%.

Như vậy, với việc đẩy mạnh cuộc vận động *đổi mới và chỉnh đốn Đảng* theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII), Đảng bộ thành phố trưởng thành cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, xứng đáng là người lãnh đạo nhân dân các dân tộc thành phố thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội trong năm 1998.

Bước sang năm 1999, cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố Thái Nguyên tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thi đua lập thành tích hướng tới cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004.

Nhận thức đây là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của nhân dân cả nước nhằm lựa chọn những đại biểu ưu tú đại diện cho nhân dân ở thời điểm đầu thế kỉ XXI, ngày 30/8/1999, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chỉ thị *Về lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004*. Bản Chỉ thị nêu rõ yêu cầu đối với các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa cuộc

bầu cử, quyền và nghĩa vụ của công dân đối với cuộc bầu cử; vận động mọi cử tri tự giác, chủ động tham gia bầu cử; chỉ đạo khẩn trương việc tổng kết hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kết hợp chặt chẽ việc triển khai quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở với việc lựa chọn người ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của Đảng bộ, chính quyền và đoàn thể các cấp, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân (14/11/1999) diễn ra thực sự dân chủ, đúng luật và an toàn.

Cuối năm 1999, do yêu cầu công tác, đồng chí Lương Đức Tính - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; ngày 1/1/2000, đồng chí Lê Xuân Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công về giữ chức Bí thư Thành ủy Thái Nguyên.

Mặc dù có sự thay đổi cán bộ chủ chốt giữa nhiệm kì, nhưng mọi hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố vẫn ổn định. Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân thành phố thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ XIII đề ra.

Trong 5 năm (1996 - 2000), kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố đều có bước phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt 4,75%; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 3,45%; thương mại, dịch vụ tăng bình quân 5,95%; nông - lâm nghiệp tăng bình quân 6,85%. Tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế cũng có sự chuyển đổi: Công nghiệp, xây dựng chiếm 45,9%; thương mại, dịch vụ chiếm 44,2%; nông - lâm nghiệp chiếm 9,9%. Thu nhập bình quân đầu người trong 5 năm (1996 - 2000) đạt 5,8 triệu đồng/năm (tương đương 413 USD). Đầu tư xây dựng cơ bản tăng bình quân

8,6%/năm. Cũng nhờ đó, kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị thành phố từng bước được nâng cấp; bộ mặt đô thị của thành phố ngày một sạch, đẹp và sôi động hơn.

Cùng với việc phát triển kinh tế, các chỉ tiêu giáo dục, xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII đề ra cũng đạt nhiều kết quả quan trọng: 100% trường học trên địa bàn thành phố được ngói hóa; trong đó trên 40% trường học có nhà cao tầng; chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao; mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đã hoàn thành. Trẻ em suy dinh dưỡng từ 35% trong năm 1996, đã giảm xuống còn 29,7% trong năm 2000. Bình quân hằng năm thành phố giải quyết được 2.230 lao động có việc làm. Tỷ lệ lao động không có việc làm từ 9,8% trong năm 1996 đã giảm xuống còn 7,5% trong năm 2000. Tỷ lệ hộ nghèo từ 12% giảm xuống còn 5%, góp phần ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn thành phố.

Các hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao phát triển mạnh, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đổi mới. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội về cơ bản được bảo đảm. Các chỉ tiêu về công tác quốc phòng - quân sự địa phương hằng năm đều hoàn thành. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ thành phố thường xuyên duy trì chế độ bồi dưỡng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ và đảng viên; làm cho mọi người nhận thức sâu sắc hơn về thời cơ và thách thức, khó khăn và thuận lợi của cả nước cũng như của thành phố, nâng cao cảnh giác trước âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, Đảng bộ rất quan tâm gắn việc quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng với việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể, tạo nên sự thống

nhất ý chí và hành động, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hệ thống tổ chức của Đảng bộ được kiện toàn, phương thức lãnh đạo được đổi mới, nội dung sinh hoạt được cải tiến, bám sát yêu cầu thực tiễn đặt ra. Trong 5 năm (1996 - 2000), tỉ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh đạt bình quân 70,14%; số đảng viên đủ tư cách mức 1 đạt tỉ lệ bình quân 84,38%. Đảng bộ đã cử gần 300 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ tại các trường của Trung ương và tỉnh; mở 86 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 8.185 lượt cán bộ. Đến năm 2000, đội ngũ cán bộ chủ chốt của thành phố có trình độ đại học chiếm 66,1%; số có trình độ lí luận chính trị từ trung cấp trở lên chiếm 89,7%.

Đảng bộ thành phố cũng đặc biệt chăm lo xây dựng hệ thống chính trị các cấp, từng bước đổi mới thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, quản lí, nhân dân làm chủ. Hội đồng nhân dân các cấp phát huy vai trò là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Công tác quản lí và điều hành của ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục có nhiều đổi mới. Nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động có nội dung thiết thực được phát động và được quần chúng hưởng ứng. Điển hình là cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư* của Mặt trận Tổ quốc; các phong trào: *Thi đua lao động giỏi* trong công nhân, viên chức của Liên đoàn Lao động, *Thanh niên lập nghiệp*, *Tuổi trẻ giữ nước* của Đoàn Thanh niên, *Xóa đói, giảm nghèo*, *Vay vốn giúp đỡ nhau phát triển kinh tế* của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...

Trong tất cả các hoạt động, Đảng bộ luôn luôn dựa vào dân, sâu sát từng cơ sở để được nghe ý kiến của nhân dân. Quan điểm *lấy dân*

là gốc đã được Đảng bộ quán triệt một cách sâu sắc. Đây chính là một trong những nhân tố có tính chất quyết định giúp cho thành phố Thái Nguyên luôn trở thành một đơn vị có phong trào thi đua khá của tỉnh. Năm 1999, thành phố được suy tôn là lá cờ đầu trong phong trào thi đua yêu nước của khối các huyện, thành, thị trong tỉnh.

Là một đơn vị hành chính có trên 240.000 dân, gần bằng 20% dân số toàn tỉnh, nhưng đến năm 2000, giá trị tổng sản phẩm quốc dân (GDP) của thành phố đã chiếm 50,05% giá trị tổng sản phẩm toàn tỉnh (trong đó, giá trị công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 70,03%; thương mại - dịch vụ chiếm 80,5%; thu ngân sách chiếm 71,42%).

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn, thành phố vẫn còn một số tồn tại, khuyết điểm cần khắc phục, đó là: *“Kinh tế chậm phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc; quản lý quy hoạch tổng thể thành phố chưa tốt, triển khai quy hoạch chi tiết còn chậm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém...”*⁽¹⁾.

Tóm lại, trải qua 15 năm (1986 - 2000), với 4 kì Đại hội: X (9/1986), XI (3/1989), XII (1/1992) và XIII (3/1996), vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ thành phố lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn vượt qua mọi khó khăn, thách thức nhiều khi rất gay gắt, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu đã được đề ra. Kinh tế - xã hội không ngừng phát triển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, tăng dần tỉ trọng công nghiệp, xây dựng cơ bản, thương mại, dịch vụ. Kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị từng bước được đầu tư nâng cấp, bộ mặt đô thị thành phố ngày một khang trang, sạch đẹp. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nội

⁽¹⁾ Theo: Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIV.

dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục có những đổi mới tiến bộ...

Những thành tựu đạt được trong 15 năm (1986 - 2000) là cơ sở vững chắc cho Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trên chặng đường mới của thế kỉ XXI.

KẾT LUẬN

Kể từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đến năm 2000, thời gian đã trôi qua tròn 1/4 thế kỉ. Đó là một quãng thời gian rất ngắn ngủi so với lịch sử dân tộc, nhưng đã chứng kiến bao thăng trầm, sự đổi thay trong đời sống kinh tế - xã hội của thành phố Thái Nguyên. Trong thời gian ấy, thành phố Thái Nguyên trải qua ba chặng đường lịch sử:

Từ tháng 5/1975 đến năm 1985 là 10 năm thành phố cùng cả nước tiếp tục hoạt động theo mô hình kinh tế hành chính bao cấp. Sự duy trì lâu dài mô hình này đã trở thành sức cản lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trở nên gay gắt. Đời sống cán bộ và nhân dân gặp nhiều khó khăn thiếu thốn.

Từ năm 1986 đến năm 1996, thành phố Thái Nguyên tiến hành công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) và lần thứ VII (7/1991). Về kinh tế, thành phố thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, áp dụng cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về xã hội, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, kết hợp với việc mở rộng phúc lợi xã hội, xử lí tốt việc tăng trưởng kinh tế với thực hiện các chính sách xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp, từng bước xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực.

Từ ngày 1/1/1997, tỉnh Thái Nguyên được tái lập. Thành phố Thái Nguyên từ vị trí là trung tâm kinh tế - chính trị - hành chính - văn hóa của tỉnh Bắc Thái, trở thành trung tâm kinh tế - chính trị - hành

chính - văn hóa của tỉnh Thái Nguyên, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hơn 15 năm thực hiện đổi mới, bộ mặt kinh tế - xã hội của thành phố Thái Nguyên đã có nhiều biến đổi ngày càng sâu sắc. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ từng bước phát triển. Hàng tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân thành phố được nâng lên rõ rệt.

Từ trong thực tiễn 25 năm lãnh đạo xây dựng và phát triển, Đảng bộ thành phố đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Bài học thứ nhất, xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là một nhân tố cơ bản có tính quyết định nhất dẫn đến mọi thắng lợi

Đảng bộ thành phố có số lượng đảng viên đông nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh. Trình độ nhận thức của cán bộ đảng viên Đảng bộ thành phố nhìn chung cao hơn nhiều so với các đảng bộ khác nhưng không đồng đều. Số đảng viên là cán bộ trung, cao cấp công tác ngành về hưu, sinh hoạt ở các chi đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ thành phố cũng nhiều hơn. Thành phố Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, lại là đầu mối các trục đường giao thông ở vùng Việt Bắc, rất gần với Thủ đô Hà Nội.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình ấy, Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận cho cán bộ, đảng viên được duy trì thường xuyên dưới nhiều hình thức và biện pháp phong phú. Những biểu hiện của tư tưởng ngại khó, dao động trong một số cán bộ, đảng viên kịp thời được phê phán. Cho nên trong mọi thời kì,

kể cả những lúc tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, đặc biệt là khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, đất nước ta lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, nhưng nhìn chung cán bộ và đảng viên trong Đảng bộ đã tỏ rõ sự vững vàng, không mất niềm tin vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác phát triển Đảng, kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên. Công tác kiểm tra được đặc biệt coi trọng và nhìn chung được duy trì thường xuyên. Nhờ đó, những hiện tượng làm trái *Điều lệ Đảng* làm sai nguyên tắc tổ chức của Đảng được kịp thời chấn chỉnh. Sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt hoạt động ngày càng được phát huy.

Bài học thứ hai, trên cơ sở nắm vững đường lối của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, phải biết vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương

Trong mỗi giai đoạn, mỗi thời điểm lịch sử, xuất phát từ tình hình và yêu cầu cụ thể của cách mạng, Trung ương Đảng và Nhà nước đều đưa ra những chính sách lớn. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy cũng có những chỉ thị, nghị quyết quan trọng để lãnh đạo mọi mặt công tác trong phạm vi toàn tỉnh.

Những chủ trương, chính sách ấy chỉ mang lại kết quả khi nó được cụ thể hóa thông qua sự vận dụng của các cấp bộ đảng địa phương. Vì vậy, hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, ở đây phải có sự sáng tạo.

Trong tất cả các thời kì phát triển của cách mạng, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, trước hết là Ban Thường vụ Thành ủy biết căn cứ vào đặc điểm tình hình của thành phố triển khai thực hiện chủ trương

của Trung ương và Tỉnh ủy bằng các chỉ thị, nghị quyết cụ thể. Trong một số mặt công tác lớn và những chủ trương lớn, Ban Chấp hành Đảng bộ mở hội nghị toàn thể, bàn bạc dân chủ nhằm phát huy trí tuệ tập thể để định ra những nội dung và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Mặt khác, Thành ủy chủ động đặt mối quan hệ công tác với các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy trên địa bàn nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của Đảng bộ.

Có thể nói, thắng lợi của Đảng bộ thành phố trong công tác lãnh đạo trước hết là ở chỗ biết vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Chính sự vận dụng sáng tạo ấy đã giúp cho Đảng bộ tổ chức chỉ đạo thành công mọi mặt công tác, từng bước đưa thành phố phát triển đi lên.

Bài học thứ ba, thường xuyên chăm lo xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ; trên cơ sở đó không ngừng mở rộng khối đoàn kết toàn dân là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi

Đoàn kết là một truyền thống cực kì quý báu của dân tộc Việt Nam trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Trung ương Đảng, nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng và mở rộng khối đoàn kết. Trước khi qua đời, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta Bản *Di chúc* lịch sử và căn dặn: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”.

Kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí của Đảng, thực hiện lời dạy của Bác Hồ, đồng thời xuất phát từ thực tế của một đảng bộ có đội ngũ đảng viên đông đảo thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, trình độ nhận thức cũng khác nhau và từ nhiều nơi đến cư trú, Thành ủy Thái Nguyên thường xuyên chăm lo xây dựng và củng

cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, trước hết là trong tập thể cấp ủy; đặc biệt coi trọng sự đoàn kết nhất trí giữa các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của thành phố.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy: Vấn đề đoàn kết nội bộ Đảng bộ, trước hết là sự đoàn kết, nhất trí trong cấp ủy đều trực tiếp ảnh hưởng đến sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lí của Đảng bộ ở tất cả các lĩnh vực trên địa bàn; đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ không những cho thành phố, mà còn cho tỉnh. Vì vậy, Đảng bộ thành phố thường xuyên duy trì chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và các chi bộ. Những biểu hiện gây mất đoàn kết, tự tư, tự lợi, vun vén cá nhân, cục bộ, hữu khuynh..., đã kịp thời bị phê phán và từng bước loại trừ qua các kì đại hội. Nhờ đó, nhìn chung trong gần 40 năm (1962 - 2000), Đảng bộ thành phố vẫn giữ được sự đoàn kết, thống nhất, nhiều năm được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Trên cơ sở giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, Thành ủy luôn chú trọng xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Các đoàn thể không ngừng được củng cố và kiện toàn. Những đồng chí trong cấp ủy được cử sang phụ trách các tổ chức quần chúng. Vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc thành phố ngày càng được tăng cường. Thông qua các cuộc vận động chính trị, các phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác và học tập, Mặt trận đã động viên được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội. Sự nhất trí về chính trị, tinh thần trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trên địa bàn thành phố ngày càng được phát huy cao độ. Đó chính là nhân tố quyết định thắng lợi mọi mặt công tác của thành phố trong 1/4 thế kỉ qua.

Từ thực tiễn gần 40 năm xây dựng và trưởng thành (1962 - 2000) và nhất là 25 năm gần đây (1975 - 2000), Đảng bộ thành phố ngày

càng nhận thức rõ: Muốn xây dựng và giữ vững khối đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Đảng cũng như trong toàn dân, trước hết cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu, luôn luôn chăm lo đến quyền lợi tập thể, biết đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Mặt khác, phải đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, chống mọi biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng bè phái, cục bộ, địa phương chủ nghĩa; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng để không ngừng nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho mỗi người ý thức được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng.

Bài học thứ tư, trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, cần phát động phong trào quần chúng rộng rãi, đồng thời biết xây dựng điển hình, tổng kết điển hình để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Không có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân thì cách mạng không thể thành công.

Nhận thức rõ điều đó, đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, Đảng bộ đều biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Trong tất cả các thời kì, mỗi khi triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Thành ủy đều tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập, khơi dậy và phát huy tính tích cực tự giác ở mỗi người. Nhờ đó, mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhanh chóng đi vào thực tế cuộc sống, trở thành hành động cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Các phong trào thi đua nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, thực hành tiết kiệm, xóa đói, giảm nghèo, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa..., được phát động và duy trì những năm 1975 - 2000, chính là thành

công to lớn của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Trong khi phát động phong trào quần chúng rộng rãi, đồng thời để duy trì phong trào, đối với một số công tác lớn, Đảng bộ thành phố biết tập trung chỉ đạo điển hình. Trên cơ sở xây dựng điển hình (tập thể, cá nhân) tốt, Đảng bộ kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm và phổ biến rộng rãi trong các ngành, các giới, khích lệ động viên mọi người hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

Bài học thứ năm, thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực lãnh đạo, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp là một trong những yếu tố quyết định bảo đảm thắng lợi mọi mặt công tác

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng.

Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng...”⁽¹⁾. Theo Người, “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁽²⁾.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, Đảng bộ thành phố rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ các ngành, các giới và các cấp, nhất là những cán bộ chủ chốt. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa, Thành ủy thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng lí luận chính trị và nghiệp vụ chuyên

^{(1), (2)} *Hồ Chí Minh Toàn tập, 1945 - 1947, tập IV*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội 1984, tr 487, 492.

môn cho cán bộ cấp ủy. Nhiều cán bộ lãnh đạo được cử đi học bồi dưỡng tại các lớp dài hạn do tỉnh hoặc Trung ương tổ chức. Trong những năm gần đây, Thành ủy chủ trương bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cũng như tuyển dụng cán bộ về công tác ở thành phố phải có trình độ đại học hoặc tương đương.

Nhận rõ thực tiễn là môi trường rèn luyện tốt nhất cho mỗi cán bộ, đảng viên, cho nên ngoài biện pháp mở các lớp bồi dưỡng về văn hóa, lý luận chính trị và nghiệp vụ, Thành ủy còn thực hiện chế độ luân chuyển cán bộ. Theo chế độ này, nhiều cán bộ trẻ của thành phố được điều động xuống các phường, xã nhận các chức vụ Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Sau một thời gian, những cán bộ đó được rút về cơ quan Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố giữ các chức vụ quan trọng.

Bằng các biện pháp tích cực và chủ động trên đây, Đảng bộ thành phố đã xây dựng cho mình một đội ngũ cán bộ đủ năng lực và bề dày kinh nghiệm. Tuy nhiên, trên thực tế Đảng bộ chưa đào tạo được đội ngũ cán bộ từ cơ sở để họ có khả năng vươn lên đảm nhận vai trò Bí thư Thành ủy hoặc ở cương vị lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Những bài học kinh nghiệm được đúc rút cùng với những thành tựu đạt được trong 25 năm (1975 - 2000), chính là nguồn động lực mới giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu xây dựng thành phố xứng đáng là trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh và là trung tâm quan trọng về công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, khoa học, giáo dục của vùng trung du - miền núi Việt Bắc.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CÁC KHÓA

1- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VII (1978 - 1980)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Duy An	Bí thư
2	Nguyễn Đình Hình	Phó Bí thư
3	Hoàng Từ	Phó Bí thư
4	Dương Kim Uyên	Phó Bí thư
5	Nguyễn Quang Đạo	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Đình Linh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Trần Sinh	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Vũ Đình Tuy	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Đôn Tường	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Hoàng Vĩnh Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Đặng Đình Các	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Văn Cung	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Huỳnh Cử	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
17	Dương Đình Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Văn Dọng	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Trần Bảo Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Tiến Huân	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Ma Đình Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Chu Thị Lục	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Mai Văn Năm	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Bùi Đình Năng	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Phùng Đức Nụ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Ma Thị Anh Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Trương Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Văn Tuyển	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Đỗ Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Phan Minh Chi	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
33	Bùi Văn Điệp	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
34	Nguyễn Xuân Mai	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35	Vũ Tụng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

2- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII (1980 - 1982)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Duy An	Bí thư
2	Nguyễn Quang Đạo	Phó Bí thư
3	Hoàng Từ	Phó Bí thư
4	Dương Kim Uyên	Phó Bí thư
5	Nguyễn Bảo	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Bảo Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Lạc	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Phùng Đức Nụ	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Dương Văn Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Vũ Đình Tuy	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Đình Âm	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Bùi Thị Ngọc Bích	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Doãn Chí Cao	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Đặng Đình Các	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Văn Dọng	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Phạm Điền	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Bùi Văn Điệp	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Dương Đình Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Bùi Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Ngô Thế Khóa	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Đình Linh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Chu Thị Lục	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Xuân Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Trần Quý Nghĩa	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Phạm Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Văn Tôn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Phùng Quang Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Đoàn Công Triệu	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Văn Bình	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
33	Tiêu Thị Diễm	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
34	Đỗ Kim Trọng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35	Đỗ Vinh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

3- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa IX (1983 - 1986)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Duy An	Bí thư
2	Nguyễn Quang Đạo	Phó Bí thư
3	Vũ Đức Thịnh	Phó Bí thư
4	Bùi Xuân Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Lạc	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Lai	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Vũ Xuân Lữ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Văn Thử	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Hà Trịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Vũ Đình Tuy	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Dương Kim Uyên	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Đình Âm	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Vũ Minh Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Dương Văn Bẩy	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Bùi Thị Ngọc Bích	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Huy Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Thị Bốn	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Vũ Ngọc Cẩn	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Doãn Văn Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Dương Đình Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Kiều Xuân Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Đăng Hào	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Hà Duy Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Chu Thị Lục	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Phạm Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Đỗ Kim Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Phùng Quang Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Trần Tý	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Hồ Sỹ Bắc	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35	Trần Thị Hoài Thu	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

4- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa X (1986 - 1989)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Ngọc Yến	Bí thư
2	Bùi Xuân Hùng	Phó Bí thư
3	Nguyễn Văn Lạc	Phó Bí thư
4	Dương Văn Bảy	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Trần Bảo Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Lê Quang Khải	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Văn Lai	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Văn Thử	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Vũ Đình Tuy	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đào Xuân An	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Đình Âm	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Lê Huy Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Vũ Xuân Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Hoàng Quốc Cư	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Ngọc Dung	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Lê Quang Dục	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Mưu Văn Đăng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Doãn Văn Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Phạm Xuân Đương	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Dương Thị Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Phan Thị Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Lê Thị Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Đinh Văn Khôi	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Hà Duy Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Vũ Thị Tuyết Lan	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Hà Thị Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lê Thanh Mộc	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Thị Nga	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Vũ Thị Nhâm	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Quang Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Thị Sửu	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Trần Thị Hoài Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Nguyễn Văn Thung	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Dương Thanh Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Phùng Quang Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Nghiêm Văn Tung	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Nguyễn Văn Đước	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
41	Nguyễn Xuân Đước	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
42	Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
43	Dương Thế Huân	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
44	Đỗ Duy Hùng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
45	Trần Hường	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
46	Nguyễn Thị Lan	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
47	Nguyễn Văn Sự	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
48	Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
49	Vũ Xuân Thủy	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
50	Chu Văn Toán	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
51	Nguyễn Hữu Tiết	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

5- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XI (1989 - 1992)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Ngọc Yến	Bí thư (đến năm 1991)
2	Bùi Xuân Hùng	Phó Bí thư Thường trực
3	Nguyễn Văn Lạc	Phó Bí thư
4	Đào Xuân An	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Trần Bảo Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đặng Quang Ly	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Lê Thanh Mộc	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Văn Thử	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Đình Ấm	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Lê Huy Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Quốc Cư	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Ngọc Dung	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Quang Dục	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Xuân Đước	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Phạm Xuân Đương	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Đức Hãnh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Dương Thị Hải	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Dương Thế Huân	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Đỗ Duy Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Trần Hường	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Vũ Thị Tuyết Lan	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Vũ Tiến Lâm	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Thị Kim Nga	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Quang Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Ngô Quang Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Trường Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Thị Sửu	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Huy Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Trần Thị Hoài Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Phùng Quang Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Nghiêm Văn Tung	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
37	Nguyễn Thị Lan	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Thay đổi, bổ sung:

Năm 1991, đồng chí Phan Thế Ruệ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Thành ủy.

6- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XII (1992 - 1996)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phan Thế Ruệ	Bí thư
2	Bùi Xuân Hùng	Phó Bí thư
3	Nguyễn Huy Thái	Phó Bí thư
4	Đào Xuân An	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Phạm Xuân Đương	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đặng Quang Ly	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nông Lăng Mao	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Lê Thanh Mộc	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nghiêm Văn Tung	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Vũ Hồng Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Bế Quang Bẩy	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hoàng Gia Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Văn Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Vũ Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Thành Chung	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Dương Thị Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Đức Hân	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Phan Thị Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Trần Viết Hảo	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Nguyễn Thị Hòa	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Dương Thế Huân	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đỗ Duy Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Đăng Kền	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Trịnh Xuân Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Mai Đông Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Chiêm Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Ngô Quang Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Thị Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Đinh Văn Thê	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Vũ Xuân Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Trần Thị Hoài Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Văn Thử	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Nguyễn Thị Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành

Thay đổi, bổ sung:

Hội nghị đại biểu Đảng bộ thành phố giữa nhiệm kỳ (họp từ ngày 22 đến ngày 23/4/1994) bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ 6 đồng chí: Nguyễn Văn Sự, Dương Thắng, Lê Đình Linh, Hoàng Diệp Châu, Vũ Hồng Cương, Nguyễn Minh Thảo.

7- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XIII (1996 - 2000)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phan Thế Ruệ	Bí thư (đến tháng 12/1996)
2	Lê Thanh Mộc	Phó Bí thư
3	Nguyễn Huy Thái	Phó Bí thư
4	Đào Xuân An	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Phạm Xuân Đương	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đặng Quang Ly	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nông Lăng Mao	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Dương Văn Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nghiêm Văn Tung	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Hoàng Gia Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hoàng Diệp Châu	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Phạm Văn Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Thành Chung	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Đào Duy Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Dương Thị Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Đức Hân	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Thị Hằng	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Dương Thế Huân	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Mai Đông Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Phan Thị Yến Lan	Ủy viên Ban Chấp hành

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
22	Đồng Ngọc Linh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Lê Đình Linh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Thị Minh Phượng	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Ngô Quang Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Chiếm Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Văn Sự	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Thị Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Dương Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Đinh Văn Thê	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Trần Quang Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Bùi Minh Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Chiến Trường	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Phạm Quốc Việt	Ủy viên Ban Chấp hành

Thay đổi, bổ sung:

- Tháng 1/1997, đồng chí Lê Thanh Mộc được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định giữ chức vụ Quyền Bí thư Thành ủy.

- Tháng 3/1997, đồng chí Lương Đức Tính được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Thành ủy.

- Tháng 7/1998, các đồng chí: Nguyễn Đình Đường, Lê Cát Lượng, Nguyễn Văn Thời, Đinh Anh Tú được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Tháng 4/1999, đồng chí: Phạm Xuân Đương được Thành ủy bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy; các đồng chí Lê Cát Lượng và Đinh Văn Thể được Thành ủy bầu vào Ban Thường vụ Thành ủy.

- Tháng 1/2000, đồng chí Lê Xuân Hùng (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Thành ủy.

PHỤ LỤC 2

BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN

(1975 - 2000)



Đồng chí Nguyễn Đình Hình (1922 - 2012): Quê quán xã Văn Phú, huyện (nay là thị xã) Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng năm 1946; Phó Bí thư Thường trực Thành ủy (1973 - 1980); được tặng thưởng *1 Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất*, *1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*, *1 Huân chương Lao động hạng Hai*; Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng, 60 năm, 65 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Đức Tân (1930 - 2009): Quê quán xã Lương Phú, huyện Phú Bình; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng ngày 2/1/1960; Phó Bí thư Thành ủy (1974 - 1977); Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố khóa VII (1975 - 1977); Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa VIII (1977 - 1979); được tặng thưởng *1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba*, *1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất*, *1 Huân chương Quân công hạng Nhì*, *Huy chương Vì an ninh Tổ quốc*; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Duy An (1928 - 2012): Quê quán xã Lâm Hồng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay huyện Đan Phượng thuộc thành phố Hà Nội); trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng ngày 2/9/1947; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư Thành ủy (1978 - 1986); được tặng thưởng 1 *Huân chương Chiến thắng hạng Ba*, 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất*; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Dương Kim Uyên (1925 - 2021): Quê quán xã Vĩ Nhuế, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng ngày 3/10/1946; Phó Bí thư Thành ủy (1978 - 1983); Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa IX, X (1979 - 1983); được tặng thưởng 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba*, 1 *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm, 65 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Hoàng Từ (1928 - 2001): Quê quán xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; trú quán đường Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; vào Đảng tháng 8/1947; Phó Bí thư Thành ủy (1978 - 1982); được tặng thưởng 1 *Huân chương Chiến thắng hạng Ba*, 1 *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*; Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Quang Đạo (1931 - 1990): Quê quán, trú quán xã Tích Lương, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên); vào Đảng năm 1950; Phó Bí thư Thường trực Thành ủy (1980 - 1986); Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Vũ Đức Thịnh: Sinh năm 1940; quê quán xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng 25/1/1961; Phó Bí thư Thành ủy (1983 - 1986); Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XI (1984 - 1986); được tặng thưởng 1 *Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì*, 1 *Huân chương Lao động hạng Hai*; Huy hiệu 40 năm 50 năm, 55 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Ngọc Yển: Sinh năm 1943; quê quán xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng năm 1969; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư Thành ủy (1986 - 1992); được tặng thưởng 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*; Huy hiệu 30 năm 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Bùi Xuân Hùng: Sinh năm 1938; quê quán xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; trú quán phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng ngày 2/9/1959; Phó Bí thư Thường trực Thành ủy (1986 - 1995); Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XIII (1989 - 1992); được tặng thưởng 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì*; Huy hiệu 40 năm 50 năm, 55 năm, 60 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Văn Lạc (1934 - 2022): Quê phường Hưng Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng tháng 5/1962; Phó Bí thư Thành ủy (1986 - 1992); Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XI, XII (1986 - 1989); được tặng thưởng 1 *Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì*, 1 *Huân Chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì*; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 55 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Phan Thế Ruệ: Sinh năm 1946; quê quán xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; vào Đảng ngày 6/9/1972; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư Thành ủy (1992 - 1997); Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XIV (1994 - 4/1997); Huy hiệu 30 năm, 40 năm, 45 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Nguyễn Huy Thái: Sinh năm 1948; quê quán xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh); trú quán phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vào Đảng tháng 6/1967; Phó Bí thư Thành ủy (1996 - 3/1999); Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XIII (1989 - 1994); được tặng thưởng 1 *Huân chương Lao động hạng Hai*; Huy hiệu 30 năm, 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Lê Thanh Mộc (1940 - 2019): Quê quán xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng ngày 26/6/1967; Phó Bí thư Thường trực Thành ủy (3/1996 - 11/2000), Quyền Bí thư Thành ủy (1/1997 - 3/1997); Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XIV (4/1997 - 1999); được tặng thưởng 1 *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*; Huy hiệu 30 năm, 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Lương Đức Tính: Sinh năm 1947; quê quán xã Kha Sơn, huyện Phú Bình; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng năm 1981; Bí thư Thành ủy (3/1997 - 1999); được tặng thưởng 1 *Huân chương Độc lập hạng Ba*, 2 *Huân chương Lao động* (hạng Hai, hạng Ba), 1 *Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì*; Huy hiệu 30 năm, 40 năm tuổi Đảng.



Đồng chí Phạm Xuân Dương: Sinh năm 1956; quê quán xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; trú quán phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng ngày 16/6/1986; Phó Bí thư Thành ủy (từ tháng 4/1999); Quyền Chủ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (từ tháng 7/1998).



Đồng chí Lê Xuân Hùng: Sinh năm 1944; quê quán, trú quán xã Tân Phú, huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng tháng 2/1974; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư Thành ủy (từ tháng 1/2000).

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN (1975 - 2000)



Một góc Trung tâm thành phố Thái Nguyên



Thành phố Thái Nguyên trong Ngày vui Đại thắng (năm 1975)



Đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng nói chuyện với đồng bào thành phố Thái Nguyên (năm 1988)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Trung tâm Dạy nghề tại thành phố Thái Nguyên (tháng 10/1989)



Quang cảnh Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XI (1989 - 1992)



Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thái Nguyên khóa XII (1992 - 1996)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp với các Cựu chiến binh
thành phố Thái Nguyên (năm 1998)



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thành phố Thái Nguyên (năm 1998)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm và trồng cây đa tại chùa Đán,
thành phố Thái Nguyên (năm 1998)



Đập thủy lợi Hồ Núi Cốc hoàn thành (năm 1982)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố qua các kì đại hội.

2- Các chỉ thị, nghị quyết hằng năm của Tỉnh ủy Bắc Thái, Tỉnh ủy Thái Nguyên.

3- Các báo cáo tổng kết công tác hằng năm của Thành ủy Thái Nguyên.

4- Các tập *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên* qua các năm.

5- Cục Thống kê Bắc Thái: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái (1986 - 1990)*.

6- Đảng bộ thành phố Thái Nguyên (1978), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VII*.

7- Đảng bộ thành phố Thái Nguyên (1992), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XII*.

8- Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*. Nxb. Sự thật, Hà Nội.

9- Nguyễn Xuân Minh (chủ biên), Phạm Tất Quỳnh, Nguyễn Văn Thắng, Vũ Thanh Khôi, Hà Huy Hoàng (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)*.

10- Nguyễn Văn Thắng (2018), *Thành phố Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2017)*, Nxb. Đại học Thái Nguyên.

11- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1946)*. Xuất bản lần 3, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

12- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 5 (1947 - 1949)*. Xuất bản lần 3, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

13- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 12 (1966 - 1969)*. Xuất bản lần 3, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	9
<i>Chương I- ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1986)</i>	13
I- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, chi viện các tỉnh biên giới chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc (1975 - 1980)	13
II- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân (1980 - 1986)	66
<i>Chương II- ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KÌ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1986 - 2000)</i>	99
I- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986 - 1990)	99
II- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng thành phố phát triển toàn diện, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh (1991 - 1996)	136
III- Lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996 - 2000)	160
KẾT LUẬN	173
PHỤ LỤC	181
Phụ lục 1- Ban Chấp hành Đảng bộ các khóa	181
Phụ lục 2- Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy Thái Nguyên (1975 - 2000)	197
Phụ lục 3- Một số hình ảnh hoạt động thành phố Thái Nguyên (1975 - 2000)	203
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	208

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3840023; Fax: 0208 3840017

Website: nxb.tnu.edu.vn * E-mail: nxb.dhtn@gmail.com

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Tập II
(1975 - 2000)**

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHẠM QUỐC TUẤN

Giám đốc - Tổng biên tập

Biên tập:

NÔNG THỊ NINH

Thiết kế bìa:

DƯƠNG MINH NHẬT

Chế bản:

LÊ THÀNH NGUYỄN

Sửa bản in:

DƯƠNG MINH NHẬT

DƯƠNG MINH NHẬT

Liên kết xuất bản:

Công ty Cổ phần In Hà Nội

(Địa chỉ: Lô 6B, CN5, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội)

ISBN: 978-604-350-177-3

In 500 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty Cổ phần In Hà Nội (Địa chỉ: Lô 6B, CN5, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội). Giấy phép xuất bản số: 4633-2022/CXBIPH/2-172/ĐHTN. Quyết định xuất bản số: 327/QĐ-NXBĐHTN, ngày 21/12/2022. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2022.